ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

AGRIBANK

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đính kèm Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 66/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 7 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày ...../...../2025 tại:

Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Địa chỉ	:	Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	024. 3772 2773
Website	:	www.agribank.com.vn

Tổ Chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ	:	Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024. 6276 2666
Website	:	agriseco.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên	: Đoàn Ngọc Lưu	- Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Điện thoại	: 024. 37722773	- Fax:	024.38314069

QUYỂN 1/2

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đính kèm Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- **Tên Trái Phiếu**	: Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025
- **Loại Trái Phiếu**	: Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật
- **Mệnh giá**	: 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu)
- **Giá chào bán**	: 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu)
- **Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán**	: 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu
- **Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá**	: 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng)
- **Kỳ hạn Trái Phiếu**	: 10 (mười) năm
- **Lãi suất**	: Lãi suất là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau: **Lãi suất Trái phiếu = LSTC + biên độ** Quy định chi tiết về lãi suất được trình bày tại Khoản 11 Mục VI
- **Kỳ hạn trả lãi**	: 01 năm/lần.

- **<u>TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH</u>:** Không có
- **<u>TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH</u>:** Không có
- **<u>TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:</u>**

Công ty TNHH KPMG

- Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 3946 1600 - Fax: 024. 3946 1601

➢ **TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 6276 2666 - Fax: 024. 6276 5666

➢ **ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 38181888 - Fax: (84) 24 38181688

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Digitally signed by NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Ba Đình, CN=NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100686174
Reason: I have reviewed this document
Location: your signing location here
Date: 2025-07-04 14:23:54
Foxit Reader Version: 9.6.0

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1

1. Tổ Chức Phát Hành 1
2. Tổ chức tư vấn 1

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 2

1. Rủi ro về kinh tế 2
2. Rủi ro về luật pháp 3
3. Rủi ro đặc thù 4
4. Rủi ro về đợt chào bán 11
5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán 11
6. Rủi ro quản trị công ty 13
7. Rủi ro khác 13

III. CÁC KHÁI NIỆM 14

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 15

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 19
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 29
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 32
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 34
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 36
8. Hoạt động kinh doanh 38
9. Thông tin về cổ đông lớn, chủ sở hữu công ty, thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên 82
10. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 83

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức 113

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 114

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành 114

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng, liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 116

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa tích 116

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 117

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 117

2. Tình hình tài chính 125

3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành . 134

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm 135

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2025 135

6. Kế hoạch chào bán Trái Phiếu trong vòng 03 năm tiếp theo 137

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 138

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán 138

2. Định nghĩa và nguyên tắc diễn giải 139

3. Tên Trái Phiếu 142

4. Mã Trái Phiếu trước khi niêm yết 142

5. Loại Trái Phiếu 142

6. Hình thức Trái Phiếu 142

7. Mệnh giá Trái Phiếu 142

8. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán 142

9. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá 142

10. Kỳ hạn Trái Phiếu 142

11. Lãi suất 142
12. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc 144
13. Giá chào bán 147
14. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động 147
15. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu Trái Phiếu 147
16. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu 152
17. Cam kết về bảo đảm 154
18. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn 154
19. Hủy bỏ Trái Phiếu 154
20. Phương thức phân phối 154
21. Đăng ký mua Trái Phiếu 155
22. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu 157
23. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu 157
24. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành 157
25. Các loại thuế liên quan 158
26. Thông báo, địa chỉ đăng ký 159
27. Thông tin về các cam kết 160
28. Luật điều chỉnh 161
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 162
1. Mục đích chào bán 162
2. Phương án khả thi 162
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 162
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu 162
2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư 163
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 164

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán 164
2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành về đợt chào bán 164
3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán 165
X. PHỤ LỤC 166
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 167

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

- Ông: **Tô Huy Vũ** - Chức vụ: Chủ tịch HĐTV
- Ông: **Phạm Toàn Vượng** - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông: **Phùng Văn Hưng Quang** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền: Ông **Lê Sơn Tùng** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn phát hành, Tư vấn niêm yết, Đại lý phát hành, Đại lý đăng ký, lưu ký Trái Phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2025 số 21/2025/TPRCC/AGRISECO – AGRIBANK ngày 22 tháng 05 năm 2025 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại. Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Chính phủ tiếp tục thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định...

Năm 2023, nền kinh tế nước ta tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, GDP quy mô 430 tỷ USD, tăng trưởng 5,05%, cao gấp 1,5 lần so với mức tăng trưởng 2,9% của kinh tế toàn cầu. Tuy không đạt mục tiêu 6,5% đề ra nhưng Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Hình: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm

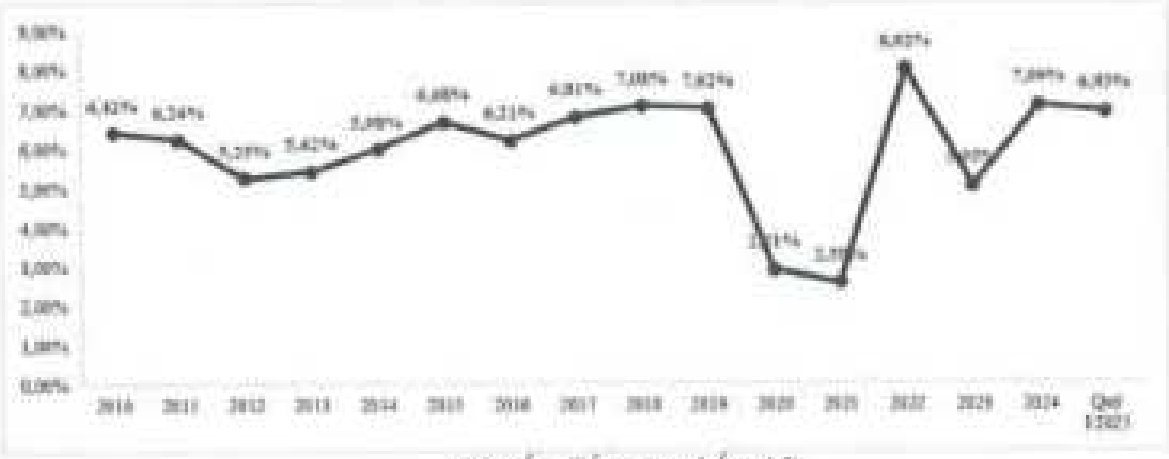

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Kinh tế Việt Nam năm 2024 dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng quý, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra. GDP cả nước năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm 2023, vượt chỉ tiêu được Chính phủ đưa ra ở mức 7%. Tăng trưởng kinh tế vượt trội của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều khó khăn với nhiều yếu tố rủi ro, bất ổn định.

Tính đến Quý I/2025, GDP tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với

quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%, đóng góp 40,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,70%, đóng góp 53,74%.

Về tình hình lạm phát, trong Quý I/2025, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gay gắt, đặc biệt chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ gây căng thẳng thương mại và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, xung đột quân sự Nga – U-crai-na tiếp tục leo thang ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định khu vực và kinh tế thế giới. Những bất ổn chính trị tại Trung Đông, Biển Đỏ và dải Gaza kéo dài. Trong bối cảnh tăng trưởng yếu đi và lạm phát tăng cao các tháng đầu năm, nhiều quốc gia đã nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng. Lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn chưa trở về mức mục tiêu của một số quốc gia. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 3/2025 tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, tuy nhiên không thể đảm bảo rằng nền kinh tế sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai khi mà nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Lạm phát tăng kéo theo chi phí của Tổ Chức Phát Hành tăng, bao gồm chi phí trả lương người lao động, chi phí tài chính, chi phí quản lý khác,... Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí này vào giá dịch vụ cho khách hàng, điều đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Sự suy giảm của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định của pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng tại Việt Nam, trong đó có Agribank. Trong thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành nhằm thay thế các văn bản quy phạm pháp luật cũ không còn phù hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế còn đang phát triển và trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, hệ thống pháp luật tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Vậy đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối

với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến các vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan có thẩm quyền.

Rủi ro pháp lý liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc Agribank bị khởi kiện. Rủi ro này có thể phát sinh trong các mảng hoạt động của Agribank, đặc biệt là hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của Agribank chịu sự điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, các văn bản chính sách của NHNN và các bộ ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của NHNN đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Agribank.

Để phòng chống các rủi ro này, Agribank đã thực hiện cơ chế giám sát online hàng ngày qua hệ thống Core Banking và trách nhiệm này được giao cho bộ phận kiểm soát, giám sát. Với hệ thống Core Banking nói trên, nếu xuất hiện rủi ro, hệ thống có thể cập nhật kịp thời các cảnh báo, đồng thời chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính, đảm bảo sự chính xác trong khâu tác nghiệp của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Agribank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời, Agribank có các đơn vị nghiệp vụ tại trụ sở chính với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật và các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank.

Agribank cũng đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống bảo để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản. Bộ phận pháp chế của ngân hàng chịu trách nhiệm tư vấn hoàn thiện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý, phù hợp với quy định pháp luật. Agribank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai dịch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid 19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu,

hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của Agribank và đòi hỏi Agribank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và Agribank nói riêng do các khoản cho vay khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của các NHTM, nguồn thu từ hoạt động tín dụng cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu và đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của các NHTM. Rủi ro tín dụng có thể dẫn tới tổn thất về tài sản, sụt giảm thu nhập, lợi nhuận và giảm khả năng thanh toán của ngân hàng. Do đó, Agribank thường xuyên và luôn quan tâm chú trọng đến rủi ro tín dụng, xác định giới hạn mức rủi ro hợp lý, đồng thời chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp như sau:

- Một là, theo định hướng của Ban điều hành, đảm bảo kế hoạch do NHNN giao năm 2025, Agribank đã rà soát từng chi nhánh trên cơ sở nợ xấu thực hiện năm 2024, kế hoạch chi nhánh xây dựng để giao chỉ tiêu tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn cho từng Chi nhánh phù hợp đảm bảo mục tiêu, định hướng nợ xấu của Agribank. Thường xuyên cập nhật, đánh giá tính khả thi của phương án xử lý nợ xấu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỷ lệ nợ xấu do NHNN giao năm 2025. Đến thời điểm 31/03/2025 tỷ lệ nợ xấu của Agribank là 1,47% theo Thông tư 31. Agribank quyết liệt áp dụng các biện pháp xử lý nợ đảm bảo tỷ lệ nợ xấu thời điểm 31/12/2025 dưới 1,5% (đảm bảo hoàn thành kế hoạch NHNN giao năm 2025).
- Hai là, xây dựng phương án xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ tiềm ẩn nợ xấu toàn hệ thống năm 2025 đảm bảo hoàn thành phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai phương án của các chi nhánh, theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo các chi nhánh rà soát, xây dựng lộ trình, biện pháp xử lý thu hồi nợ phù hợp đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng cụ thể cũng như cập nhật tiến độ thu hồi các khoản nợ xấu. Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn nợ xấu ở mức dưới 2,76%.
- Ba là, Agribank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề và tổ chức triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo tại Trụ sở chính, tại các Chi nhánh; phân công nhiệm vụ và triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề, đồng thời thành lập các Tổ chuyên trách để triển khai công tác thu hồi khắc phục tồn tại, xử lý nợ có vấn đề, nâng cao hiệu quả hoạt động từ Trụ sở chính đến Chi nhánh đối với các đơn vị tồn tại lớn, kết quả thu hồi hạn chế.
- Bốn là, bám sát việc thực hiện theo kế hoạch được giao của các chi nhánh: Cập nhật tình hình các nhóm nợ của chi nhánh để theo dõi sự biến động, cũng như hỗ trợ các Chi nhánh xử lý các tình huống phát sinh hằng ngày. Với chi nhánh có phát sinh nợ xấu cao, thành lập đoàn công tác làm việc với Chi nhánh để nắm bắt tình hình thực tế cũng như đôn đốc, hỗ

trợ và chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát tốt nợ tiềm ẩn phát sinh nợ xấu, xử lý thu hồi nợ xấu.

- Năm là, áp dụng linh hoạt, đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế về xử lý nợ để tăng cường quản lý, giám sát và chỉ đạo các chi nhánh trong công tác xử lý, thu hồi nợ.
- Sáu là, tăng cường rà soát các khoản nợ tiềm ẩn, nợ xấu; thường xuyên cảnh báo tới chi nhánh để kịp thời triển khai các biện pháp xử lý thu hồi nợ.
- Bảy là, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chi nhánh về việc quyết liệt triển khai các biện pháp xử lý, thu hồi nợ xấu.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối; rủi ro giá cổ phiếu; rủi ro giá hàng hóa.

- Rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng. Sự thay đổi (tăng hoặc giảm) của lãi suất trên thị trường, rủi ro phát sinh từ các yếu tố liên quan đến đơn vị phát hành công cụ tài chính mà Ngân hàng đang nắm giữ ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị thị trường của công cụ tài chính, có thể dẫn đến sự suy giảm về lợi nhuận và lợi tức Ngân hàng nhận được từ công cụ tài chính đó.
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các tài sản và khoản nợ bằng ngoại tệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của ngân hàng.
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của Ngân hàng. Biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến giá trị các khoản đầu tư và kết quả hoạt động đầu tư của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của Ngân hàng.
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng. Biến động giá hàng hóa ảnh hưởng đến giá trị các sản phẩm phái sinh và kết quả hoạt động đầu tư của ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm lợi nhuận của Ngân hàng.

Để đo lường và kiểm soát rủi ro thị trường, Agribank áp dụng các công cụ, phương pháp, mô hình đo lường rủi ro như trạng thái mở thuần (NOP), phương pháp, mô hình định giá giá trị thị trường đối với danh mục ngoại hối, giấy tờ có giá và phương pháp Var lịch sử đối với danh mục ngoại hối; đồng thời thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro thị trường như: hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ trong kinh doanh ngoại tệ, hạn mức trạng thái vàng… Công tác quản lý rủi

ro thị trường cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của NHNN và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh, đảm bảo Agribank luôn duy trì trạng thái rủi ro thị trường tuân thủ khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro của Agribank và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

3.3. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Agribank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm với lãi suất mà thu nhập thuần hay vốn chủ sở hữu của Agribank có thể bị ảnh hưởng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Agribank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- HĐTV Agribank đã ban hành quy định và Tổng Giám đốc ban hành quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong hệ thống Agribank. Hiện việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Agribank đã đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT – NHNN, chuẩn bị các điều kiện đáp ứng Basel II theo phương pháp nâng cao, tiến tới triển khai Basel III;
- Agribank đang sử dụng các công cụ đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng gồm: (i) Khe hở tái định giá (GAP); (ii) Chỉ số thay đổi thu nhập lãi thuần (ANII); (iii) Chỉ số thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (AEVE). Đồng thời, Agribank đã xây dựng hạn mức và vùng cảnh báo sớm rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, đáp ứng được yêu cầu của NHNN và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Agribank;
- Thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay cũng như điều chỉnh lại cơ cấu giữa huy động vốn và sử dụng vốn. Để tránh rủi ro lãi suất, Agribank thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường để điều hành lãi suất trên toàn hệ thống đảm bảo chênh lệch đầu ra đầu vào thực dương.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng (ngoại trừ các tác động về danh tiếng có nguyên nhân từ rủi ro hoạt động).

Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh mẽ sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác hoặc thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các rủi ro hoạt động liên quan đến ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba.

Agribank đang áp dụng 02 phương pháp đo lường rủi ro hoạt động (sử dụng các phát hiện của Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán, thu thập, phân tích số liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài), đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

Căn cứ kết quả nhận dạng, đo lường và theo dõi rủi ro hoạt động, Agribank thực hiện kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ; thiết lập hạn mức rủi ro hoạt động, giám sát mức độ rủi ro hoạt động theo hạn mức; triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động phù hợp (gồm giảm thiểu rủi ro, chuyển giao, chia sẻ rủi ro, phòng tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro), báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro hoạt động, xử lý kịp thời các sự kiện rủi ro hoạt động.

Xây dựng phương án, kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong những trường hợp gián đoạn hoạt động do: mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, chiến tranh,...) nhằm chủ động ứng phó, khôi phục các hoạt động kinh doanh trong thời gian sớm nhất, giảm thiểu các ảnh hưởng có thể xảy ra.

3.5. Rủi ro về Phòng, chống rửa tiền

Để tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quản lý rủi ro rửa tiền, Agribank đã ban hành các văn bản quy định nội bộ về Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tuân thủ trừng phạt (PCRT và TTKB); thực hiện đầy đủ các biện pháp nhận biết khách hàng, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, giám sát giao dịch, báo cáo và lưu trữ, bảo mật thông tin theo quy định; cung cấp thông tin theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện đào tạo và kiểm toán nội bộ phòng, chống rửa tiền định kỳ hàng năm nhằm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ am hiểu về quy định, trách nhiệm trong công tác PCRT và TTKB, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác PCRT và TTKB.

3.6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Agribank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Agribank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Agribank. Rủi ro thanh khoản có thể làm giảm thu nhập, uy tín của ngân hàng, nghiêm trọng hơn có thể khiến ngân hàng mất khả năng thanh toán. Agribank đã ban hành quy định, quy trình quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống Agribank, qua đó Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Agribank đã triển khai thực hiện đầy đủ quy định của NHNN thông qua các phương pháp sau: phương pháp dòng tiền thông qua báo cáo khe hở thanh khoản và phương pháp dựa trên chỉ số của bảng cân đối (bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ Dư nợ

cho vay/Tổng tiền gửi; tỷ lệ Vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung, dài hạn). Ban Quản lý tài sản Nợ-tài sản Có, Trung tâm Quản lý rủi ro Phi tín dụng phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên xem xét và tính toán các tỷ lệ khả năng thanh khoản và có biện pháp đảm bảo tỷ lệ khả năng thanh khoản trong từng khoảng thời gian tiếp theo. Agribank cũng đã xây dựng kế hoạch dự phòng trường hợp xảy ra khủng hoảng thanh khoản và cách đối phó trong từng thời kỳ. Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Hơn nữa, Agribank duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường; tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN; và luôn sẵn sàng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở với NHNN để đảm bảo thanh khoản của hệ thống. Agribank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

3.7. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hiện nay, tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt gần 70% tổng dư nợ của Agribank. Vì vậy, những thay đổi về môi trường, sự xuất hiện của dịch bệnh hay những chính sách tác động đến khu vực nông nghiệp, nông thôn có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, thu nhập, lợi nhuận và triển vọng phát triển của Agribank.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

3.8. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Agribank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này đã tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Các hoạt động ngoại bảng (như cam kết bảo lãnh thanh toán, cam kết trong nghiệp vụ L/C, ...) là các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn do khi khách hàng vi phạm thỏa thuận với bên thứ ba, Ngân hàng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba và các khoản nợ tiềm ẩn này sẽ thành nghĩa vụ nợ thực sự, dẫn tới gia tăng chi phí trích lập, giảm lợi nhuận và suy giảm tài sản của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, Agribank đã xây dựng, sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định về công tác tín dụng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ, đảm bảo ngăn ngừa các yếu tố tiềm ẩn rủi ro; xử lý nghiêm tập thể và cá nhân liên quan các tồn

tại vi phạm; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật, các quy định, quy trình của Agribank cho cán bộ toàn hệ thống.

3.9. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động thay đổi xu hướng thị trường, khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến tăng nhanh, mức độ tự động hóa xử lý giao dịch và quản lý tập trung ngày càng cao. Do vậy, hệ thống thông tin là một phần rất quan trọng trong hoạt động của một ngân hàng hiện đại và đồng nghĩa với việc đối mặt với các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến công nghệ, quy trình và con người. Việc đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục, ổn định và an toàn, hỗ trợ hiệu quả các công tác kế toán, tài chính, quản lý rủi ro, phân tích tín dụng, báo cáo, dịch vụ khách hàng và các hoạt động khác, có tính quyết định đối với công việc kinh doanh và khả năng cạnh tranh hiệu quả của ngân hàng.

Vì vậy, nhằm đáp ứng các quy định của Nhà nước (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2020/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng;…) và bảo vệ hệ thống thông tin khỏi các rủi ro tiềm ẩn nêu trên, Agribank đã chủ động ban hành các chính sách, quy định nội bộ về an toàn hệ thống thông tin. Đồng thời, Agribank cũng thường xuyên chủ động định kỳ rà soát, cập nhật rủi ro và lên phương án phòng ngừa rủi ro. Trong đó, tại Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030, Agribank đã đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro hệ thống thông tin như: Xây dựng kiến trúc an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu mới của ứng dụng và nghiệp vụ; Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); Đầu tư hệ thống kiểm thử an ninh bảo mật ứng dụng; Đầu tư hệ thống quản lý lỗ hổng và bản vá tập trung; Triển khai dịch vụ an ninh bảo mật phòng chống tấn công từ xa;….

3.10. Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Agribank hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các Ngân hàng khác (bao gồm cả NHTM có vốn Nhà nước chi phối khác, NHTM cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Trong thời gian qua, thị trường Fintech Việt Nam đã có những bước phát triển khá ấn tượng. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam, số lượng công ty Fintech trong nước đã tăng đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2023, từ 10 công ty vào cuối năm 2010 lên hơn 187 công ty vào năm 2023 và vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng trong vài năm tới, thậm chí là thập kỷ tới. Thị trường Fintech Việt Nam còn được hưởng lợi từ hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ và sự gia tăng các khoản đầu tư mạo hiểm. Số liệu của Mordor Intelligence cho thấy

quy mô thị trường Fintech Việt Nam ước đạt gần 200 tỷ USD năm 2025 và dự kiến sẽ vượt 520 tỷ USD vào năm 2030, sở hữu tốc độ tăng trưởng kép hàng năm ấn tượng là 20,23% năm 2025 đến năm 2030.

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán

Đợt phát hành Trái Phiếu ra công chúng của Agribank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp không bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành. Ngoài ra, trường hợp có nhiều TCTD khác phát hành Trái Phiếu với cùng đặc điểm, cùng loại Trái phiếu, cùng kỳ hạn và trong cùng khoảng thời gian chào bán với Trái Phiếu của Agribank sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh giữa các sản phẩm Trái Phiếu; do đó có thể dẫn tới những rủi ro bất lợi về khả năng hấp thụ thành công khối lượng Trái Phiếu đã đăng ký chào bán của Agribank. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu đã đăng ký, Agribank sẽ sử dụng các nguồn vốn huy động trung và dài hạn thông thường để cân đối phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

b) Rủi ro của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu được sử dụng để tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, tăng trưởng thêm nguồn vốn dài hạn đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế chung theo kế hoạch kinh doanh được phê duyệt. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất… đã đề cập ở trên.

5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán

a) Trái Phiếu không phải là khoản nợ có đảm bảo

Nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu sẽ được đáp ứng từ các nguồn như sau: Nguồn thu nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu của Agribank; Nguồn vốn tích lũy của Agribank; Nguồn vốn huy động khác và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank. Tuy nhiên, nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành không được đảm bảo bằng bất kỳ tài sản nào của Tổ Chức Phát Hành hay bên thứ ba nào khác. Do đó, người sở hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền đòi thanh toán trực tiếp bằng các tài sản của Tổ Chức Phát Hành hay của bên thứ ba nào khác.

b) Trái Phiếu là nợ thứ cấp

Trái Phiếu là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Theo đó, trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản hay giải thể, người sở hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán Trái Phiếu sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có đảm bảo và không có đảm bảo khác của Tổ Chức Phát Hành. Với điều kiện này, khi Tổ Chức Phát Hành bị

giải quyết theo thủ tục phá sản hay giải thể, người sở hữu Trái Phiếu có thể sẽ không bảo toàn được vốn đầu tư vào Trái Phiếu.

c) Lãi Trái Phiếu có thể bị tạm ngừng trả

Theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành sẽ dự chi cho tiền lãi Trái Phiếu hàng năm, tuy nhiên không có gì đảm bảo rằng Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải thực hiện quyền tạm ngừng trả lãi nếu kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các yếu tố khác, trong đó có các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này. Lãi sau khi được tạm ngừng trả, sẽ được kết chuyển sang năm tiếp theo và sẽ được thanh toán theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

d) Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường và không có gì đảm bảo rằng thị trường giao dịch của Trái Phiếu sẽ phát triển hơn trong tương lai. Ngoài ra, Trái Phiếu có thể được giao dịch trên thị trường với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tùy thuộc vào nhiều yếu tố kể cả lãi suất áp dụng tại thời điểm đó, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.

e) Phát hành thêm chứng khoán

Tùy từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức mà Tổ Chức Phát Hành cho là phù hợp, kể cả việc phát hành thêm chứng khoán nợ (với các điều khoản và điều kiện tương tự như Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và hoặc các điều khoản và điều kiện khác), phụ thuộc vào việc xin được các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng việc huy động vốn theo các cách thức nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

f) Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân cần biết rằng Trái Phiếu mà họ sở hữu sẽ không được hưởng chế độ bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật Việt Nam (Luật Bảo hiểm Tiền gửi số 06/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan).

g) Tiền lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Tiền lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế. Nhà đầu tư cần biết rằng các khoản thanh toán của Agribank cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải chịu thuế và Agribank không có nghĩa vụ đóng thuế đánh trên các khoản thanh toán đó. Agribank hoặc Đại Lý Thanh Toán có thể phải khấu trừ khoản thuế phải nộp trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và nộp các khoản thuế đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam *(Xem thêm tại Khoản 25 Mục VI)*.

h) Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu có thể bị giới hạn theo quy định của NHNN

Hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do tổ chức tín dụng và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên, để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với Trái Phiếu doanh nghiệp và/hoặc Trái Phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với các Trái Phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp. Xu hướng này bao gồm cả việc các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư một phần nguồn lực nhằm nâng cao mối liên hệ giữa việc chấp nhận rủi ro và thu nhập của doanh nghiệp, đồng thời việc thiết lập quản trị rủi ro đủ mạnh là một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách ở cấp độ quản lý của doanh nghiệp.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Cơ cấu điều hành và quản trị của Agribank được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Agribank còn được kiểm soát chặt chẽ. Do đó các hoạt động điều hành của HĐTV, Ban Điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Agribank có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và các ngành chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, tác động ít nhiều đến hoạt động của Agribank, đặc biệt đây là lĩnh vực đầu tư chính của Agribank.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Bản Cáo Bạch	:	Bản Cáo Bạch này là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về Trái Phiếu chào bán, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu.
Tổ Chức Phát Hành/Agribank	:	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Tổ chức tư vấn/Agriseco	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank
NHTM	:	Ngân hàng thương mại
TCTD	:	Tổ chức tín dụng
CTCP	:	Công ty cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TMCP	:	Thương mại cổ phần
HĐTV	:	Hội đồng thành viên
BKS	:	Ban kiểm soát
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
BCTC	:	Báo cáo tài chính
ATM	:	Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
KBNN	:	Kho bạc Nhà nước
NSNN	:	Ngân sách Nhà nước
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
CK	:	Chứng khoán
TCKT	:	Tổ chức kinh tế
NHĐL	:	Ngân hàng đại lý

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

◆ Tên đầy đủ tiếng Việt	:	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
◆ Tên giao dịch quốc tế	:	VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
◆ Tên viết tắt	:	AGRIBANK
◆ Trụ sở chính	:	Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
◆ Điện thoại	:	024. 3772 2773 Fax: 024. 3831 4069
◆ Website	:	www.agribank.com.vn
◆ Logo		AGRIBANK
◆ Vốn thực góp của chủ sở hữu đến 31/03/2025	:	51.638.603 triệu đồng (tại thời điểm 31/03/2025 theo BCTC hợp nhất Quý I/2025).
◆ Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động	:	51.638.603.001.584 đồng
◆ Vốn chủ sở hữu	:	129.429.589 triệu đồng (tại thời điểm 31/03/2025 theo BCTC hợp nhất Quý I/2025).
◆ Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 24/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 26/5/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung
◆ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	Số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.
◆ Người đại diện theo pháp luật	:	Ông **Phạm Toàn Vượng** – Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
◆ Mã số thuế	:	0100686174
◆ Mã cổ phiếu	:	Không có

➢ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Agribank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Agribank, và phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động kinh doanh chính của Agribank bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước.
3	Mở tài khoản cho khách hàng.
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại NHNN; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN.
13	Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN.
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và

STT	Tên ngành
	hướng dẫn của NHNN.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
18	Lưu ký chứng khoán.
19	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
20	Mua nợ.

➢ **Các giải thưởng và danh hiệu, xếp hạng tín nhiệm**

- 14 năm đạt "TOP 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam".
- 04 năm đạt Giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
- 03 năm 2018, 2020, 2022 đạt "Thương hiệu Quốc gia".
- 04 năm liên tiếp đạt "Ngân hàng tiêu biểu vì Cộng đồng"; "Ngân hàng tiêu biểu về hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao" ; "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh", "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu".
- 14 ứng dụng và hệ thống công nghệ thông tin của Agribank được vinh danh tại giải thưởng Sao Khuê cho hệ thống công nghệ thông tin xuất sắc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và Ngân hàng số.
- Từ năm 2016 đến nay, Agribank thuộc Top đầu trong danh sách Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
- Asian Banking & Finance trao tặng "Ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội và chương trình xanh của năm" và "Ngân hàng có giải pháp thanh toán trên điện thoại tốt nhất của năm"; "Ngân hàng bán lẻ nội địa tốt nhất năm tại Việt Nam năm 2020".
- 05 năm đạt TOP 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín qua nhiều năm
- 05 năm liên tiếp là ngân hàng xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance.
- Ngân hàng có thứ hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản trong năm 2021

được tạp chí The Asian Banker công bố.

- Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's (Fitch Ratings) nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức "Ba3" lên mức "Ba2" với triển vọng "Ổn định" năm 2022 đến nay ; Được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings xếp hạng là nhà phát hành dài hạn ở mức BB+ với triển vọng "Ổn định" từ năm 2023 đến nay, bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam.
- Giải thưởng Ngân hàng có mạng lưới ATM tốt nhất, dẫn đầu về chuyển đổi thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS do Công ty CP Thanh toán quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ toàn vẹn dữ liệu cao nhất do Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh.
- Giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số sử dụng thẻ ghi nợ, tăng trưởng tỷ lệ giao dịch thanh toán chạm, phát triển thẻ ghi nợ và doanh số thanh toán thẻ do các Tổ chức Thẻ quốc tế trao tặng (JCB, Visa, MasterCard).
- Agribank – Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng tỉ lệ giao dịch thanh toán chạm
- Giải thưởng Ngân hàng giao dịch trái phiếu xuất sắc năm 2022, 2023 do London Stock Exchange Group (LSEG) trao tặng.
- Giải thưởng top 5 thành viên giao dịch đặc biệt có thị phần giao dịch lớn nhất năm 2022 do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trao tặng
- Trong nhiều năm liên tiếp, Agribank được các các ngân hàng uy tín trên thế giới như J.P. Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank, Citibank và Bank of New York Mellon ghi nhận với hàng loạt giải thưởng danh giá như "Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao" và "Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc". Năm 2024, Agribank vinh dự được ngân hàng Wells Fargo trao tặng Giải thưởng "Công nhận đặc biệt" nhờ tỷ lệ điện đạt chuẩn STP cao, tỷ lệ điện ghi sổ cao, tỷ lệ tra soát tốt.
- Đạt 14 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2025.

➢ **Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, triết lý kinh doanh**

- **Tầm nhìn**: Phát triển theo hướng ngân hàng hiện đại, " tăng trưởng- an toàn- hiệu quả- bền vững", khẳng định vai trò chủ lực trong đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.
- **Giá trị cốt lõi**: Trung thực, Kỷ cương, Sáng tạo, Chất lượng, Hiệu quả.
- **Sứ mệnh**: Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam; giữ vai trò chủ lực trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- **Triết lý kinh doanh**: Mang phồn thịnh đến khách hàng.

➢ **Trách nhiệm xã hội**

Là một trong các ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Agribank tích cực triển khai công tác hỗ trợ an ninh xã hội trên khắp cả nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm, Agribank đều dành hàng trăm tỉ đồng để thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, quan tâm chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, dịch bệnh.

Trong năm 2023, từ lợi nhuận kinh doanh, Agribank đã dành hơn 388 tỷ đồng kinh phí cho các chương trình an sinh, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế; xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết; xóa đói giảm nghèo; đền ơn đáp nghĩa; khắc phục hậu quả thiên tai. Trong đó, riêng kinh phí đầu tư cho giáo dục hơn 163 tỷ đồng; đầu tư xây dựng công trình và mua sắm thiết bị y tế hơn 39 tỷ đồng; kinh phí dành để xây dựng nhà ở cho người nghèo hơn 126 tỷ đồng; hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai hơn 3 tỷ đồng; kinh phí dành cho các hoạt động xã hội khác là hơn 55 tỷ đồng.

Tiếp tục phát huy trách nhiệm với xã hội đối với cộng đồng trong nhiều năm qua, Agribank dành nhiều nguồn lực triển khai các chương trình tài trợ cho các dự án an sinh xã hội, hỗ trợ người dân nghèo và các địa phương có hoàn cảnh khó khăn. Agribank đặc biệt chú trọng đến việc phát triển hạ tầng nông thôn, cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi cho nông dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực phục vụ lợi ích cộng đồng như giáo dục, y tế và môi trường. Trong năm 2024, Agribank đã giành 686 tỷ đồng kinh phí cho các chương trình an sinh. Trong đó, tài trợ người nghèo là 317,6 tỷ đồng, tài trợ cho giáo dục là 167 tỷ đồng, an sinh xã hội là 123 tỷ đồng, tài trợ cho y tế là 41,5 tỷ đồng, tài trợ phòng chống thiên tai là 37,2 tỷ đồng.

Với những đóng góp tích cực cho công tác an sinh xã hội trong nhiều năm qua, Agribank được các tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận là Ngân hàng vì cộng đồng; Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới; Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng; Ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội khu vực Đông Nam Á… Hình ảnh thương hiệu gắn liền với dấu ấn "Agribank – Ngân hàng vì cộng đồng" đã lan tỏa mọi miền Tổ quốc, đến tận vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
1988	Thành lập ngày 26/03/1988 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam.
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
1995	Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách Xã hội, tách

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
	ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
1996	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).
2003	Được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
	Triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán và kế toán khách hàng (IPCAS) tại các chi nhánh của Agribank.
2005	Mở Văn phòng đại diện đầu tiên tại nước ngoài tại Campuchia.
2007	Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số 1 Việt Nam.
2008	Kỷ niệm 20 năm thành lập.
	Được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì.
	Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn Châu Á – Thái Bình Dương (APRACA).
	Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
2009	Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc.
	Lần thứ 2 đạt Giải thưởng TOP 10 Sao vàng đất Việt.
	Khai trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống.
2010	Khai trương chi nhánh tại Campuchia; Khẳng định vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam trong lĩnh vực phát triển chủ thẻ.
	Top 10 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
2011	Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
2012	Ngân hàng thương mại có quy mô tổng tài sản lớn nhất Việt Nam.
	Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500); Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN; Thương hiệu nổi tiếng ASEAN; Ngân hàng có chất lượng thanh toán cao; Ngân hàng thương mại thanh toán hàng đầu Việt Nam.
2013	Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ Đổi mới.
2014	Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu.
	Ngân hàng thương mại duy nhất lần thứ 5 liên tiếp thuộc Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Agribank lên B+.
2015	Triển khai thành công Đề án tái cơ cấu lại Agribank giai đoạn 2013-2015 đã được Thống đốc NHNN phê duyệt.
	Thành lập Trung tâm Vốn Agribank nhằm nâng cao tính tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Vốn và Ngoại tệ.

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
	Ra mắt hệ thống phát hành và thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV đem lại nhiều tiện lích và an toàn hơn cho chủ thẻ Agribank.
2016	Tổng tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng.
	Ngân hàng đứng đầu hệ thống ngân hàng theo Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, năm đầu tiên thực hiện Đề án chiến lược kinh doanh năm 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Đề án chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ giai đoạn 2016-2020, Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
2017	Giữ vững vị trí Top 3 ngân hàng thương mại dẫn đầu thị trường thẻ.
	Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đứng thứ 6 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất và thứ nhất trong các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500. Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng mức triển vọng của Agribank từ "Ổn định" lên "Tích cực" với đánh giá xếp hạng Nhà phát hành nợ dài hạn ở mức B+.
2018	Kỷ niệm 30 năm thành lập.
	Được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất. Năm thứ 6 liên tiếp đạt Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
2019	Được tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng ở mức Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia; Xếp hạng thứ 142/500 Ngân hàng lớn nhất châu Á về quy mô tài sản.
	Lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong 31 năm hoạt động.
2020	Hoàn thành thắng lợi Phương án cơ cấu Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020; Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2277/QĐ-TTg về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ cho Agribank tăng 3.500 tỷ đồng.
2021	Agribank thực hiện tăng vốn điều lệ lên 34.209.923.001.584 tỷ đồng theo Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thành và phát huy tốt "sứ mệnh kép" của ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phát triển kinh tế- xã hội. Ban hành Đề án Chiến lược phát triển Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
2022	Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức "Ba3" lên mức "Ba2" với triển vọng "Ổn định" Lợi nhuận đạt mốc gần 1 tỷ Đô la Mỹ; đi đầu trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn Brand Finance xác định Agribank là thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất Việt Nam
2023	Được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất và Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
	Quốc hội nhất trí chủ trương bổ sung vốn điều lệ cho Agribank 17.100 tỷ đồng (Agribank đã được cấp bổ sung vốn điều lệ 6.753 tỷ đồng theo Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023) Tổng Tài sản vượt mốc 2 triệu tỷ đồng
2024	Vốn điều lệ tăng lên 51.639 tỷ đồng Lợi nhuận vượt mốc 1 tỷ Đô la Mỹ

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

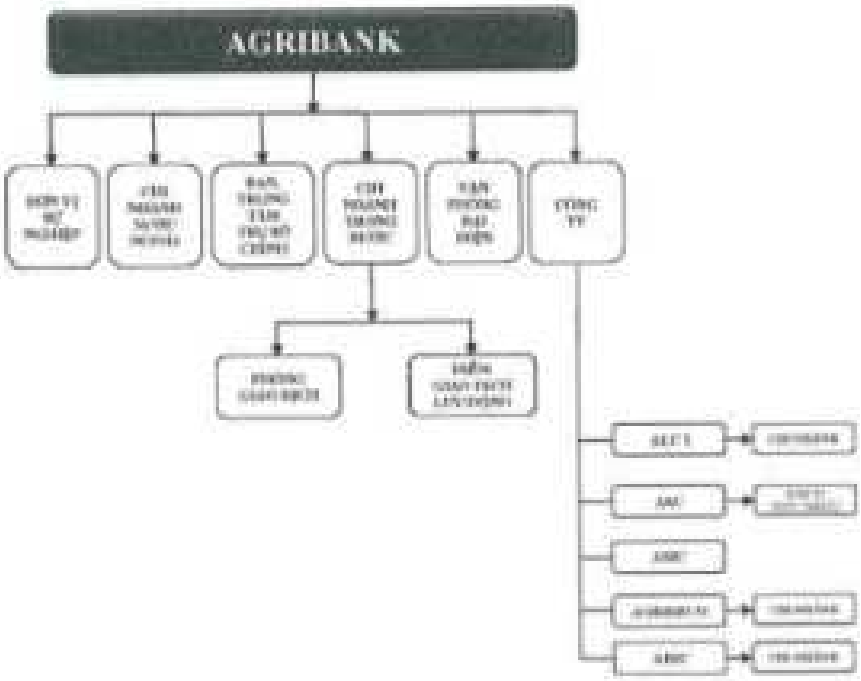

(Nguồn: Agribank)

❖ **Đơn vị sự nghiệp**

- **Trường Đào tạo cán bộ:** Trường Đào tạo cán bộ có chức năng tham mưu cho HĐTV, Tổng Giám đốc về hoạt động đào tạo; trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo trong hệ thống Agribank.
- **Trung tâm Công nghệ Thông tin:** Trung tâm Công nghệ Thông tin có chức năng tham mưu cho HĐTV, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank. Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, giám sát các hệ thống công nghệ thông tin của Agribank.
- **Trung tâm Thẻ:** Trung tâm Thẻ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐTV, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thẻ; tham gia kết nối thanh toán với các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghiên

cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và quản lý triển khai nghiệp vụ thẻ trong toàn hệ thống theo quy định của pháp luật, NHNN, Agribank và các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế mà Agribank là thành viên. Trực tiếp quản trị, giám sát, vận hành hệ thống thẻ, các chương trình phần mềm và thiết bị phần cứng liên quan đến hệ thống thẻ theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

❖ **Hệ thống các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính**

- **Ban Chính sách tín dụng:** Ban Chính sách tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và triển khai các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, NHNN. Thực hiện xây dựng và quản lý hạn mức cấp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.

- **Ban Đầu tư và Cổ phần hóa:** Ban Đầu tư và Cổ phần hóa có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động đầu tư (bao gồm đầu tư và quản lý vốn của Agribank đầu tư vào công ty con, doanh nghiệp khác và dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng cơ sở ở nước ngoài); xây dựng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Agribank; xây dựng phương án sử dụng các tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi dự kiến chuyển giao cho Công đoàn Agribank khi cổ phần hóa; giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định của Ngân hàng Nhà nước, Agribank trong quản lý hoạt động đầu tư; đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao sau cổ phần hóa Agribank.

- **Ban Công nghệ:** Ban Công nghệ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc hoạch định, xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển công nghệ thông tin trong toàn hệ thống Agribank; Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành quy chế, quy định về công nghệ thông tin; đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị tại Agribank thực hiện chính sách, quy định của pháp luật, NHNN, Agribank trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- **Ban Định chế Tài chính:** Ban Định chế Tài chính có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Agribank. Tham mưu, đề xuất quản lý, dự báo, xây dựng và tổ chức triển khai chính sách khách hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng là định chế tài chính và kênh phân phối cung cấp sản phẩm dịch vụ cho định chế tài chính; thiết lập, duy trì, phát triển khách hàng định chế tài chính. Tham mưu, đề xuất xây dựng quy chế, quy định, quy trình; đầu mối tiếp cận, tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý nguồn vốn dự án tín dụng nước ngoài, nguồn vốn tài trợ, dự án ngân hàng phục vụ, nguồn vốn Agribank nhận ủy thác từ nước ngoài.

- **Ban Kế hoạch Chiến lược:** Ban Kế hoạch Chiến lược có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, đề án liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác kế hoạch, cân đối các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh; xếp loại, xếp hạng Agribank theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; xếp loại, xếp hạng các chi nhánh theo quy định của Agribank; công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ. Tham mưu trong công tác xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh trung, dài hạn; kế hoạch kinh doanh hàng quý, năm của toàn hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng cá nhân:** Ban Khách hàng cá nhân có chức năng tham mưu giúp HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là Khách hàng cá nhân). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng cá nhân; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng cá nhân. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng cá nhân trong hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng doanh nghiệp:** Ban Khách hàng doanh nghiệp có chức năng tham mưu giúp HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng doanh nghiệp; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng doanh nghiệp. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng doanh nghiệp trong hệ thống Agribank.
- **Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ:** Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Agribank đối với các hoạt động tại đơn vị; tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong công tác xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng tiêu cực và tội phạm.
- **Ban Ngân hàng số:** Ban Ngân hàng số có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai chiến lược chuyển đổi số trong toàn hệ thống Agribank; Đề xuất và xây dựng giải pháp kỹ thuật để triển khai các sản phẩm liên quan đến ngân hàng số; Hỗ trợ các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.
- **Ban Pháp chế:** Ban Pháp chế có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐTV, Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank. Giám sát tuân thủ việc xây dựng và ban hành văn bản trong hệ thống Agribank. Quản lý, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra chuyên đề việc thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

- **Ban Quản lý đầu tư nội ngành:** Ban Quản lý đầu tư nội ngành có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank. Giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có chức năng trực tiếp tổ chức quản lý dự án theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư về các hoạt động của mình. Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Thực hiện một số chức năng khác theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và của Chủ đầu tư đúng theo quy định của pháp luật và của Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank tại Lô 23-E3 Cầu Giấy, Hà Nội; thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo thẩm quyền được giao và quy định của pháp luật.
- **Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có:** Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn trong công tác ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý tài sản Nợ - tài sản Có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank; xây dựng và vận hành cơ chế điều hành vốn nội bộ. Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác phát triển hệ thống thông tin quản lý về mặt nghiệp vụ.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Ban Tài chính kế toán có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank. Quản lý, giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank theo quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Agribank. Lập, quản lý báo cáo tài chính, báo cáo kế toán, tiền tệ kho quỹ theo quy định của Nhà nước và Agribank. Quản lý, khai thác và cung cấp thông tin số liệu kế toán tài chính, tiền tệ kho quỹ của Agribank phục vụ công tác quản trị điều hành.
- **Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Chi nhánh; phê duyệt Hạn mức tín dụng đối với các Định chế tài chính. Phê duyệt các khoản cấp tín dụng theo phân cấp, ủy quyền trong từng thời kỳ.
- **Ban Thư ký tổng hợp:** Ban Thư ký tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp Tổng Giám

đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Agribank. Tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phân công tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, các cơ quan, Bộ ngành, cấp ủy Đảng và HĐTV Agribank. Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chỉ đạo; đề xuất giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định điều hành, lề lối làm việc của các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính theo quy định.

- **Ban Tổ chức nhân sự:** Ban Tổ chức nhân sự có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về mô hình tổ chức, mạng lưới hoạt động, công tác nhân sự, quản lý lao động, tiền lương theo phân cấp, công tác thi đua, khen thưởng và các công việc có liên quan trong hệ thống Agribank theo quy định; tham mưu Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

- **Ban Truyền thông:** Ban Truyền thông có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về công tác truyền thông và quan hệ công chúng; phát triển thương hiệu và marketing; quản lý và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thực hiện công tác truyền thông nội bộ trong toàn hệ thống Agribank; Phối hợp tổ chức tập huấn và đào tạo theo chuyên đề, giải đáp các vướng mắc, các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban.

- **Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank:** Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; công tác phòng, chống khủng bố tại Agribank.

- **Trung tâm Chăm sóc khách hàng:** Trung tâm Chăm sóc khách hàng có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, thực hiện công tác chăm sóc, hỗ trợ khách hàng của Agribank; tham gia nghiên cứu, khảo sát thị trường, giới thiệu, tư vấn, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, chương trình khuyến mại, marketing của Agribank thông qua các kênh của Trung tâm.

- **Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiều hối:** Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiều hối có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành quy định nội bộ về lĩnh vực thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài theo quy định của Agribank, NHNN và pháp luật; Tổ chức quản lý, phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài của Agribank.

- **Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ:** Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ có chức

năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách, quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh của Agribank. Trực tiếp kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh trên thị trường liên ngân hàng trong nước và quốc tế thuộc Sở kinh doanh theo quy định của pháp luật và Agribank. Thực hiện giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh cho Sở ngân hàng theo quy định.

- **Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt cấp tín dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện thẩm quyền phê duyệt các khoản cấp tín dụng áp dụng cho Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực theo quy định của HĐTV từng thời kỳ; Chấp thuận chủ trương trước khi triển khai quy trình cấp tín dụng đối với các trường hợp phải trình chủ trương thuộc thẩm quyền của Trung tâm.
- **Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề:** Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong quản lý, xử lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề (nợ nhóm 2 đến nợ nhóm 5, nợ xử lý rủi ro và các khoản nợ khác theo quy định của Agribank trong từng thời kỳ). Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính trong việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Agribank.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro phi tín dụng, bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động; thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về quản lý rủi ro (QLRR) phi tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR phi tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng; quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng (QLRR tập trung tín dụng); thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính và các Hội đồng khác có liên quan trong việc theo dõi, giám sát phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Agribank. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Tài trợ thương mại**: Trung tâm Tài trợ thương mại có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các cơ chế, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, chiến lược, chính sách phát triển hoạt động thanh toán, chuyển tiền quốc tế (bao gồm hoạt động thanh toán biên giới) và tài trợ thương mại đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại Agribank đối với Khách hàng doanh nghiệp.
- **Trung tâm Thanh toán**: Trung tâm Thanh toán Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán nội bộ, tham gia

thanh toán với các tổ chức thanh toán trong nước và quốc tế; Trực tiếp quản lý, giám sát về nghiệp vụ, vận hành các hệ thống/chương trình thanh toán tại Trụ sở chính theo các quy định, quy trình nghiệp vụ; Thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán thuộc cân đối Trụ sở chính.

- **Văn phòng Trụ sở chính**: Văn phòng Trụ sở chính có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về quản lý, vận hành công tác văn phòng tại Trụ sở chính và lĩnh vực lưu trữ trong hệ thống Agribank; tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý công tác kế hoạch tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện công tác hành chính, quản trị, lễ tân tại Trụ sở chính; tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng các tài liệu lưu trữ của Trụ sở chính Agribank; hỗ trợ, hướng dẫn và quản lý công tác lưu trữ trong toàn hệ thống Agribank.

❖ **Văn phòng đại diện**

- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Nam**: Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực, gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh (gọi chung là khu vực); Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.

- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung**: Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực, gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và thành phố Đà Nẵng (gọi chung là khu vực); Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.

- **Văn phòng Đại diện Khu vực Tây Nam Bộ**: Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực, gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ (gọi chung là khu vực); Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.

- **Chi nhánh loại I:** Chi nhánh loại I là Chi nhánh thuộc sự quản lý, điều hành của Agribank.
- **Chi nhánh loại II:** Chi nhánh loại II là Chi nhánh thuộc sự quản lý, điều hành của Agribank và chịu sự quản lý, điều hành của Chi nhánh loại I theo phân cấp của Agribank.
- **Phòng giao dịch:** Phòng giao dịch là loại hình Chi nhánh, được quản lý bởi một Chi nhánh của Agribank, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở Chi nhánh quản lý; có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của Agribank theo quy định của pháp luật, NHNN.
- **Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài:** Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài hoạt động theo Điều lệ (Công ty con hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con, chi nhánh nước ngoài hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài).
- **Điểm giao dịch lưu động:** Là bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức hoạt động của một chi nhánh Agribank, được sử dụng con dấu và tư cách pháp lý của chi nhánh trực tiếp quản lý để thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

(Nguồn: Agribank)

❖ **Hội đồng thành viên**

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu, nhân danh Chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định; là cơ quan quản trị, có toàn quyền nhân danh Agribank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Agribank.
- HĐTV bao gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp HĐTV định kỳ, họp HĐTV bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐTV có nhiệm vụ xác định, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các chính sách, quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức… của Agribank và các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank.
- Các thành viên HĐTV bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Tô Huy Vũ	Chủ tịch HĐTV
Ông Phạm Toàn Vượng	Thành viên HĐTV – Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐTV
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên HĐTV
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐTV
Ông Lê Xuân Trung	Thành viên HĐTV
Bà Từ Thị Kim Thanh	Thành viên HĐTV
Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên HĐTV
Trần Văn Dũng	Thành viên HĐTV

❖ **Các đơn vị giúp việc của Hội đồng thành viên bao gồm:**

- **Ủy ban Đầu tư:** Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp HĐTV trong hoạt động đầu tư nội ngành và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- **Ủy ban Nhân sự:** Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Chủ tịch HĐTV trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tiền lương và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- **Ủy ban Chính sách**: Ủy ban Chính sách có chức năng tham mưu, giúp HĐTV trong việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Agribank; xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- **Ủy ban Quản lý rủi ro:** Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, giúp HĐTV thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý rủi ro và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.

- **Ban Thư ký Hội đồng thành viên:** Ban Thư ký HĐTV có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Chủ tịch HĐTV giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank; theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do HĐTV, Chủ tịch HĐTV chỉ đạo.

❖ **Ban kiểm soát**

- Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐTV.
- Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Trọng Dưỡng	Trưởng ban Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Văn Đề	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Thái Thị An Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Mạnh Thắng	Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Kiểm toán nội bộ**

- Kiểm toán nội bộ là việc thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong hệ thống Agribank; Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Agribank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (tuyến bảo vệ thứ ba trong Hệ thống kiểm soát nội bộ của Agribank).

❖ **Ban Điều hành**

- Ban điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Agribank theo Điều lệ của Agribank. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐTV, Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phạm Toàn Vượng	Tổng Giám đốc
Ông Vương Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Ngọc Lưu	Phó Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán trưởng

❖ **Các hội đồng giúp việc của Ban điều hành**

- **Hội đồng Rủi ro:** Hội đồng Rủi ro có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc trong việc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro của Agribank.
- **Hội đồng ALCO:** Hội đồng ALCO có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Agribank.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Hội đồng Quản lý vốn có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank.
- **Các Hội đồng khác**: Các Hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quyết định của các cấp có thẩm quyền, có chức năng tham mưu, đề xuất trong việc giám sát, điều hành các hoạt động khác của Agribank.

❖ **Đơn vị sự nghiệp:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.

❖ **Hệ thống Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.

❖ **Văn phòng đại diện:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.

❖ **Chi nhánh, Phòng giao dịch:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.

❖ **Công ty con và Chi nhánh nước ngoài:** Như trình bày tại Khoản 5 Mục IV.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty con, công ty Agribank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/03/2025

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán cho đến ngày 31/03/2025, Agribank có 5 công ty con, cụ thể:

1	**Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCI")**
	- Trụ sở chính: 4 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 14/07/1998. - Giấy phép thành lập và hoạt động: 238/1998/QĐ-NHNN 14 tháng 7 năm 1998 do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước: 0100780297 (số đăng ký kinh doanh cũ: 0106000597) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/12/2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 06/12/2019. - Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê tài chính. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.
2	**Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam ("Công ty Dịch vụ")**
	- Trụ sở chính: Số 10 Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 15/04/2011. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0101452242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2011, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/9/2022. - Hoạt động kinh doanh chính: In thương mại, quảng cáo thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho Ngân hàng. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.
3	**Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Agribank ("Agribank AMC")**
	- Trụ sở chính: Tầng 8, tầng 9, số nhà 135 đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 25/03/2013. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0106134589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2013, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/04/2023. - Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý và khai thác tài sản. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.
4	**CTCP Chứng khoán Agribank ("Agriseco")**
	- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 04/05/2001. - Giấy phép hoạt động: 08/GPHDKD ngày 04/5/2001 và giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0101150107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2001, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/02/2024. - Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 74,92%.
5	**CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("ABIC")**
	- Trụ sở chính: Tầng 6 – Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 18/10/2006. - Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy phép hoạt động: 38/GP/KDBH ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC8/KDBH ngày 30 tháng 12 năm 2022 do Bộ Tài chính cấp. - Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 52,08%.

(Nguồn: Agribank)

5.2. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Agribank là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, NHNN là đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu tại Agribank.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Đơn vị: Đồng

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2011	118.470.000.000	21.160.111.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	4.700.000.000.000	25.860.111.522.375	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 439/QĐ – BTC ngày 2/3/2012 của Bộ Tài Chính
2012	118.470.000.000	25.978.581.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	100.347.057.409	26.078.928.579.784	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định số 2885/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 của Bộ Tài Chính
2013	118.470.000.000	26.197.398.579.784	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2013	6.983.151.982	26.204.381.731.766	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu hồi nợ khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997 các năm 2011, 2012, 2013.	VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2014	2.517.400.000.000	28.721.781.731.766	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 36/QĐ – BTC ngày 14/1/2014 của Bộ Tài Chính
2014	118.470.000.000	28.840.251.731.766	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2015	44.989.628.075	28.885.241.359.841	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định 3070/QĐ-BTC ngày 01/12/2014 (BS nợ tồn đọng nhóm 2 năm 2012, 2013) của Bộ Tài chính
2015	118.400.000.000	29.003.641.359.841	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2016	4.261.641.742	29.007.903.001.583	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu nợ khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 2014, 2015.	Hạch toán theo VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2016	118.540.000.000	29.126.443.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ	- Thông tư 100/2002/TT-BTC

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
			đặc biệt	ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2019 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2011 – 2016)
2017	1.109.600.000.000	30.236.043.001.583	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3006/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định số 1264/QĐ-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính
2017	118.470.000.000	30.354.513.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2018	118.470.000.000	30.472.983.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2019	118.470.000.000	30.591.453.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021(bao gồm các đợt tăng vốn năm 2017 – 2019)
2020	118.470.000.000	30.709.923.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ
2021	3.500.000.000.000	34.209.923.001.584	Cấp vốn bổ sung vốn điều lệ	- Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021
2021	118.470.000.000	34.328.393.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2022	118.470.000.000	34.446.863.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2023	68.970.000.000	34.515.833.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2023	6.753.000.000.000	41.268.833.001.584	Cấp bổ sung vốn điều lệ	Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023
2024	10.347.000.000.000	51.615.833.001.584	Cấp bổ sung vốn điều lệ	Quyết định số 1118/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/09/2023 và Quyết định số 1601/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/12/2023
2024	22.770.000.000	51.638.603.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2025 của Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Agribank

Kể từ khi thành lập đến nay, Agribank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Toàn bộ chứng khoán đang lưu hành của Agribank là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Tính đến ngày 30/04/2025, tổng giá trị Trái Phiếu chưa đáo hạn có kỳ hạn trên 05 năm tính theo mệnh giá của Agribank là 54.791.204 triệu đồng.

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

STT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Số lượng Trái Phiếu (TP)	Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
I	**Trái Phiếu phát hành ra công chúng**						
1.	Agribank182801	25/12/2018	10 năm	1.000.000	3.961.937	3.961.937	Trái Phiếu tăng vốn
2.	Agribank202703	24/12/2020	07 năm	1.000.000	4.617.921	4.617.921	Trái Phiếu tăng vốn
3.	VBA121033	31/12/2021	07 năm	1.000.000	1.769.146	1.769.146	Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Số lượng Trái Phiếu (TP)	Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
							tăng vốn
4.	VBA122001	30/12/2022	08 năm	100.000	100.000.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
5.	VBA123036	05/12/2023	08 năm	100.000	100.000.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
6.	VBA124019	14/08/2024	10 năm	100.000	100.000.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
Tổng cộng						**40.349.804**	
II	**Trái Phiếu phát hành riêng lẻ**						
1.	AGRIBANK BOND-15	02/12/2015	10 năm	1.000.000.000	4.350	4.350.000	Trái Phiếu tăng vốn
2.	Agribank2027012	24/09/2020	07 năm	1.000.000.000	2.000	2.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
3.	Agribank2027021	30/10/2020	07 năm	500.000.000	153	76.500	Trái Phiếu tăng vốn
4.	Agribank2027022	30/10/2020	07 năm	1.000.000.000	387	387.000	Trái Phiếu tăng vốn
5.	Agribank2027041	15/12/2020	07 năm	500.000.000	234	117.000	Trái Phiếu tăng vốn
6.	Agribank2027042	15/12/2020	07 năm	1.000.000.000	630	630.000	Trái Phiếu tăng vốn
7.	VBA12101	08/04/2021	07 năm	500.000.000	600	300.000	Trái Phiếu tăng vốn
8.	VBA12102	08/04/2021	07 năm	1.000.000.000	1.489	1.489.000	Trái Phiếu tăng vốn
9.	VBA12127	30/08/2021	10 năm	100.000.000	12.000	1.200.000	Trái Phiếu tăng vốn
10.	VBA12103	28/10/2021	07 năm	100.000.000	10.000	1.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
11.	VBA12104	30/11/2021	07 năm	100.000.000	10.577	1.057.700	Trái Phiếu tăng vốn
12.	VBA12105	22/12/2021	07 năm	100.000.000	6.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn
13.	VBA12207	30/06/2022	10 năm	1.000.000.000	200	200.000	Trái Phiếu tăng vốn
14.	VBA12208	10/08/2022	10 năm	1.000.000.000	600	600.000	Trái Phiếu tăng vốn
15.	VBA12209	16/09/2022	10 năm	1.000.000.000	435	435.000	Trái Phiếu tăng vốn
Tổng cộng						**14.442.200**	

(Nguồn: Agribank)

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

<u>Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân</u>

a) Tiền gửi

Tiền gửi không kỳ hạn

- *Tiền gửi thanh toán* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank, bao gồm: dịch vụ thu ngân sách Nhà nước, dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế cho khách hàng cá nhân không cần tài khoản; chuyển nhận tiền, thanh toán không dùng tiền mặt; thấu chi tài khoản; phát hành thẻ; đăng ký sử dụng dịch vụ khác: Mobile banking, eBanking,... Trong năm 2021, Agribank chính thức triển khai dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên ứng dụng Agribank Plus. Agribank triển khai chính thức dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tiếp bằng phương thức điện tử (eKYC) trên Kiosk Ngân hàng số (Agribank Digital) từ năm 2022. Từ tháng 10/2024, Agribank triển khai Dịch vụ đăng ký mã định danh tài khoản (Alias) trên ứng dụng Agribank Plus. Ngày 01/11/2024, phân hệ OSB, dịch vụ mở và sử dụng tài khoản Plus trên ứng dụng Agribank Plus chính thức được triển khai tới toàn bộ khách hàng. Đây là một trong những giải pháp quan trọng giúp giảm tải cho hệ thống Corebanking, tăng năng lực xử lý của hệ thống, đáp ứng nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng tăng của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần phát triển số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ, giữ vững và mở rộng thị phần của Agribank.
- *Tiết kiệm không kỳ hạn* là hình thức gửi tiền tiết kiệm mà khách hàng có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của Agribank và gửi thêm tiền không giới hạn số lần gửi tại bất kỳ thời điểm nào dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy, chuyển khoản tại quầy, qua Mobile Banking, ATM, eBanking, ủy quyền cho Agribank trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán. Khách hàng được rút tiền không giới hạn tại bất cứ Đơn vị giao dịch tiết kiệm nào; Sử dụng tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn để chuyển khoản thanh toán; Dịch vụ thông tin tài khoản qua Mobile Banking.
- *Tiền gửi linh hoạt* là tiền gửi không kỳ hạn, trong đó khách hàng gửi tiền vào tài khoản và rút tiền một cách linh hoạt dưới nhiều hình thức; áp dụng lãi suất thả nổi bậc thang lũy tiến theo số dư bình quân tháng trên tài khoản tiền gửi linh hoạt, không vượt trần lãi suất huy động của NHNN từng thời kỳ và được niêm yết công khai tại các Điểm giao dịch.

Tiền gửi có kỳ hạn

- *Tiết kiệm có kỳ hạn*: Là sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn cho khách hàng cá nhân với đa dạng kỳ hạn gửi, kỳ hạn lĩnh lãi (như tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ, trả lãi sau định kỳ, trả lãi trước toàn bộ, trả lãi trước định kỳ) và các tiện ích kèm theo như: giao dịch tại bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của Agribank; được chuyển quyền sở hữu khi sổ tiết kiệm chưa đến hạn thanh toán; được bảo hiểm theo quy định của bảo hiểm tiền gửi, bảo mật số dư tiền gửi; được sử dụng số dư để cầm cố vay vốn, chứng minh tài chính, được lựa chọn phương thức thanh toán lãi, được tham gia các chương trình dự thưởng của Agribank, dịch vụ tài khoản qua Mobile Banking, eBanking...
- *Tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất thả nổi*: Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất được tự động điều chỉnh phù hợp với lãi suất thị trường và theo quy định của Agribank theo từng thời kỳ. Theo đó khách hàng có thể yên tâm gửi tiền khi có biến động về lãi suất trên thị trường. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm có kỳ hạn*.
- *Tiết kiệm linh hoạt*: Là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, theo đó trong kỳ hạn gửi, khách hàng có thể rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền gốc. Phần tiền gửi rút trước hạn khách hàng được hưởng lãi suất không kỳ hạn. Số tiền gốc còn lại khách hàng được hưởng nguyên lãi suất khi gửi tiền.
- *Tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*: là hình thức gửi tiền tiết kiệm tích lũy có kỳ hạn với tổng số tiền tích lũy cố định, theo đó khách hàng gửi tiền nhiều định kỳ (theo tháng) một số tiền cố định vào tài khoản tiết kiệm gửi góp dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy giao dịch, chuyển khoản từ tài khoản khác, Mobile Banking, eBanking, ATM, ủy quyền cho Ngân hàng trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán và rút tiền một lần khi đến hạn. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để xác nhận khả năng tài chính và được bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi; Bảo mật số dư và thông tin tài khoản.
- *Tiết kiệm gửi góp không theo định kỳ*: Là hình thức gửi tiền tích lũy, theo đó trong kỳ hạn đăng ký gửi khách hàng có thể chủ động gửi tiền thành nhiều lần không theo định kỳ, với số tiền gửi mỗi lần không cố định, khách hàng rút gốc và lãi một lần khi đến hạn. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*.
- *Các sản phẩm tiền gửi được thiết kế cho từng nhóm đối tượng khách hàng đặc thù*: Ngoài các sản phẩm nêu trên, Agribank còn có các sản phẩm được thiết kế để phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng như *Tiết kiệm An sinh, Tiết kiệm Học đường, Tiết kiệm Hưu trí* để giúp khách hàng đạt được các kế hoạch tài chính cụ thể như tích lũy tài chính, đáp ứng nhu cầu học tập, cuộc sống khi về hưu; sản phẩm *Tiết kiệm Tích lũy Kiều hối* hướng đến khách hàng là các đối tượng đi lao động, học tập và làm việc tại nước ngoài có nhu cầu tích lũy tiền lương chuyển về Việt Nam để gửi tiết kiệm cho chính khách hàng hoặc người thân.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Agribank cung cấp đa dạng kỳ hạn gửi và định kỳ trả lãi (Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước toàn bộ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ).

Tiền gửi trực tuyến: Ngoài kênh giao dịch truyền thống, Agribank đã phát triển các sản phẩm Tiền gửi Trực tuyến, Tiền gửi Tích lũy trực tuyến, Tiền gửi rút gốc linh hoạt, Tiền gửi trực tuyến trả lãi sau định kỳ trên các kênh số như Agribank Plus, Agribank eBanking, Agribank Digital nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền online ngày càng được khách hàng ưa chuộng, phù hợp với xu thế số hóa trong hoạt động ngân hàng.

Giấy tờ có giá gồm: Trái Phiếu, Chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

b) Tín dụng

Các sản phẩm cho vay do Agribank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các khách hàng cá nhân vay vốn tiêu dùng, đời sống và sản xuất kinh doanh cụ thể:

- *Cho vay tiêu dùng:* Là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, phục vụ nhu cầu đời sống như: Cho vay mua sắm hàng tiêu dùng vật dụng gia đình; cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở đối với dân cư; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay cầm cố giấy tờ có giá; cho vay mua phương tiện đi lại; cho vay tiêu dùng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình nhằm hạn chế tín dụng đen. Agribank không ngừng phát triển thêm nhiều sản phẩm, chương trình ưu đãi dành riêng cho đối tượng khách hàng cá nhân, đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng cho khách hàng.
- *Cho vay sản xuất kinh doanh:* Là giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu đối với khách hàng cá nhân và hộ gia đình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu; hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghệ chế biến chế tạo; hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, chuỗi cung ứng hàng hóa, sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp... Là Ngân hàng phục vụ đối tượng khách hàng đa dạng từ thành thị đến nông thôn do đó các sản phẩm Agribank đưa ra đều phù hợp cả về phương thức vay và Chương trình cho vay.
- *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác:* Agribank mua công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Công cụ chuyển nhượng bao gồm Hối phiếu đòi nợ; Hối phiếu nhận nợ; Séc; Các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ có giá khác bao gồm Tín phiếu NHNN; Trái Phiếu Chính phủ; Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái Phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của NHNN; Kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- *Bảo lãnh:* Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng

trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.

c) **Dịch vụ thanh toán:** Agribank cung cấp các dịch vụ thanh toán đa dạng, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của khách hàng cá nhân. Theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện các dịch vụ: Thanh toán, chuyển tiền, Nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, Séc, nhờ thu, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế... Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán qua các kênh giao dịch khác nhau của Agribank (tại quầy, Điểm giao dịch lưu động, Mobile banking, Internet banking, ATM, CDM, POS).

Agribank liên tục mở rộng, gia tăng tiện ích dịch vụ và số hóa các giao dịch cho khách hàng cá nhân thông qua liên kết trực tuyến với các fintech, sàn thương mại điện tử, ví điện tử, trung gian thanh toán... ; Triển khai các giải pháp thanh toán hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nông thôn như ứng dụng QR code cho Chợ dân sinh không dùng tiền mặt,...

Đến ngày 30/4/2025, đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, Agribank đã triển khai kết nối mới với 324 trường học và bệnh viện, triển khai dịch vụ thanh toán với tổng giá trị trên 4,3 ngàn tỷ đồng. Đối với lĩnh vực ngoài y tế, giáo dục, triển khai kết nối mới với 13 đối tác, thực hiện thanh toán gần 16,9 triệu giao dịch với tổng giá trị gần 15,24 ngàn tỷ đồng.

d) **Dịch vụ ngân hàng điện tử**

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ Mobile Banking*, bao gồm:
  - *Dịch vụ SMS Banking:* Dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc thiết bị có chức năng nhắn tin khác. Khách hàng có thể cập nhật tức thì biến động số dư tài khoản tiền gửi, nhắc nợ tiền vay…
  - *Dịch vụ BankPlus của Viettel tại Agribank:* Dịch vụ cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản khách hàng tại Agribank, thanh toán hóa đơn, nạp tiền cho thuê bao Viettel.
  - *Dịch vụ thương mại điện tử (e-Commerce):* Dịch vụ cho phép khách hàng có tài khoản thanh toán mở tại Agribank thực hiện đăng ký các dịch vụ trực tuyến trên kênh điện tử (như liên kết ví điện tử); thanh toán trực tuyến cho các giao dịch mua hàng hóa/dịch vụ có kết nối hệ thống với Agribank và sử dụng các dịch vụ khác do Agribank cung cấp trong từng thời kỳ.
- *Dịch vụ Agribank eBanking:* Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách

hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:

+ Qua website tại địa chỉ https://ebanking.agribank.com.vn;

+ Qua ứng dụng *Agribank Retail eBanking* dành cho khách hàng cá nhân được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.

- *Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital)*: Là mô hình ngân hàng tự động 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để được thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank.

e) Thẻ

Agribank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm thẻ hiện nay của Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân bao gồm:

- *Thẻ ghi nợ nội địa*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền và/hoặc hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại Agribank. Thẻ ghi nợ nội địa có thể thực hiện giao dịch thẻ trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp giao dịch tại Tổ chức thanh toán thẻ nước ngoài kết nối qua NAPAS. Thẻ ghi nợ nội địa kết nối với trung gian thanh toán Ví điện tử để thực hiện các dịch vụ liên kết, nạp rút Ví và thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ đã liên kết, v.v… Hiện nay, thẻ ghi nợ nội địa của Agribank bao gồm: Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn – Success; Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn Lộc Việt; Thẻ ghi nợ nội địa hạng vàng – Plus success, First Class; Thẻ liên kết sinh viên; Thẻ liên kết thương hiệu Co-brand Card.

- *Thẻ ghi nợ quốc tế*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm thẻ: Thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng chuẩn, hạng vàng (chỉ phát hành thẻ phi vật lý)), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng).

- *Thẻ tín dụng quốc tế*: Là thẻ cho phép chủ thẻ sử dụng trong phạm vi hạn mức tín dụng do Agribank cấp. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; ứng tiền mặt; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi Có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Thẻ tín dụng quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm: Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng vàng, hạng bạch kim), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng, hạng bạch kim).

- *Thẻ phi vật lý*: là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ cho phép chủ thẻ giao dịch trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký

chức năng để giao dịch trên môi trường Internet, các chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Hiện nay, Agribank đang triển khai 03 sản phẩm thẻ phi vật lý gồm: Thẻ phi vật lý ghi nợ nội địa (Dcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu MasterCard (Vcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu JCB (Jcard)".

- *Thẻ Lộc Việt:* là sản phẩm thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS được phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại tích hợp 02 ứng dụng thẻ ghi nợ nội địa và thẻ tín dụng nội địa trên cùng một chip.
- *Thẻ trả trước:* Thẻ trả trước là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho Tổ chức phát hành thẻ. Thẻ trả trước bao gồm: Thẻ trả trước định danh (có các thông tin định danh chủ thẻ) và thẻ trả trước vô danh (không có các thông tin định danh chủ thẻ).

f) **Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối:** đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chuyển học phí, sinh hoạt phí cho học sinh du học, chuyển tiền phục vụ khám, chữa bệnh ở nước ngoài, trợ cấp cho thân nhân ở nước ngoài, … và mục đích khác theo quy định của pháp luật: dịch vụ nhận và chi trả kiều hối qua Western Union, qua hệ thống SWIFT, chi trả kiều hối với các đối tác song phương tại các thị trường: Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản…

g) **Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác**

Bảo hiểm phi nhân thọ: Agribank phối hợp với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) phân phối sản phẩm bảo hiểm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng cá nhân như: Bảo hiểm chủ thẻ; Bảo an tín dụng, Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm xe máy; Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân; Bảo hiểm tài sản kỹ thuật và cháy nổ; Bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thuyền… Trong năm 2022, Agribank đã triển khai cung cấp dịch vụ đại lý bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự cho chủ xe moto-xe máy trên ứng dụng Agribank Plus; Bảo hiểm bảo an Tài khoản, đáp ứng nhu cầu khách hàng trước các rủi ro mất tiền trong tài khoản thanh toán, rủi ro về bị trộm cắp danh tính trong bối cảnh sự gia tăng không ngừng của tội phạm công nghệ cao. Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại các chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc.

Bảo hiểm nhân thọ: trong năm 2021 Agribank liên kết với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam, hoàn thiện công tác chuẩn bị triển khai dịch vụ liên kết bảo hiểm nhân thọ FWD. Năm 2022 Agribank chính thức phân phối các sản phẩm bảo hiểm FWD Việt Nam qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc.

Chứng khoán: Agribank hợp tác với Agriseco triển khai dịch vụ chứng khoán Agriseco trên ứng dụng Agribank Plus như dịch vụ mở tài khoản, nạp tiền chứng khoán, giao dịch, đầu tư trái phiếu, tư vấn đầu tư,...

Dịch vụ liên kết khác: Agribank triển khai dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay…

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức

a) Nhóm sản phẩm huy động vốn

- *Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và đăng ký sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank.
- *Tiền gửi rút gốc linh hoạt:* là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, theo đó trong thời hạn gửi tiền, bên gửi tiền có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước hạn.
- *Tiền gửi có kỳ hạn:* Doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền với đa dạng hình thức lĩnh lãi: trả lãi trước/sau toàn bộ hoặc theo định kỳ khách hàng đăng ký. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để vay vốn tại Agribank theo quy định từng thời kỳ.
- *Tiền gửi Tích lũy:* Là hình thức gửi tiền có kỳ hạn của khách hàng tổ chức, theo đó khách hàng được gửi thêm tiền vào tài khoản không theo định kỳ (gửi tiền tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian giao dịch của ngân hàng mà không cần theo định kỳ), phù hợp với các doanh nghiệp muốn tích lũy một khoản vốn để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản hoặc đầu tư dự án trong tương lai.
- *Tiền gửi trực tuyến:* Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau được thực hiện trên kênh Agribank eBanking của Agribank.
- *Tiền gửi đầu tư tự động:* Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, trả lãi sau toàn bộ. Theo đó khách hàng ủy quyền cho Agribank tự động đầu tư số tiền tạm thời nhàn rỗi từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiền gửi đầu tư tự động. Hết thời hạn gửi tiền, tổng số tiền gốc và lãi của tài khoản tiền gửi đầu tư tự động được tự động chuyển về tài khoản thanh toán của khách hàng khi gửi tiền.
- *Giấy tờ có giá:* bao gồm Trái Phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

b) Tín dụng khách hàng pháp nhân

- *Cho vay*, bao gồm:
  + Cho vay từng lần, cho vay hạn mức tín dụng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn cho chi phí sản xuất, kinh doanh.
  + Cho vay theo dự án đầu tư: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn phục vụ chi phí đầu tư tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ để thực hiện dự án.
  + Cho vay dự án cơ sở hạ tầng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn để thực hiện các dự án hoặc

phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

+ Cho vay hợp vốn: Agribank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.

+ Cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu sử dụng vốn vay cho chi phí sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.

+ Cho vay các dự án theo chỉ định của Chính phủ: Agribank hỗ trợ chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thuộc các dự án bằng nguồn vốn chỉ định của Chính phủ cho khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của dự án.

+ Cho vay theo dự án, chương trình bằng vốn tài trợ nước ngoài: Agribank hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp chi phí phục vụ tiểu dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc dự án chương trình được tài trợ bằng vốn nước ngoài.

- *Bảo lãnh:* Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.

- *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác:* Agribank nhận chiết khấu tối đa bằng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp là chủ sở hữu công cụ chuyển nhượng (bao gồm: hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc, và các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật) và/hoặc giấy tờ có giá khác (bao gồm: Tín phiếu NHNN; Trái phiếu Chính phủ; Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) **Dịch vụ thanh toán trong nước:** bao gồm dịch vụ gửi rút nhiều nơi; dịch vụ chuyển nhận nhiều nơi (Agri-Pay); cung ứng séc trong nước, thanh toán thu hộ séc; thanh toán hóa đơn; thu hộ, chi hộ với đối tác (đơn vị quản lý tài chính công, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính); thu ngân sách nhà nước; kết nối thanh toán với khách hàng; quản lý vốn tập trung; sổ phụ điện tử; thu, chuyển trả kinh phí công đoàn.

d) **Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**

- Agribank hiện đang cung cấp 42 sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại cho khách hàng pháp nhân, với các sản phẩm vượt trội trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, như: L/C, nhờ thu, bảo lãnh, thương lượng thanh toán Bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu, ứng trước tiền theo bộ chứng từ nhờ thu, L/C Discounting on Applicant's cost, UPAS L/C (hình thức L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay) với sự tham gia tài trợ của 28 ngân hàng đại lý lớn (Wells Fargo, JP Morgan Chase, Standard

Chartered, Shinhan Bank, Citi Bank, ...), tài trợ thanh toán nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản Mỹ theo chương trình GSM – 102 của Bộ Nông nghiệp Mỹ,... Agribank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) – Sáng kiến đổi mới toàn cầu của Tổ chức SWIFT, sử dụng phương thức API với phần mềm SWIFT Microgateway hiện đại nhất.

- Trên cơ sở hợp tác với các định chế tài chính lớn tại Trung Quốc và Lào, Agribank đã và đang cung cấp dịch vụ thanh toán biên giới cho các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc bằng VND và CNY, qua biên giới Việt Nam – Lào bằng VND và LAK.
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại đến các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: dịch vụ tài khoản, thu hộ chi hộ; thông báo, xác nhận L/C cho khách hàng của Agribank; phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng.

e) Mua bán ngoại tệ

Bao gồm mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ.

f) Thẻ

- Đơn vị chấp nhận thanh toán là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng ký kết với Agribank. Trở thành Đơn vị chấp nhận thanh toán của Agribank mang đến các lợi ích như: Sử dụng phương thức thanh toán hiện đại qua đó thu hút thêm khách hàng, giảm thiểu rủi ro về tiền giả, tiền rách, kiểm đếm, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tham gia các chương trình marketing, khuyến mại, quảng bá thương hiệu do Agribank triển khai,...
- Dịch vụ chi lương qua tài khoản phát hành thẻ: Dịch vụ chi lương của Agribank là dịch vụ tự động chi trả lương cán bộ, nhân viên phát hành thẻ Agribank từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại Agribank.
- Thẻ công ty: là thẻ tín dụng do tổ chức là pháp nhân đứng tên đề nghị Agribank phát hành và ủy quyền cho người thuộc tổ chức mình sử dụng. Pháp nhân đứng tên đề nghị phát hành thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản chi tiêu, lãi và phí phát sinh liên quan đến sử dụng thẻ. Mỗi pháp nhân có thể phát hành một hoặc nhiều thẻ công ty theo chỉ định cụ thể của pháp nhân đó. Thẻ công ty không có thẻ phụ.

g) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ SMS Banking:* Với dịch vụ SMS Banking, khách hàng có thể vấn tin số dư tài khoản của mình, được tự động thông báo biến động số dư.

- *Dịch vụ Agribank eBanking:* Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
  + Qua website tại địa chỉ https://ebanking.agribank.com.vn/corporate/; và/hoặc
  + Qua ứng dụng *Agribank Corporate eBaking* dành cho khách hàng tổ chức được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital): Là mô hình ngân hàng tự động giao dịch 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank bao gồm các cấu phần: Kiosk, ATM/CMD, và hệ thống Web Admin và Web Counter.

h) Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ

Agribank cung cấp các loại hình dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ đa dạng như: Thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; Kiểm đếm, giao nhận tiền mặt với khách hàng; Thu chi tiền mặt lưu động tại địa chỉ của khách hàng; Thu tiền theo túi niêm phong; Dịch vụ bảo quản tài sản; Dịch vụ cho thuê tủ/két an toàn…

i) Dịch vụ liên kết khác

Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay, Dịch vụ liên kết Ngân hàng – Bảo hiểm (Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm cháy nổ,…).

Cơ cấu thu nhập hoạt động kinh doanh trong doanh thu, lợi nhuận của Agribank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Agribank không thể phân loại theo từng loại sản phẩm, dịch vụ nêu trên mà được phân loại theo các hoạt động như sau:

Cơ cấu doanh thu của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	153.455	85,207%	140.271	83,393%	36.254	86,211%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9.467	5,257%	9.807	5,830%	2.365	5,624%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.707	1,503%	6.023	3,581%	1.320	3,139%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	18	0,010%	64	0,038%	37	0,088%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.012	1,672%	26	0,016%	3	0,007%
Thu nhập từ hoạt động khác	11.348	6,301%	12.012	7,141%	2.073	4,930%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	90	0,050%	2	0,001%	1	0,001%
Tổng cộng	**180.097**	**100%**	**168.205**	**100%**	**42.053**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Cơ cấu doanh thu của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	153.246	86,247%	140.064	84,467%	36.203	87,320%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.184	4,043%	7.530	4,541%	1.868	4,506%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.707	1,523%	6.023	3,632%	1.320	3,184%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	0,000%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.000	1,688%	-	-	-	0,000%
Thu nhập từ hoạt động khác	11.320	6,371%	12.002	7,238%	2.069	4,990%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	226	0,127%	202	-	-	0,000%
Tổng cộng	**177.683**	**100%**	**165.821**	**100%**	**41.460**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Cơ cấu thu nhập thuần của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	55.788	73,437%	66.554	76,945%	17.999	80,729%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.566	6,011%	5.026	5,811%	1.345	6,033%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.007	2,642%	4.538	5,246%	1.200	5,382%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	5	0,007%	15	0,017%	11	0,049%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.977	3,919%	(93)	(0,001%)	3	0,013%
Lãi thuần từ hoạt động khác	10.534	13,867%	10.454	12,086%	1.737	7,791%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	90	0,118%	2	0,002%	1	0,003%
Tổng cộng	**75.967**	**100%**	**86.496**	**100%**	**22.296**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Cơ cấu thu nhập thuần của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	55.433	74,042%	66.184	77,538%	17.922	81,449%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.727	4,978%	4.225	4,950%	1.148	5,217%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.007	2,681%	4.538	5,316%	1.200	5,454%
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.965	3,960%	(134)	-	-	-
Lãi thuần từ hoạt động khác	10.509	14,037%	10.342	12,116%	1.734	7,880%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	226	0,302%	202	-	-	-
Tổng cộng	**74.867**	**100%**	**85.357**	**100%**	**22.004**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

8.1.2. *Hoạt động huy động vốn*

Xác định huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản trị điều hành hoạt động kinh doanh, Agribank đã tập trung chỉ đạo, linh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng, triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt để huy động nguồn vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, phát huy công tác quản lý vốn huy động tập trung tại Trụ sở chính đối với nguồn tiền gửi lớn của các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn; thường xuyên theo dõi tình hình cân đối vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và cân đối đủ vốn để cho vay; Kiểm soát và điều hành tăng trưởng vốn huy động phù hợp tốc độ và cơ cấu tăng trưởng tín dụng; Thực hiện điều chuyển kịp thời vốn thanh toán và vốn tiền mặt trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chi nhánh Agribank.

Phát huy thế mạnh về mạng lưới, nguồn vốn huy động của Agribank tiếp tục tăng trưởng ổn định, khẳng định mức độ tin nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng được nâng cao của Agribank. Tính đến thời điểm 31/03/2025, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Agribank đạt 2.121.831 tỷ đồng (tăng 2,757% so với cuối năm 2024), tổng nguồn vốn huy động riêng của Agribank đạt 2.124.956 tỷ đồng (tăng 2,776% so với cuối năm 2024). Tiền gửi của Khách hàng là kênh huy động vốn chính của Agribank (chiếm khoảng 92% tổng huy động vốn). Bên cạnh đó, từ năm 2018 đến nay, Agribank cũng liên tục tăng cường huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành Trái Phiếu riêng lẻ và phát hành Trái Phiếu ra công chúng giúp gia tăng vốn cấp 2, đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Tình hình huy động vốn của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vay NHNN	552	384	228	199
Tiền gửi của KBNN	5.355	892	795	1.571
Tiền gửi và vay các TCTD khác	32.502	2.743	38.430	40.599
Tiền gửi của khách hàng	1.623.935	1.817.271	1.914.664	1.958.939
Vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay NHNo chịu rủi ro	4.957	3.737	2.644	2.378
Phát hành giấy tờ có giá	78.463	60.559	108.147	118.145
Tổng vốn huy động	**1.745.764**	**1.885.586**	**2.064.908**	**2.121.831**
Tăng trưởng huy động	**10,371%**	**8,009%**	**9,510%**	**2,757%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Tình hình huy động vốn của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vay NHNN	552	384	228	199
Tiền gửi của KBNN	5.355	892	795	1.571
Tiền gửi và vay các TCTD khác	32.302	2.309	37.553	40.277
Tiền gửi của khách hàng	1.627.736	1.820.846	1.918.189	1.962.380
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro	4.957	3.737	2.644	2.379
Phát hành giấy tờ có giá	78.463	60.564	108.152	118.150
Tổng vốn huy động	**1.749.365**	**1.888.732**	**2.067.561**	**2.124.956**
Tăng trưởng huy động	**10,406%**	**7,967%**	**9,468%**	**2,776%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	1.745.677	99,995%	1.885.531	99,997%	2.064.854	99,997%	2.121.709	99,994%
Ngoài nước	87	0,010%	55	0,003%	54	0,003%	122	0,006%
Tổng cộng	**1.745.764**	**100%**	**1.885.586**	**100%**	**2.064.908**	**100%**	**2.121.831**	**100%**

(Nguồn: Agribank)

Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	1.749.278	99,995%	1.888.677	99,997%	2.067.507	99,997%	2.124.834	99,994%
Ngoài nước	87	0,005%	55	0,003%	54	0,003%	122	0,006%
Tổng cộng	**1.749.365**	**100%**	**1.888.732**	**100%**	**2.067.561**	**100%**	**2.124.956**	**100%**

(Nguồn: Agribank)

Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm (Hợp nhất)

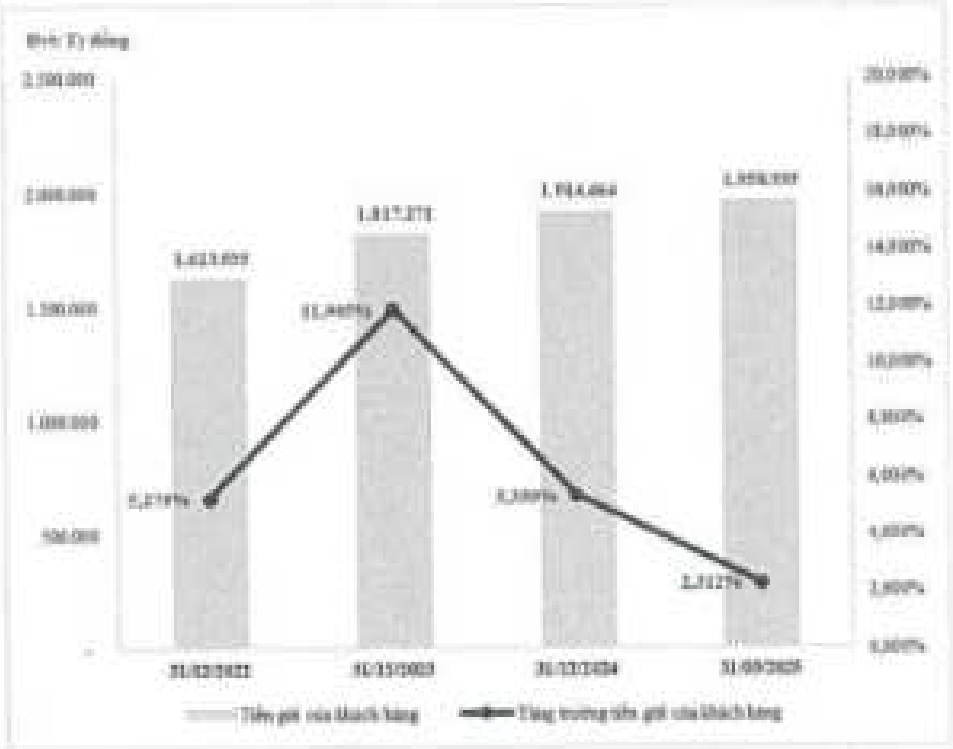

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024& BCTC hợp nhất Quý 1/2025)

Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm (Công ty mẹ)

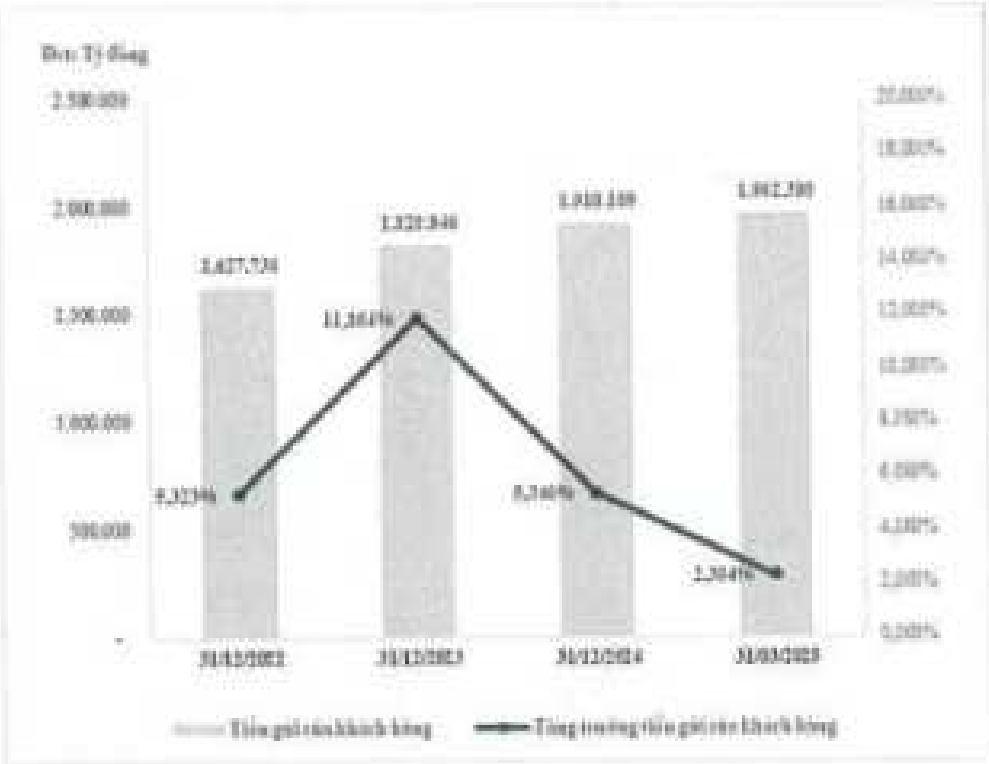

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý 1/2025)

Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vay NHNN	**552**	**384**	**228**	**199**
Bằng VND	552	384	228	199
Bằng ngoại tệ	-	-	-	-
Tiền gửi của KBNN	**5.355**	**892**	**795**	**1.571**
Bằng VND	5.351	888	795	1.571
Bằng ngoại tệ	4	4	0,057	0,057
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**32.502**	**2.743**	**38.430**	**40.599**
Bằng VND	7.733	2.139	37.857	39.848
Bằng ngoại tệ	24.769	604	573	751
Tiền gửi của khách hàng	**1.623.935**	**1.817.271**	**1.914.664**	**1.958.939**
Bằng VND	1.609.637	1.803.969	1.901.288	1.945.609
Bằng ngoại tệ	14.298	13.302	13.376	13.330
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro	**4.957**	**3.737**	**2.644**	**2.378**
Bằng VND	4.114	3.540	2.499	2.230
Bằng ngoại tệ	843	197	145	148
Phát hành giấy tờ có giá	**78.462**	**60.559**	**108.147**	**118.145**
Bằng VND	78.462	60.559	108.147	118.145
Bằng ngoại tệ	0,271	-	-	-
Vốn huy động	**1.745.764**	**1.885.586**	**2.064.908**	**2.121.831**
Huy động vốn VND	1.705.849	1.871.479	2.050.814	2.107.602
Huy động vốn ngoại tệ	39.915	14.107	14.094	14.229
Tỷ trọng huy động vốn VND	**97,714%**	**99,252%**	**99,317%**	**99,329%**
Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ	**2,286%**	**0,748%**	**0,683%**	**0,671%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Cơ cấu huy động theo loại tiền	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vay NHNN	**552**	384	228	199
Bằng VND	552	384	228	199
Bằng ngoại tệ	-	-	-	-
Tiền gửi của KBNN	**5.355**	**892**	**795**	**1.571**
Bằng VND	5.351	888	795	1.571
Bằng ngoại tệ	4	4	0,057	0,057
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**32.302**	**2.309**	**37.553**	**40.277**
Bằng VND	7.533	1.705	36.979	39.526
Bằng ngoại tệ	24.769	604	573	751
Tiền gửi của khách hàng	**1.627.736**	**1.820.846**	**1.918.189**	**1.962.380**
Bằng VND	1.613.438	1.807.543	1.904.813	1.949.049
Bằng ngoại tệ	14.298	13.303	13.376	13.331
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro	**4.957**	**3.737**	**2.644**	**2.379**
Bằng VND	4.114	3.540	2.499	2.231
Bằng ngoại tệ	843	197	145	148
Phát hành giấy tờ có giá	**78.463**	**60.564**	**108.152**	**118.150**
Bằng VND	78.463	60.564	108.152	118.150
Bằng ngoại tệ	0,271	-	-	-
Vốn huy động	**1.749.365**	**1.888.732**	**2.067.561**	**2.124.956**
Huy động vốn VND	1.709.451	1.874.624	2.053.466	2.110.726
Huy động vốn ngoại tệ	39.914	14.108	14.095	14.230
Tỷ trọng huy động vốn VND	**97,718%**	**99,253%**	**99,318%**	**99,330%**
Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ	**2,282%**	**0,747%**	**0,682%**	**0,670%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

Đồng nội tệ chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank, tại ngày 31/03/2025, giá trị huy động vốn Việt Nam đồng hợp nhất chiếm đến hơn 99% tổng nguồn vốn.

Với đặc điểm là NHTM chủ lực trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nguồn tiền gửi của Agribank đến chủ yếu từ khách hàng cá nhân (chiếm khoảng 80%). Xét về cơ cấu tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Agribank giao động quanh mức 10 – 13%.

Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và gắn với đảm bảo khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Về điều hành lãi suất huy động, Agribank bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường để điều hành linh hoạt, đồng bộ công cụ phí, lãi suất phù hợp theo hướng tiết giảm chi phí huy động vốn. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của NHNN về trần lãi suất tiền gửi, Agribank đã ban hành các văn bản về lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng), duy trì lãi suất huy động ở mức thấp và điều chỉnh giảm linh hoạt theo tín hiệu thị trường, góp phần định hướng mặt bằng lãi suất thị trường theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.

8.1.3. Hoạt động tín dụng

8.1.3.1. Hoạt động cho vay khách hàng

Với vị trí là NHTM lớn nhất, đóng vai trò chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, Agribank đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt hai nhiệm vụ: vừa phục vụ các chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển.

Luôn xem trọng lợi ích của doanh nghiệp, lấy khách hàng làm trọng tâm trong mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Agribank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tiên phong triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng khách hàng pháp nhân và cá nhân. Cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có chi phí hoạt động cao, rủi ro lớn do thiên tai, biến đổi khí hậu, thị trường tiêu thụ hàng hóa, lãi suất cho vay thấp theo chính sách ưu đãi lãi suất, phần nào ảnh hưởng đến năng lực tài chính, khả năng tự tăng vốn tự có từ lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

Với ưu tiên hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp an toàn, hiệu quả và bền vững, Agribank đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả như: ban hành đồng bộ chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi, tiền vay, phí thanh toán, phí dịch vụ và các chính sách khác để khách hàng có thể sử dụng nhiều gói sản phẩm, dịch vụ có tính liên kết; tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Năm 2022, Agribank đã nỗ lực triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm (2022-2023) thông qua hệ thống các NHTM với tổng số tiền hỗ trợ lên tới 40.000 tỷ đồng là chương trình hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách Nhà nước có quy mô lớn nhất từ trước tới nay với mục tiêu phục hồi nhanh nền kinh tế. Sang năm 2023, trên cơ sở tiết giảm chi phí huy động đầu vào, Agribank đã thực hiện tám lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, theo đó lãi suất cho vay đã giảm mạnh từ 1,3-4%/năm so với đầu năm. Bên cạnh đó, Agribank còn triển khai nhiều

chương trình chính sách lãi suất cho vay như cho vay lĩnh vực lâm thủy sản, chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị quyết 33/NQ-CP, cho vay hỗ trợ các cá nhân hưởng lương ngân sách, cho vay hỗ trợ đối với cán bộ nhân viên y tế; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ngành lúa gạo Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long…cùng với giảm lãi suất cho vay, Agribank đã triển khai 03 chương trình giảm lãi suất đối với dư nợ hiện hữu của gần 2 triệu khách hàng với số tiền giảm lãi ước tính lên tới hơn 1.000 tỷ đồng trong năm 2023 và sẽ tiếp nối thực hiện trong năm 2024.

Tính đến 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất tăng 11,031% so với thời điểm 31/12/2023, đạt 1.723.382 tỷ đồng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN và HĐTV giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế. Đến 31/03/2025 tổng dư nợ cho vay khách hàng là 1.781.417 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng tập trung cho vay ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông, tiêu dùng.

Tình hình cho vay khách hàng của Agribank qua các năm (Hợp nhất)

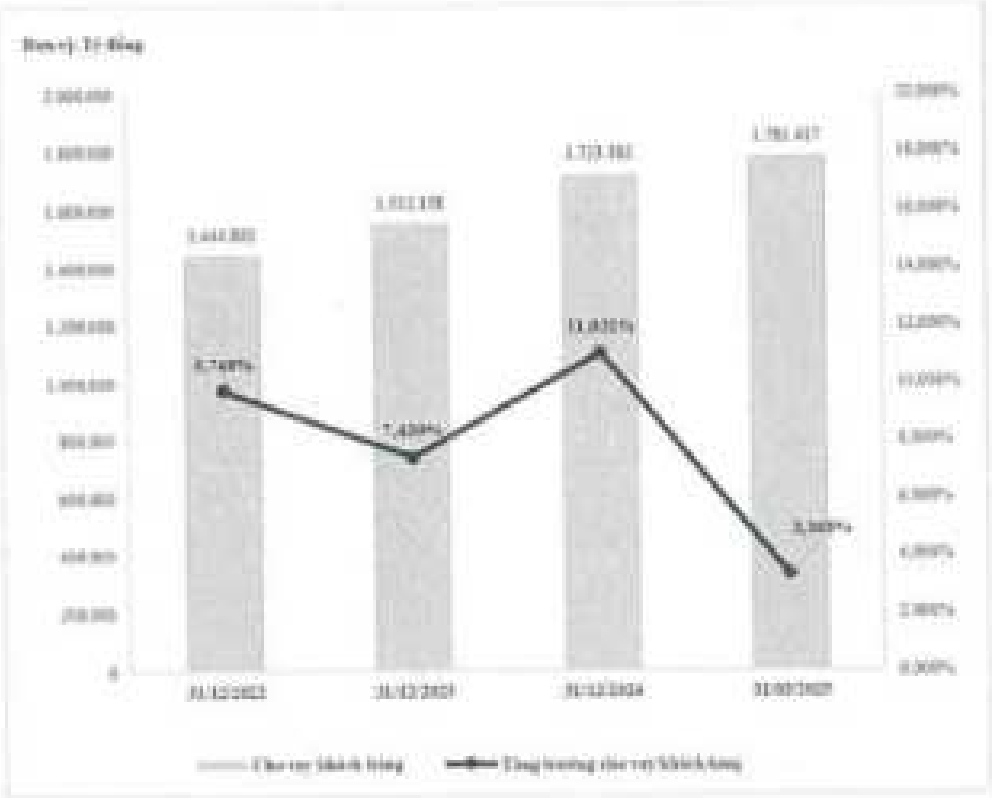

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Tình hình cho vay của Agribank qua các năm (Công ty mẹ)

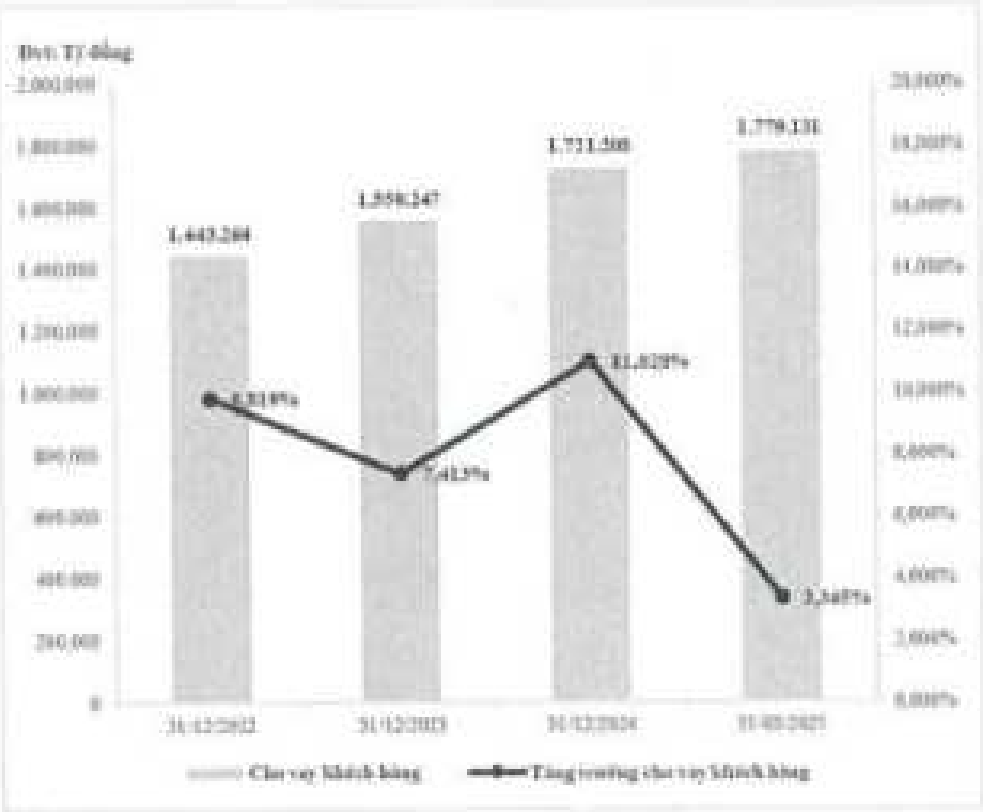

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

Chi tiết phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài **("Thông tư 31")** như sau:

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Phân tích dư cho vay KH theo kỳ hạn	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	876.470	60,664%	943.343	60,776%	1.102.339	63,965%	1.144.814	64,219%
Nợ trung hạn	386.032	26,719%	402.374	25,926%	386.169	22,408%	392.482	22,032%
Nợ dài hạn	180.762	12,511%	204.330	13,164%	232.880	13,511%	242.635	13,620%
Phải thu, cho vay các các công ty con	1.538	0,106%	1.911	0,123%	2.174	0,126%	2.286	0,128%
Tổng dư nợ cho vay	**1.444.802**	**100%**	**1.552.158**	**100%**	**1.723.382**	**100%**	**1.781.417**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Phân tích dư nợ cho vay KH theo kỳ hạn	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	876.479	60,728%	943.343	60,851%	1.102.399	64,040%	1.144.014	64,302%
Nợ trung hạn	386.032	26,747%	402.574	25,968%	386.169	22,436%	392.482	22,060%
Nợ dài hạn	180.762	12,525%	204.330	13,180%	232.680	13,518%	242.635	13,638%
Tổng dư nợ cho vay	**1.443.264**	**100**	**1.550.247**	**100%**	**1.721.208**	**100%**	**1.779.131**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

Tính đến thời điểm 31/03/2025, theo báo cáo tài chính hợp nhất, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 1.781.417 tỷ đồng. Trong đó cho vay ngắn hạn tiếp tục có tỷ trọng cao nhất khi phân tích dư nợ cho vay khách hàng phân theo kỳ hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 1.144.014 tỷ đồng tương đương 64,219%; nợ trung, dài hạn chiếm tỷ trọng lần lượt là 22,032% và 13,620%.

8.1.3.2. Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu

Chất lượng tín dụng luôn được Agribank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Chi tiết phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng theo Thông tư 31 như sau:

Chất lượng tín dụng của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023 (*)		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.381.920	95,648%	1.488.504	95,899%	1.662.958	96,496%	1.719.292	96,513%
Nợ cần chú ý	35.280	2,442%	32.308	2,081%	29.202	1,694%	31.937	1,793%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.868	0,269%	4.084	0,263%	2.283	0,132%	5.293	0,297%
Nợ nghi ngờ	3.176	0,220%	5.876	0,379%	4.088	0,237%	2.188	0,123%
Nợ có khả năng mất vốn	19.000	1,315%	19.475	1,255%	22.638	1,314%	26.431	1,147%
Phải thu, cho vay của các công ty con	1.538	0,106%	1.911	0,123%	2.173	0,126%	2.298	0,129%
Tổng dư nợ cho vay	**1.444.882**	**100%**	**1.552.158**	**100%**	**1.723.382**	**100%**	**1.781.417**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Chất lượng tín dụng của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Phân loại nợ	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.381.920	95,750%	1.488.304	96,017%	1.682.998	96,618%	1.719.292	96,637%
Nợ cần chú ý	35.280	2,444%	32.308	2,084%	29.202	1,697%	31.037	1,795%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.888	0,269%	4.084	0,263%	2.283	0,133%	5.203	0,297%
Nợ nghi ngờ	3.176	0,220%	5.876	0,379%	4.088	0,238%	2.188	0,123%
Nợ có khả năng mất vốn	19.000	1,316%	19.475	1,256%	22.638	1,315%	20.431	1,148%
Tổng dư nợ cho vay	**1.443.264**	**100%**	**1.550.247**	**100%**	**1.721.209**	**100%**	**1.778.151**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Tình hình nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN

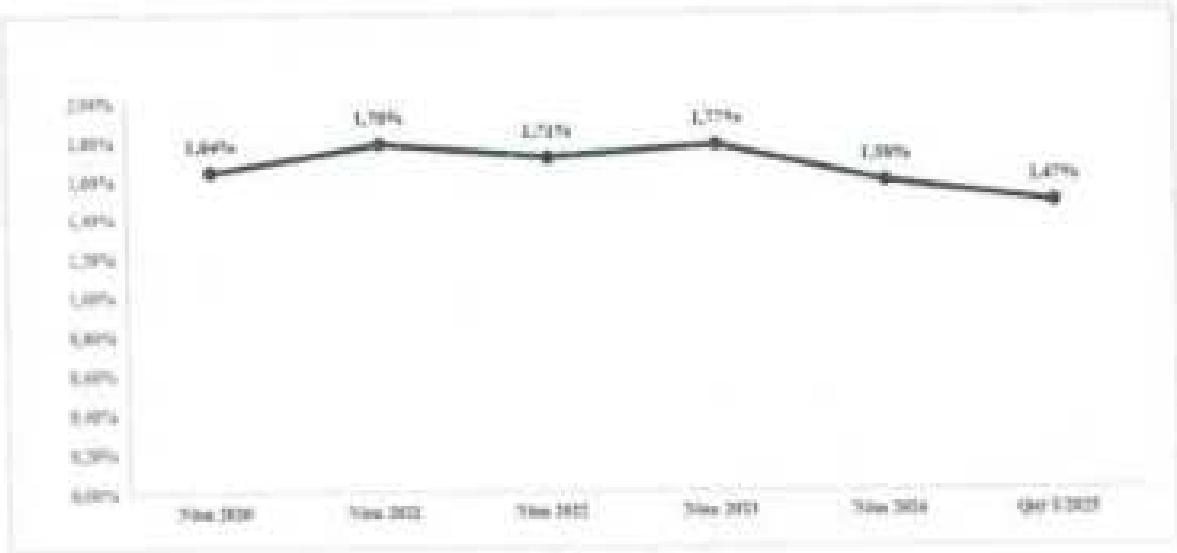

(Nguồn: Agribank)

Tính đến thời điểm 31/3/2025, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31 là 1,47% (đảm bảo kế hoạch NHNN giao). Tỷ lệ nợ xấu trong 3 tháng đầu năm 2025 giảm so với cuối năm 2024 là kết quả từ việc ngân hàng đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các biện pháp xử lý, thu hồi nợ. Ngân hàng đã chủ động rà soát, phân loại nợ theo mức độ rủi ro, từ đó xây dựng phương án xử lý phù hợp với từng khách hàng. Công tác đôn đốc, nhắc nợ được thực hiện thường xuyên, kịp thời và linh hoạt. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng và khách hàng để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ. Qua đó, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt và có xu hướng giảm rõ rệt trong những tháng đầu năm.

8.1.3.3. *Rủi ro lãi suất và phân loại trích lập dự phòng rủi ro tín dụng*

Rủi ro lãi suất được Agribank thực hiện kiểm soát thông qua việc thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhằm đảm bảo chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra thực dương sau khi loại trừ các chi phí về huy động vốn, chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường để đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Agribank. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Agribank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

Tính đến thời điểm 31/03/2025, số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng hợp nhất và riêng của Agribank lần lượt là 34.598 tỷ đồng và 34.091 tỷ đồng.

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023 (*)	31/12/2024	31/03/2025
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	**36.835**	**38.065**	**38.279**	**34.598**
Dự phòng cụ thể	26.237	26.654	25.650	21.599
Dự phòng chung	10.598	11.411	12.629	12.999

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023 (*)	31/12/2024	31/03/2025
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	**36.276**	**37.540**	**37.770**	**34.091**
Dự phòng cụ thể	25.715	26.177	25.154	21.106
Dự phòng chung	10.561	11.363	12.616	12.985

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

8.1.3.4. *Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)*

Agribank luôn bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn. Cụ thể:

Chỉ tiêu	31/12/2022 (*)	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025	Quy định (*)
Tỷ lệ an toàn vốn riêng (CAR)	10,6%	9,2%	11,19%	11,14%	≥ 8%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR)	10,8%	9,2%	11,35%	11,29%	≥ 8%

(Nguồn: Agribank)

(*) Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022: Agribank áp dụng quản lý, tính toán tỷ lệ CAR theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, quy định CAR (riêng và hợp nhất) tối thiểu là 9%.

Từ 01/01/2023, Agribank áp dụng quản lý, tính toán theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, từ 01/7/2024, Agribank áp dụng quản lý, tính toán theo Thông tư 22/2023/TT-NHNN; trong đó: quy định CAR (riêng và hợp nhất) tối thiểu là 8%.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

8.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Agribank là NHTM hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ ngoại hối đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Agribank luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của khách hàng cá nhân bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của Ngân hàng. Với lợi thế về mạng lưới, nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào và nhân sự giàu kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Agribank không chỉ kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nói chung mà còn hỗ trợ tích cực cho khách hàng doanh nghiệp phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoại hối đặc thù, phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Agribank luôn chú trọng đến công tác phát triển khách hàng nhằm khai thác tối đa các kênh khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Lãi kinh doanh ngoại tệ của Agribank trong năm 2023 và 2024 lần lượt là 2.007 tỷ đồng và 4.538 tỷ đồng. Đến hết Quý I/2025, con số này đạt 1.200 tỷ đồng.

8.1.4.2. Hoạt động thanh toán

Tình hình dịch vụ thanh toán của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Thu từ dịch vụ thanh toán	5.502	5.428	5.560	1.391
Chi về dịch vụ thanh toán	1.797	2.223	2.108	504
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	**3.705**	**3.205**	**3.452**	**887**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Tình hình dịch vụ thanh toán của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Thu từ dịch vụ thanh toán	5.502	5.428	5.560	1.391
Chi về dịch vụ thanh toán	1.797	2.223	2.108	504
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	**3.705**	**3.205**	**3.452**	**887**

(Nguồn:BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

a) Hoạt động thanh toán trong nước

Agribank đã phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin, chủ động áp dụng các giải pháp ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ E-Banking: Mở tài khoản trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai phiên bản mới của dịch vụ Agribank Plus có tính năng hiện đại, độ tùy biến cao, chức năng được sắp xếp khoa học, rõ ràng hơn, màu sắc tươi trẻ, hiện đại và khách hàng có thể chủ động trong việc thiết lập các chức năng ưu tiên ngay trên ứng dụng theo nhu cầu; Triển khai dịch vụ chuyển khoản qua mã VietQr; Bổ sung chức năng chọn tài khoản nguồn; Bán bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc mô tô – xe máy trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai dịch vụ thu nợ tiền vay trên ứng dụng; Nạp tiền vào tài khoản giao thông ePass; Nộp ngân sách Nhà nước; Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử trên ứng dụng; Bổ sung thêm nhiều tiện ích trên ứng dụng Agribank Plus (tính năng quét QR, gọi taxi, đặt món ăn, đặt sân Golf; mua sắm trực tuyến, đặt vé tàu xe, giao hàng, thanh toán hóa đơn, dịch vụ mua gói học trực tuyến...); Triển khai thí điểm Agribank E-Banking, hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua các thiết bị có kết nối Internet (dịch vụ thanh toán, tài khoản tiền gửi, tín dụng, thanh toán quốc tế, thương mại điện tử, thẻ, dịch vụ phi tài chính và các dịch vụ khác...); Phát triển sản phẩm Tiền gửi trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus đáp ứng nhu cầu gửi tiền trực tuyến, giảm tải giao dịch tại quầy; Cập nhật bổ sung đặc điểm, tiện ích tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của NHNN; Liên kết hợp tác, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác, công ty fintech để phát triển dịch vụ ví điện tử, thu hộ, chi hộ... đáp ứng nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của nền kinh tế; Triển khai phát hành thẻ chip nội địa không tiếp xúc theo chuẩn VCCS, ứng dụng kết nối POS với phần mềm hệ thống kế toán của Đơn vị chấp nhận thẻ; Triển khai thí điểm sản phẩm thẻ liên kết bệnh viện; Triển khai Đề án phát triển dịch vụ thẻ tại thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xác định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên nền tảng công nghệ thông tin, Agribank tập trung phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ ứng dụng giải pháp công nghệ 4.0, triển khai các công việc ban đầu để phát triển ngân hàng số, thực hiện chuyển đổi số. Dịch vụ ngân hàng điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng, tạo nguồn thu đáng kể cho Agribank. Đây là nhóm dịch vụ sẽ là kênh phân phối khách

hàng ưa thích sử dụng.

Năm 2022, Agribank ra mắt và triển khai sản phẩm thẻ chip nội địa Lộc Việt theo chuẩn VCCS sử dụng công nghệ hiện đại nhất hiện nay, tích hợp hai ứng dụng thẻ ghi nợ và tín dụng trên cùng một chip, giúp khách hàng linh hoạt và chủ động trong lựa chọn phương thức thanh toán. Vừa qua, sản phẩm Thẻ Lộc Việt của Agribank đã dành Giải Sao Khuê 2022 cho hệ thống công nghệ thông tin xuất sắc lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Cũng trong năm 2022, Agribank triển khai Dự án Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital) giai đoạn 1, mô hình được bình chọn là Giải pháp xuất sắc của ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam và được vinh danh Giải thưởng Sao Khuê 2023.

Năm 2023, Agribank triển khai bổ sung một số sản phẩm, chức năng, tiện ích mới, như: Sản phẩm thẻ First Class; bổ sung một số chức năng mới trên ứng dụng Agribank Plus (Đăng ký phát hành/phát hành lại thẻ, chuyển đổi thẻ chip nội địa, mở khóa thẻ, định danh thẻ); Đơn vị chấp nhận thẻ trực tuyến (E-Merchant) chấp nhận thẻ nội địa; Thí điểm chức năng giao dịch bằng CCCD gắn chip tại ATM đến tháng 6/2024; Mở rộng chức năng rút tiền bằng mã QR tại ATM.

Năm 2024, Agribank đã triển khai thêm nhiều chức năng tiện ích mới trên ứng dụng Agribank Plus: Triển khai giải pháp Open Smartbank (OSB); Chức năng bán ngoại tệ của khách hàng cá nhân; Chức năng cập nhật sinh trắc học trên ứng dụng Agribank Plus qua tài khoản VneID; Cho vay có bảo đảm bằng số dư tiền gửi trực tuyến đối với KHCN trên ứng dụng Agribank Plus; Dịch vụ thông báo biến động số dư tài khoản thanh toán bằng âm thanh (Voice OTT).

b) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Tính đến ngày 30/04/2025, Agribank có 161 Chi nhánh loại I, 44 Chi nhánh loại II và 01 chi nhánh nước ngoài tại Campuchia được phép thực hiện Thanh toán quốc tế trực tiếp; trong đó 75 Chi nhánh loại I và loại II được xử lý tác nghiệp Thanh toán quốc tế tập trung đối với nghiệp vụ thư tín dụng (gồm UPAS L/C) và Nhờ thu tại Trung tâm Tài trợ thương mại là 48 Chi nhánh loại I và loại II ... Trong nhiều năm qua, Agribank liên tục nhận được các giải thưởng về "Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao" được Bank of New York Mellon (Mỹ) và Citibank (Mỹ) trao tặng, "Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc" do Wells Fargo (Mỹ) trao tặng với tỷ lệ điện chuẩn đạt 100%, Giải "Chất lượng thanh toán xuất sắc và tỷ lệ điện thanh toán chuẩn (MT103)" do J.P Morgan Chase (Mỹ) trao tặng; Giải "Chất lượng thanh toán xuất sắc năm 2023" do Standard chartered Bank trao tặng.

c) Hoạt động thanh toán biên giới

Thanh toán biên giới là một trong những thế mạnh của Agribank và Agribank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai nghiệp vụ này vào năm 1996 tại thị trường Trung Quốc. Hiện nay, Agribank đang triển khai hoạt động này với thị trường Trung Quốc và Lào. Tính đến hết năm 2024, Agribank có 07 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Trung Quốc và 01 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Lào. Hoạt động thanh toán biên giới của

Agribank được thực hiện qua Hệ thống thanh toán biên mậu CBPS là hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế hoàn chỉnh do Agribank xây dựng và giữ bản quyền trên nền tảng công nghệ Internet tiên tiến, áp dụng các giải pháp bảo mật cao cấp của Agribank. Hệ thống này đã được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) trao giải thưởng Sao Khuê 2017.

Việc triển khai thanh toán biên giới qua CBPS đã giúp Agribank nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đáp ứng chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy quan hệ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại biên giới.

Năm 2024, tổng doanh số thanh toán biên giới (TTBG) tại thị trường Trung Quốc đạt 34.485 tỷ đồng và thị trường Lào đạt 832,5 tỷ đồng (tăng 52% so với năm 2023). Tổng phí TTBG đạt tại hai thị trường đều tăng, đạt 22,5 tỷ đồng tương đương tăng 25%. Doanh số TTBG qua Agribank 4 tháng năm 2025 đạt 8.634 tỷ đồng và tổng phí TTBG đạt 6,12 tỷ đồng.

8.1.4.3. Dịch vụ kiều hối

Để tăng doanh thu từ dịch vụ kiều hối, năm 2020 Agribank đã ký sửa đổi bổ sung Hợp đồng với Western Union, trong đó đã bỏ điều khoản độc quyền. Từ đó tạo cơ sở cho Agribank mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là Công ty chuyển tiền ở những thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Năm 2023, lượng kiều hối Agribank đạt 1,23 tỷ USD. Năm 2024, doanh số chi trả kiều hối Agribank đạt 1,274 triệu USD. Đến 30/4/2025, lượng kiều hối Agribank đạt 494 triệu USD.

8.1.5. Hoạt động đầu tư

8.1.5.1. Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, Agribank cũng chú trọng đến phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư hiện đại. Danh mục đầu tư giấy tờ có giá liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời nhưng vẫn đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống. Tính đến 31/03/2025, quy mô đầu tư chứng khoán hợp nhất của Agribank đạt 245.581 tỷ đồng, tăng 1,132% so với cuối năm 2024. Trong đó, Trái Phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng khoảng 59,985% trong tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Agribank.

Danh mục đầu tư của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Danh mục đầu tư	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Chứng khoán kinh doanh	**10**	**11**	**414**	**363**
Chứng khoán nợ	-	-	*347*	-
Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-	245	-
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-	102	-

Danh mục đầu tư	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Chứng khoán vốn	*10*	*11*	*67*	*363*
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	10	11	5	7
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	-	62	356
Chứng khoán sẵn sàng để bán	**154.789**	**97.780**	**167.248**	**170.629**
Chứng khoán nợ	*154.734*	*97.725*	*167.200*	*170.581*
Trái Phiếu chính phủ	114.843	79.394	92.669	91.652
Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	3.991	7.729	7.727	7.729
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	35.500	10.602	66.804	71.200
Trái Phiếu do các TCKT trong nước phát hành	400	-	-	-
Chứng khoán vốn	*53*	*55*	*48*	*48*
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	55	55	48	48
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**59.874**	**77.212**	**75.170**	**74.589**
Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	2.090	690	-	-
Trái Phiếu Chính phủ	45.452	56.452	55.948	55.661
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	11.563	18.198	18.167	18.159
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành		1.103	286	-
Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC") (*)	170	170	170	170
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	599	599	599	599
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	**(650)**	**(669)**	**(798)**	**(817)**
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	*(1)*	*(0,29)*	*(9)*	*(13)*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	*(50)*	*(35)*	*(20)*	*(35)*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	*(599)*	*(634)*	*(769)*	*(769)*
Tổng cộng	**214.823**	**174.334**	**242.635**	**244.764**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023

Danh mục đầu tư chứng khoán của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Danh mục đầu tư	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Chứng khoán kinh doanh	**0,29**	**0,29**	**0,29**	**0,29**
Chứng khoán vốn	*0,29*	*0,29*	*0,29*	*0,29*
Chứng khoán sẵn sàng để bán	**154.744**	**97.295**	**166.908**	**170.591**
Chứng khoán nợ	*154.734*	*97.285*	*166.898*	*170.581*
Trái Phiếu chính phủ	114.843	79.394	92.669	91.652
Trái Phiếu do các TCTD trong nước khác phát hành	3.991	7.729	7.729	7.729
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	35.500	10.162	66.500	71.200
Trái Phiếu do các TCKT trong nước phát hành	400	-	-	-
Chứng khoán vốn	*10*	*10*	*10*	*10*
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	10	10	10	10
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**59.275**	**76.613**	**74.286**	**73.991**
Trái Phiếu chính phủ đặc biệt	2.090	690	-	-
Trái Phiếu chính phủ	45.452	56.452	55.949	55.662
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	11.563	18.198	18.167	18.159
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	-	1.103	-	-
Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC") (*)	170	170	170	170
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	**(10)**	**(45)**	**(180)**	**(180)**
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	*(0,29)*	*(0,29)*	*(0,29)*	*(0,29)*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	*(10)*	*(10)*	*(10)*	*(10)*
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	*(35)*	*(170)*	*(170)*
Tổng cộng	**214.009**	**173.863**	**241.014**	**244.402**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(**) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023.

8.1.5.2. *Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn*

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã đẩy mạnh thoái vốn dần các khoản đầu tư góp vốn, không chỉ thoái vốn khỏi các TCTD khác, các ngân hàng cũng đã thoái vốn khỏi các khoản đầu tư ngoài ngành. Hiện nay, Agribank không còn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của một TCTD nào khác.

Đến thời điểm 30/04/2025, giá gốc các khoản đầu tư vào công ty con của Agribank là 1.765.005 triệu đồng; giá gốc các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác là 26.800 triệu đồng. Tổng giá trị dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến thời điểm 30/04/2025 là 466.503 triệu đồng. Số liệu chi tiết như sau:

Nội dung	30/04/2025	
	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND
❖ ***Đầu tư vào công ty con***		
Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	100	172.087
Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	100	294.416
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	100	288.249
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank	100	30.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	74,92	1.250.916
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	52,08	195.840
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		(466.503)
Tổng cộng		**1.765.005**
❖ ***Góp vốn đầu tư dài hạn khác***		
Quỹ Bảo Lãnh Tín dụng Yên Bái	7,23	1.800
Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	8	25.000
Tổng cộng		**26.800**
❖ ***Dự phòng giảm giá vốn góp, đầu tư dài hạn***		
Số đầu năm		466.503
Hoàn nhập dự phòng trong năm		-
Sử dụng dự phòng trong năm		-
Số cuối năm		466.503

(Nguồn: Agribank)

(*) Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1009/2018/QĐ-TBPS tuyên bố phá sản và chấm dứt hoạt động của Công ty Cho thuê

Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"), công ty con của Ngân hàng với tỷ lệ sở hữu là 100%. Ngày 8 tháng 9 năm 2018, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2936/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động của ALCII và phân công chấp hành viên chịu trách nhiệm tổ chức thi hành án. Kể từ thời điểm này, Ngân hàng không còn quyền kiểm soát đối với ALCII và vì vậy, ALCII không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Theo Công văn số 9457/NHNN-TCKT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng đã ngừng hợp nhất báo cáo tài chính của ALCII vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

Agribank đã trích lập dự phòng toàn bộ 100% vốn đầu tư của Agribank tại ALCII (294,4 tỷ đồng) trong Báo cáo tài chính từ năm 2009 và theo Văn bản số 7453/NHNo-HĐTĐ ngày 29/12/2010 của Tổng Giám đốc Agribank.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang trong quá trình thực hiện xử lý tài sản của ALCII để phân chia cho đối tượng liên quan của ALCII nên Agribank chưa xác định được số tiền được phân chia với vai trò là chủ nợ, chủ sở hữu ALCII để xác định số tiền thiệt hại làm cơ sở cho việc xử lý tổn thất.

8.1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế, ngân hàng đại lý và các dự án quốc tế

8.1.6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đại lý

Agribank luôn duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý đa dạng, an toàn; tích cực làm việc với các đối tác, thắt chặt quan hệ, tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hợp tác; đánh giá và so sánh trong việc lựa chọn tối ưu các định chế cung cấp sản phẩm dịch vụ. Tính đến 30/04/2025, số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 639 ngân hàng tại 76 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (368 ngân hàng, chiếm 57,59% tổng số lượng NHĐL), tiếp đến là Châu Âu (186 ngân hàng, chiếm 29,11%), Châu Mỹ (71 ngân hàng, chiếm 11,11%), châu Úc (11 ngân hàng, chiếm 1,72%), Châu Phi (3 ngân hàng, chiếm 0,47%).

Agribank đang triển khai 134 thỏa thuận hợp tác quốc tế về tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật với các định chế tài chính nước ngoài. Không dừng lại ở hợp tác song phương, Agribank còn là thành viên tích cực của 05 hiệp hội quốc tế, bao gồm: Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp Nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA), Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và Bán lẻ Thế giới (WSBI), SFSC (EUROCHAM) và Phòng công nghiệp và thương mại Pháp tại Việt Nam (CCIFV). Agribank luôn triển khai mạnh mẽ và hiệu quả các hoạt động hợp tác, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của một thành viên trong các hiệp hội này.

Hàng năm, Agribank tích cực kết nối, phối hợp với các Hiệp hội quốc tế, tổ chức quốc tế, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, các đại sứ quán, các ngân hàng đại lý tổ chức, tham gia hàng

trăm hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong và ngoài nước nhằm mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với đối tác, trao đổi kinh nghiệm, cập nhật các nghiên cứu, phân tích chuyên sâu về hoạt động nghiệp vụ, các xu hướng mới nổi trong ngành ngân hàng và tài chính quốc tế... Một số hội nghị tiêu biểu mà Agribank đã tham gia gần đây như: Đoàn công tác của Agribank cùng Ngân hàng Nhà nước thăm tùng Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tham dự Diễn đàn kinh tế thế giới tại Thụy Sĩ, Hungari và Rumani năm 2024; Hội nghị thường niên của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền; Hội nghị thường niên IMF/WB năm 2024 tại Mỹ; Hội nghị thường niên của WSBI năm 2024 tại Ý; Hội nghị thường niên ABA năm 2024 tại Đài Loan; Hội nghị thường niên ADB tại Georgia năm 2024; Diễn đàn chính sách khu vực và Hội nghị ủy ban điều hành lần thứ 77 của APRACA tại Campuchia; tổ chức đón tiếp lãnh đạo cấp cao của AFD (Giám đốc khu vực Đông Nam Á, Giám đốc quốc gia AFD); Tổng Giám đốc Cơ quan Phát triển Luxembourg (LuxDev); đoàn Đặc phái viên của Tổng thống Cộng hòa Indonesia...

Agribank được các Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế là Moody's xếp hạng Ba2, triển vọng Ổn định và Fitch xếp hạng BB+, triển vọng Ổn định, bằng xếp hạng trần quốc gia của Việt Nam và là mức xếp hạng cao nhất của các ngân hàng tại Việt Nam.

Hàng năm, Agribank được nhận nhiều giải thưởng do các ngân hàng uy tín trên thế giới (J.P Morgan, Citibank, Standard Chartered Bank New York, BNY Mellon...) trao tặng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc. Agribank duy trì vị trí Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2024 và Top 5 ngân hàng Việt Nam có giá trị thương hiệu cao nhất theo bảng xếp hạng Brand Finance Banking 500. Trong lần đầu tiên đánh giá xếp hạng các doanh nghiệp tại Khu vực Đông Nam Á của Tạp chí Fortune, Agribank đã đạt được xếp hạng thứ 37 đồng thời đứng thứ nhất trong hệ thống các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

8.1.6.2. Dự án quốc tế

Agribank luôn là đối tác được tin nhiệm của các nhà tài trợ quốc tế trong việc triển khai các dự án tín dụng, phục vụ các dự án ODA. Đến 30/4/2025 tổng nguồn vốn Dự án đạt gần 2.277 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay từ nguồn vốn Dự án đạt gần 2.135 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng vẫn được duy trì ở mức thấp là 0,26%. Hiện nay, Agribank đang thực hiện vai trò ngân hàng phục vụ cho 26 Dự án với tổng giá trị tương đương 1,25 tỷ USD. Lũy kế đến nay, Agribank đã tiếp nhận và triển khai 186 Dự án ngân hàng phục vụ với tổng số vốn tương đương 9,7 tỷ USD. Vốn Dự án tín dụng đã hỗ trợ tích cực nguồn vốn trung dài hạn với lãi suất hợp lý cho Agribank để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước nhà và nâng cao đời sống người dân. Đồng thời việc thực hiện các dự án Ngân hàng phục vụ đã góp phần tăng thêm nguồn ngoại tệ cho Agribank, thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tăng thu phí dịch vụ.

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại thời điểm 31/03/2025 như sau:

Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	12.486	6.528	5.958
Máy móc thiết bị	4.158	3.399	759
Phương tiện vận tải	3.379	2.527	852
Thiết bị dụng cụ quản lý	5.623	4.773	850
Tài sản cố định khác	611	351	260
Tổng cộng	**26.257**	**17.578**	**8.679**

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình riêng tại thời điểm 31/03/2025 như sau:

Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	12.247	6.467	5.780
Máy móc thiết bị	3.934	3.233	701
Phương tiện vận tải	3.248	2.420	828
Thiết bị dụng cụ quản lý	5.568	4.743	825
Tài sản cố định khác	609	350	259
Tổng cộng	**25.606**	**17.213**	**8.393**

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2025)

8.2.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/03/2025 như sau:

Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	19,2	18,9	0,3
Tổng cộng	19,2	18,9	0,3

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính riêng tại thời điểm 31/03/2025 như sau:

Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	19,2	18,9	0,3
Tổng cộng	19,2	18,9	0,3

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2025)

8.2.3. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình hợp nhất tại thời điểm 31/03/2025 như sau:

Tài sản cố định vô hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.439	317	2.122
Phần mềm máy vi tính	1.735	1.500	235
Tài sản cố định vô hình khác	54	10	44
Tổng cộng	**4.228**	**1.827**	**2.401**

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2025)

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình riêng tại thời điểm 31/03/2025 như sau:

Tài sản cố định vô hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.121	259	1.862
Phần mềm máy vi tính	1.674	1.457	217
Tài sản cố định vô hình khác	53	10	43
Tổng cộng	**3.848**	**1.726**	**2.122**

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2025)

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Agribank cơ bản hoàn thiện các quy trình, chính sách và các hạn mức quản lý rủi ro, liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với quy định hiện hành của NHNN, đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thông tin, phòng chống gian lận bằng các giải pháp công nghệ, tăng cường các công cụ hỗ trợ quản lý rủi ro; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra kiểm

soát nội bộ trong toàn hệ thống.

Đối với Rủi ro tín dụng, Agribank đã ban hành: (i) Quy chế, quy trình về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 và Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024; (ii) Quy định về cảnh báo sớm rủi ro tín dụng trong hệ thống Agribank và hướng dẫn các chi nhánh sử dụng, vận hành hệ thống cảnh báo sớm; (iii) Quy chế về Quản lý rủi ro; (iv) Quy định về Quản lý rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN; (v) Quy định về Hạn mức rủi ro tín dụng và hạn mức rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Agribank; (vi) Ban hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Agribank đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024; (vii) Quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Agribank với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 15/2023/TT-NHNN.

Đối với rủi ro thị trường: Agribank đã ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro thị trường, hướng dẫn định giá giá trị thị trường đối với các danh mục chịu rủi ro thị trường, quy định hạn mức rủi ro thị trường và các văn bản có liên quan đảm bảo đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa việc vượt hạn mức rủi ro thị trường và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh (nếu có).

Đối với rủi ro hoạt động, Agribank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro hoạt động bao gồm Quy định và các văn bản hướng dẫn có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

Đối với rủi ro thanh khoản: Agribank thực hiện công tác quản lý rủi ro thanh khoản thống nhất toàn hệ thống, tập trung tại Trụ sở chính nhằm đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN và hiệu quả kinh doanh. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với bản chất và mức độ phức tạp của các hoạt động của Agribank. Năm 2024, các tỷ lệ an toàn thanh khoản của Agribank luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và duy trì mức an toàn cao. Nguồn vốn của Agribank tăng trưởng ổn định, trong đó vốn huy động từ dân cư chiếm tỷ trọng lớn, tài sản có tính thanh khoản cao luôn duy trì đủ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi điều kiện.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng: Agribank đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng bảo đảm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

8.3.2. Đánh giá thực trạng tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Ngay từ đầu năm 2024, Agribank tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật. Mặt khác, Agribank thực hiện nghiêm túc kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vay vốn vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, Agribank triển khai nhiều Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp với tổng quy mô 175.000 tỷ đồng gồm Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho khách hàng doanh nghiệp với quy mô 25.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp lớn với quy mô 60.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô 50.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng pháp nhân của Tập đoàn – Tổng Công ty thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước với quy mô 20.000 tỷ đồng, chương trình đồng hành cùng doanh nghiệp xuất nhập khẩu với quy mô 20.000 tỷ đồng.

Song song tăng trưởng tín dụng, Agribank đã quyết liệt chỉ đạo triển khai các giải pháp kiểm soát, xử lý thu hồi nợ xấu. Đến 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng theo Thông tư 31 là 1,55%, giảm so đầu năm và thấp hơn kế hoạch Ngân hàng Nhà nước giao (dưới 2%). Đáng chú ý trong bối cảnh nhiều ngân hàng giảm tỷ lệ bao phủ nợ xấu thì Agribank tăng 1,2% so với đầu năm ở mức 131,1%, tạo bộ đệm dày dặn hơn giúp ngân hàng chủ động ứng phó khi rủi ro phát sinh.

Năm 2025, ngay từ đầu năm, Agribank đã triển khai rất nhiều chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân với tổng quy mô 320.000 tỷ đồng.

Cụ thể, đối với khách hàng doanh nghiệp, Agribank dành hơn 210.000 tỷ đồng vốn tín dụng ưu đãi cùng nhiều ưu đãi về lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ và tỷ giá mua bán ngoại tệ, áp dụng từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025. Có thể kể đến chương trình tín dụng 5.000 tỷ đồng và 100 triệu USD thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp FDI; 35.000 tỷ đồng dành cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu; 80.000 tỷ đồng vốn ưu đãi ngắn hạn tài trợ hoạt động của các doanh nghiệp lớn; 60.000 tỷ đồng dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và 30.000 tỷ đồng vốn trung dài hạn tài trợ doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư.

Đối với khách hàng cá nhân, Agribank cũng đang triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi với tổng quy mô trên 110.000 tỷ đồng, dành cho khách hàng vay tiêu dùng hỗ trợ nhu cầu đời sống, vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và hướng đến tín dụng xanh.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng là ba (03) văn phòng đại diện, ba (03) đơn vị sự nghiệp, một trăm sáu mươi hai (162) chi nhánh loại I, bảy trăm bảy mươi sáu (776) chi nhánh loại II, một (01) chi nhánh tại Campuchia và một nghìn hai trăm tám mươi tư (1.284) phòng giao dịch.

8.4.2. *Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng*

8.4.2.1. *Mạng lưới khách hàng*

- Khách hàng tổ chức kinh tế: quy mô khách hàng tổ chức kinh tế có số dư tiền gửi đạt trên 257.000 khách hàng. Số lượng khách hàng tổ chức kinh tế tại Agribank phân bổ tương đối đều tại các khu vực trên toàn hệ thống. Một số khu vực có tỷ trọng số lượng khách hàng tổ chức kinh tế lớn: Khu vực Bắc Trung Bộ (13,78%), Khu vực đồng bằng sông Hồng (13,65%), Khu vực Tây Nam Bộ (12,57%).
- Khách hàng cá nhân: Số lượng khách hàng tiền gửi cá nhân đạt 17.448.631 khách hàng, tăng 536.883 khách hàng (+3,2%) so với đầu năm 2025. Số lượng khách hàng cá nhân vay vốn đạt 2.865.271 khách hàng, chiếm 99,8% số khách hàng vay vốn, giảm 65.238 khách hàng (-2,2%) so với đầu năm. Số lượng khách hàng cá nhân tập trung chủ yếu tại khu vực nông nghiệp nông thôn. Một số khu vực có khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn như: Tây Nam Bộ (15,8%), Đồng bằng sông Hồng (14,4%), Khu 4 cũ (14,2%), Duyên hải Miền Trung (11,04%). Khu vực nước ngoài (Campuchia) có số lượng khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng nhỏ với trên 700 khách hàng.
- Số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 639 ngân hàng tại 76 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (368 ngân hàng, chiếm 57,59% tổng số lượng NHĐL), tiếp đến là Châu Âu (186 ngân hàng, chiếm 29,11%), Châu Mỹ (71 ngân hàng, chiếm 11,11%), châu Úc (11 ngân hàng, chiếm 1,72%) và Châu Phi (3 ngân hàng, chiếm 0,47%).

8.4.2.2. *Sản phẩm và dịch vụ cho Khách hàng*

✓ *Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân:*

- *Tiền gửi:* gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi trên kênh trực tuyến và giấy tờ có giá.
- *Tín dụng:* gồm cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất kinh doanh, chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác và bảo lãnh.
- *Dịch vụ thanh toán.*
- *Dịch vụ ngân hàng điện tử:* gồm dịch vụ Mobile Banking, dịch vụ Agribank eBanking, dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital).
- *Thẻ:* gồm thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế, thẻ tín dụng quốc tế, thẻ phi vật lý, thẻ Lộc Việt và thẻ trả trước.
- *Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối.*
- *Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác:* gồm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán và dịch vụ liên kết khác.

✓ *Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng tổ chức:*

- *Nhóm sản phẩm huy động vốn:* gồm tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán), tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi rút gốc linh hoạt, tiền gửi tích lũy, tiền gửi trực tuyến, tiền gửi đầu tư tự động và giấy tờ có giá.
- *Tín dụng khách hàng pháp nhân:* gồm cho vay, bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng, phát hành thẻ tín dụng và chiết khấu giấy tờ có giá.
- *Dịch vụ thanh toán trong nước.*
- *Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.*
- *Mua bán ngoại tệ.*
- *Thẻ.*
- *Dịch vụ ngân hàng điện tử:* gồm dịch vụ SMS Banking và dịch vụ Agribank eBanking.
- *Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ.*
- *Dịch vụ liên kết khác.*

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

❖ **Vị thế Tổ Chức Phát Hành trong ngành**

Xét về quy mô, Agribank là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ ba trong số các NHTM tại Việt Nam. Tính đến 31/03/2025, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.294.452 tỷ đồng.

Xét về kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 3 tháng đầu năm 2025 đạt 7.055 tỷ đồng, Agribank đứng vị trí thứ hai trong ngành ngân hàng.

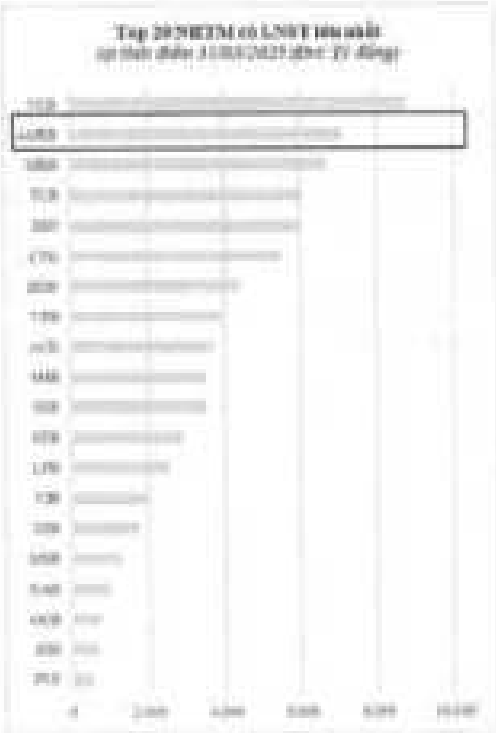

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất Quý I/2025 của các NHTM)

❖ **So sánh một số chỉ tiêu tài chính của Agribank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 31/03/2025)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	AGRB	VCB	BID	CTG	TCB	MBB
Vốn điều lệ	51.639	83.557	70.214	53.700	70.649	61.023
Vốn chủ sở hữu	129.430	204.942	155.906	153.982	153.953	123.677
Tổng tài sản	2.294.452	2.109.261	2.856.111	2.469.863	989.216	1.156.917
Tiền gửi của khách hàng	1.958.939	1.509.113	1.976.946	1.621.227	531.583	722.622
Cho vay khách hàng	1.746.818	1.433.896	2.068.679	1.762.190	655.007	786.487
Thu nhập lãi thuần	17.999	13.687	13.946	15.475	8.305	11.692
Tổng thu nhập hoạt động	22.296	17.265	17.898	20.453	11.611	15.323
Lợi nhuận sau thuế	7.055	8.702	5.955	5.499	6.014	6.675

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất Quý I/2025 của các NHTM)

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (tại ngày 31/03/2025)	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
Agribank	1.781.417	1.958.939
Toàn hệ thống NHTM	16.229.931	14.621.852
Thị phần của Agribank	10,976%	13,397%

(Nguồn: NHNN & BCTC hợp nhất Quý I/2025 của Agribank)

Agribank hiện nay là NHTM có thị phần đứng thứ ba (nếu xét trên chỉ tiêu tổng tài sản). Tiền gửi của khách hàng của Agribank chiếm 13,397% và dư nợ cho vay chiếm 10,976%.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, Agribank đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN và xu thế của các NHTM trong nước và trên thế giới, cụ thể Agribank đang thực hiện Phương án triển khai tuân thủ yêu cầu về vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro,...

Liên quan đến dự án công nghệ thông tin (CNTT), quản trị rủi ro công nghệ thông tin, tại Đề án chiến lược phát triển hệ thống CNTT giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 đã được

HĐTV phê duyệt, Agribank đã xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT phục vụ phát triển hoạt động kinh doanh của Agribank trong tương lai bao gồm 11 nhóm giải pháp, trong đó có các giải pháp trọng điểm sau:

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank	Thời gian phê duyệt dự án	Thời gian triển khai dự án
Công nghệ thông tin	Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (Enterprise Data Warehouse and Business Intelligent).	Hệ thống Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDW&BI) phục vụ phân tích khách hàng, sản phẩm và lợi nhuận. Đáp ứng các yêu cầu luật định, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh và các yêu cầu phát triển kinh doanh. Cung cấp các báo cáo phân tích nâng cao cho lãnh đạo.	Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDW&BI) (Nghị quyết số 56/NQ-HĐTV và Quyết định số 315/QĐ-HĐTV-CN ngày 15/4/2024.	- Kế hoạch triển khai Từ tháng 4/2024 đến tháng 12/2030. - Tiến độ triển khai: Ban triển khai dự án đang phối hợp với Bên tư vấn tổng hợp và hoàn thiện các nội dung khảo sát, đồng thời phối hợp với nhà thầu xây dựng Báo cáo kết quả khảo sát, và dự thảo Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
	Nghiên cứu, xây dựng phương án, giải pháp và lộ trình thay thế hệ thống IPCAS, các giải pháp liên quan đến hệ thống Corebanking theo yêu cầu về mô hình, nghiệp vụ ngân hàng hiện đại.	Corebanking là một hệ thống nền tảng xử lý các giao dịch ngân hàng hàng ngày, hạch toán giao dịch đến các tài khoản và hồ sơ tài chính liên quan. Agribank xác định Corebanking là giải pháp hạt nhân, đầu não chính trong toàn bộ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của Agribank. Corebanking lấy trải nghiệm người dùng làm trọng tâm để tự động hóa xử lý các quy trình nghiệp vụ lõi của Agribank, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng số, qua đó gia tăng trải nghiệm người dùng, chủ động quản lý rủi ro và hỗ trợ Agribank phát triển bền vững.	Hội đồng thành viên đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ số 180/NQ-HĐTV và Quyết định số 750/QĐ-HĐTV-CN ngày 04/10/2023.	- Kế hoạch triển khai từ 07/2023-12/2027. - Tiến độ triển khai: Tổng Giám đốc đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi tại QĐ số 1066/QĐ-NHNo-CN ngày 26/4/2024. Ban Dự án phối hợp với Ban Công nghệ thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.
	Giải pháp biểu mẫu thông minh	Giải pháp biểu mẫu thông minh (Smart Form) là ứng dụng hỗ trợ số hóa nghiệp vụ kênh giao dịch tại quầy để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng trong cùng một thời điểm, qua đó giúp Ngân hàng phục vụ khách hàng nhanh hơn, nhiều hơn, giảm thiểu các bước làm thủ công. Smart Form giúp giao dịch viên giảm thời gian giao dịch, đẩy mạnh việc bán sản phẩm dịch vụ theo gói và trang bị các thiết bị bổ trợ giúp tăng trải nghiệm khách hàng.	- Hội đồng thành viên đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ số 235/NQ-HĐTV và Quyết định số 1009/QĐ-HĐTV-CN ngày 19/12/2023. - Chủ đầu tư phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 1658/QĐ-NHNo-CN và Quyết định số 1659/QĐ-NHNo-CN ngày 04/07/2024.	- Kế hoạch triển khai: Từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2026 - Đến ngày 30/4/2025, Tổ triển khai và nghiệm thu phối hợp cùng đối tác xây dựng, báo cáo khảo sát, tài liệu URD. - Dự án đang đáp ứng đúng tiến độ trong Đề án chiến lược phát triển CNTT

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank	Thời gian phê duyệt dự án	Thời gian triển khai dự án
			- Quyết định số 192/QĐ-NHNo-CN ngày 24/01/2025 của Chủ đầu tư về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. - Hợp đồng Cung cấp và triển khai giải pháp số 01/2025/Agribank - Viettel ký ngày 27/02/2025. - Quyết định số 30/QĐ-NHNo-CDADC thành lập tổ triển khai và nghiệm thu ngày 10/03/2025.	
Quản lý rủi ro	Triển khai giải pháp quản lý rủi ro	Hiện đại hóa công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu chu việc triển khai quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, của Agribank và thông lệ quốc tế.	-HĐTV đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐTV ngày 21/02/2025 và Quyết định số 119/QĐ-HĐTV-CN ngày 21/02/2025	- Dự án Quản lý rủi ro tín dụng: + Kế hoạch triển khai: Từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2026. + Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp đang lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đồng thời tổ chức các buổi làm việc với các đơn vị tư vấn
			- Ngày 08/10/2024, HĐTV phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	- Dự án Quản lý rủi ro hoạt động: + Kế hoạch triển khai: Từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2027. + Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp đang xây dựng Báo cáo Khả thi và phối hợp với Ban Công nghệ thực hiện thẩm định.
			- Đang thuê tư vấn xây dựng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.	- Dự án quản lý các khoản tín dụng có vấn đề: + Kế hoạch triển khai: Từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2027. + Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp đã hoàn thiện dự thảo hợp đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung hợp đồng và ký kết.

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank	Thời gian phê duyệt dự án	Thời gian triển khai dự án
			- Ngày 30/8/2023, HĐTV phê duyệt triển khai giải pháp thành 02 giai đoạn.	- Giải pháp quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ (ICAAP): + Kế hoạch triển khai: Từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2027. + Tiến độ triển khai: Đã hoàn thành giai đoạn 1 của dự án.
			- Ngày 22/01/2025, Tổng giám đốc phê duyệt dự án và KHLCNT dự án Triển khai hệ thống phòng rửa tiền.	- Giải pháp phòng chống rửa tiền (AML) và quản lý rủi ro gian lận: + Kế hoạch triển khai: Từ tháng 04/2024 đến tháng 09/2026. + Tiến độ triển khai: Dự án đang trong giai đoạn Tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và triển khai hệ thống phòng chống rửa tiền.
Thẩm định và tín dụng	Giải pháp khởi tạo khoản vay (LOS)	Giải pháp Khởi tạo khoản vay (LOS) cung cấp chức năng quản lý công tác thẩm định và giải ngân khoản vay hiệu quả, minh bạch và nhanh chóng gồm các hạng mục: xử lý nghiệp vụ từ quy trình thẩm định tín dụng cho đến giải ngân và phạt chậm trả một cách tự động. Giải pháp cũng cung cấp một cơ sở dữ liệu lịch sử về thông tin tín dụng của từng khách hàng (gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp), nhằm tái sử dụng với các hồ sơ mới từ khách hàng. Giải pháp còn mở rộng chức năng ứng dụng ECM hiện có để số hóa các tài liệu liên quan đến LOS và tích hợp xuyên suốt với hệ thống BPM để kiểm soát luồng nghiệp vụ và đồng bộ dữ liệu.	Ngày 16/01/2025, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	- Kế hoạch triển khai: Từ tháng 4/2024 đến tháng 4/2027. - Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp đang xây dựng E-HSMT và chuẩn bị các thủ tục để tổ chức lựa chọn nhà thầu.
Tài chính kế toán	Giải pháp Báo cáo tài chính chuẩn IFRS	Giải pháp xây dựng báo cáo tài chính theo IFRS cung cấp công cụ quản lý nợ xấu, bao gồm hỗ trợ theo dõi quy trình thu hồi nợ, từ đó lập và xây dựng các báo cáo định kỳ nhằm đưa ra những thông tin có giá trị để phân loại nợ cũng như thiết kế các quy tắc/quy định kiểm soát nợ	Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 19/4/2023 của Hội đồng thành viên về việc xây dựng và triển khai phương án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế tại Agribank – Phần	- Kế hoạch triển khai: Từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2026. - Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp phối hợp cùng nhà thầu trúng thầu triển khai để thực hiện hợp đồng.

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank	Thời gian phê duyệt dự án	Thời gian triển khai dự án
		xấu và xử lý nợ xấu theo nhiều cấp độ. Giải pháp giúp tạo ra các nguồn thông tin tốt hơn để đưa ra các quyết định chiến lược kinh doanh, sản phẩm, giải ngân khoản vay, giám sát tín dụng và nhân lực.	giải pháp về nghiệp vụ, phương pháp luận.	

(Nguồn: Agribank)

8.6. Chiến lược kinh doanh

Tầm nhìn đến 2030: Tiếp tục giữ vị thế NHTM chủ lực tại Việt Nam, đạt các chuẩn mực quốc tế; có sức cạnh tranh, hoạt động hiệu quả cao; phát triển an toàn, ổn định và bền vững; củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, uy tín của Agribank trên thị trường trong nước và quốc tế.

Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực, hỗ trợ tối đa, quyết tâm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh doanh được NHNN giao, các mục tiêu, chỉ tiêu của Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ Agribank lần thứ X, nhiệm kỳ 2020-2025 và Đề án chiến lược phát triển Agribank đến năm 2025; định hướng đến năm 2030, tạo tiền đề phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo phấn đấu nằm trong top 100 các ngân hàng lớn mạnh nhất khu vực Châu Á. Rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống văn bản định chế đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và tuân thủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn. Tiếp tục tập trung kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh; đẩy mạnh xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ có vấn đề để giảm tỷ lệ nợ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn nợ xấu. Tiếp tục triển khai, phát huy hiệu quả công tác cơ cấu, sắp xếp mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng tối ưu hóa mạng lưới hiện hữu, phù hợp với Thông tư số 32/2024/TT-NHNN nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đặc biệt trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong các nghiệp vụ, lĩnh vực hoạt động. Phát huy hiệu quả công tác điều hành, quản lý cân đối vốn thông qua cơ chế kế hoạch, công cụ điều chuyển vốn nội bộ (FTP) nhằm tối ưu sử dụng vốn, tăng năng lực tài chính và tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động. Triển khai quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động, đặc biệt trong thực thi các nghiệp vụ do quy trình nội bộ, phối hợp giữa các đơn vị, bộ máy. Triển khai có hiệu quả hơn nữa các biện pháp để nâng cao kỷ cương, kỷ luật điều hành trên tinh thần "thượng tôn pháp luật", kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động.

Định hướng năm 2025

Năm 2025 là năm cuối cùng, có ý nghĩa quyết định thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Agribank lần thứ X, nhiệm kỳ 2020-2025 và Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Với quyết tâm "nỗ lực tăng tốc, về đích thành công", Agribank tiếp tục tập trung triển khai 06 trọng tâm hoạt động như sau:

- Tăng trưởng tín dụng gắn với kiểm soát chất lượng tín dụng: Cơ cấu cấp tín dụng tiếp tục chuyển dịch phù hợp theo hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả; giảm tỷ trọng cho vay ngắn hạn, tăng tỷ trọng cho vay trung dài hạn, tập trung vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, tài trợ cho các dự án xanh, kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ, NHNN.
- Tối ưu hóa mạng lưới hoạt động: Tiếp tục triển khai, phát huy hiệu quả công tác cơ cấu, sắp xếp mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng tối ưu hóa mạng lưới hiện hữu, phù hợp với Thông tư số 32/2024/TT-NHNN, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đặc biệt trên 02 địa bàn TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.
- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong các nghiệp vụ, lĩnh vực hoạt động.
- Cân đối vốn an toàn, hiệu quả: Phát huy hiệu quả công tác điều hành, quản lý cân đối vốn thông qua cơ chế kế hoạch, cơ chế quản lý vốn nội bộ, công cụ FTP nhằm tối ưu sử dụng vốn, tăng năng lực tài chính và tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động.
- Tiết kiệm, chống lãng phí: Triển khai quyết liệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động, đặc biệt lãng phí trong thực thi các nghiệp vụ do quy trình nội bộ, phối hợp giữa các đơn vị, bộ máy.
- Nâng cao kỷ cương, kỷ luật điều hành: Triển khai có hiệu quả các biện pháp về hoạt động kiểm tra, giám sát và các biện pháp khác để nâng cao kỷ cương, kỷ luật điều hành trên tinh thần "thượng tôn pháp luật", kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động.

Nguồn vốn và nguồn lực

Để thực hiện hiệu quả định hướng và kế hoạch kinh doanh, Agribank chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, trong đó tập trung vào 10 giải pháp trọng tâm, bao gồm:

- Tập trung cơ cấu lại hoạt động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu của Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.
- Điều hành cân đối vốn an toàn, hiệu quả, thúc đẩy hoạt động kinh doanh trên cơ sở điều hành Bảng cân đối tài sản mục tiêu, giao và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, các công cụ về lãi suất, FTP.

- Tăng trưởng quy mô tín dụng bền vững; cơ cấu lại danh mục tín dụng, phát triển khách hàng tiềm năng gắn với đặc thù kinh tế - xã hội từng địa phương.
- Tập trung kiểm soát chất lượng tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu nội bảng, thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro.
- Nhất quán phương châm "lấy khách hàng làm trung tâm", phát triển đa dạng, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tối ưu hóa chi phí, thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm khách hàng, bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ.
- Tiếp tục hoàn thiện phương thức quản trị điều hành , mô hình, công cụ quản trị rủi ro theo hướng hiện đại, tiên tiến, từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng các chuẩn mực theo Basel II và tiến tới triển khai Basel III.
- Tăng tốc triển khai các giải pháp phát triển CNTT, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.
- Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu Agribank đến năm 2030 gắn với văn hóa doanh nghiệp; Triển khai áp dụng toàn diện Bộ tiêu chuẩn ESG, định hướng phát triển bền vững.
- Triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động, tạo dư địa giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN.
- Tập trung cơ cấu, sắp xếp lại mạng lưới hoạt động theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; Nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

9. Thông tin về cổ đông lớn, chủ sở hữu công ty, thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Tên thành viên	NHNN
Năm thành lập	1951
Số GCNĐKKD hoặc mã số giao dịch	15/SL
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Vốn điều lệ/Vốn cổ phần	Không có (vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước)
Người đại diện theo pháp luật hoặc tương đương	Bà Nguyễn Thị Hồng Thống đốc NHNN Việt Nam
Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành	Hội đồng thành viên Agribank
Tỷ lệ vốn điều lệ nắm giữ	100% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với Agribank	Không

10. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

10.1. Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Tô Huy Vũ	Chủ tịch HĐTV
• Ông Phạm Toàn Vượng	Thành viên HĐTV kiêm Tổng Giám đốc
• Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐTV
• Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐTV
• Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên HĐTV
• Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐTV
• Ông Lê Xuân Trung	Thành viên HĐTV
• Bà Tô Thị Kim Thanh	Thành viên HĐTV
• Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên HĐTV

➢ **Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Tô Huy Vũ**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/6/1980

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001080044373, Ngày cấp: 09/12/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 4/2003 - 9/2003	Chuyên viên Vụ xuất nhập khẩu, Bộ Thương mại
Từ 9/2003 - 12/2010	Đào tạo tại Pháp
Từ 7/2011 - 5/2012	Trưởng phòng Marketing, Công ty TNHH một thành viên Vietrans
Từ 6/2012 - 01/2013	Trưởng phòng, Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)
Từ 01/2013 - 5/2015	Phó Vụ trưởng, Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ, NHNN
Từ 5/2015 - 8/2017	Vụ trưởng, Bí thư Chi bộ Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ, NHNN

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 8/2017 - 3/2025	Vụ trưởng, Bí thư Chi bộ Vụ Hợp tác Quốc tế, NHNN
Từ 4/2025 - nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Bí thư Đảng ủy Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Chủ tịch HĐTV Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc Agribank**

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/5/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076006776, Ngày cấp: 31/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1999 - 2000	Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2000 - 2002	Chuyên viên Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2002 - 2004	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 2004 - 2005	Tổ phó phụ trách Tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh Quảng An

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2005 - 2006	Phó phòng phụ trách phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2006 - 2007	Trưởng phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2007 - 2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Hồng Hà
Từ 2008 - 2012	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 2013 - 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 06/2015 - 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 01/2017 - 2022	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
Từ 05/2021 – 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 10/2022 – 11/2022	Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban điều hành Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 12/2022 – 02/2023	Thành viên HĐTV - Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 02/2023 - nay	Thành viên HĐTV – Tổng Giám đốc Agribank
Từ 02/2025 - nay	Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐTV - Tổng Giám đốc Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Trần Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/12/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042066000202, Ngày cấp: 30/10/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 – 2001	Cán bộ Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2001 – 2004	Cán bộ Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2004 – 2005	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2005 – 2009	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2009 – 2014	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 01/2014 – 10/2014	Trưởng ban Thư ký HĐTV Agribank
Từ 10/2014 – 08/2022	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 01/09/2022 – nay	Thành viên HĐTV Agribank
Từ 05/09/2022 – nay	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐTV kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Tuyết Dương**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168002410, Ngày cấp: 10/3/2015, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư

trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1995 – 1997	Chuyên viên tập sự Vụ Pháp chế NHNN
Từ 1997 – 2003	Chuyên viên Vụ Pháp chế NHNN
Từ 2003 – 2005	Phó Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 2005 – 2008	Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 02/2008 – 12/2018	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 01/2019 – nay	Thành viên HĐTV Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐTV Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thảo**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 10/10/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037179001768, Ngày cấp: 10/10/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2001 – 2007	Cán bộ phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2007 – 2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Năm 2012	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2012 – 2013	Trưởng phòng Thẩm định Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2013 – 2016	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 09/2016 – 04/2019	Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 04/2019 – 08/2022	Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 01/9/2022 – nay	Thành viên HĐTV Agribank
Từ 05/09/2022 – nay	Thành viên HĐTV kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 03/2023 – nay	Thành viên HĐTV, Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐTV Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Minh Phương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025068000023, Ngày cấp: 26/12/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 – 1996	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 – 1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ
Từ 1998 – 2001	Chuyên viên Ban Hạch toán kinh doanh Agribank
Từ 2001 – 2002	Phó Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2002 – 2003	Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2003 - 2003	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2004 - 2014	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 10/2014 – 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 01/2015 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)
Từ 11/2018 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Thành viên Hội đồng quản trị ALCI
Từ 12/2022 – 10/2023	Thành viên HĐTV Agribank; Thành viên HĐQT ALCI
Từ 08/2023 – 10/2023	Thành viên HĐTV Agribank kiêm Thành viên HĐQT ALCI, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu Tư Agribank
Từ 11/2023 – 02/2024	Thành viên HĐTV Agribank, Thành viên phụ trách HĐQT ALCI.
Từ 08/2023 – nay	Thành viên HĐTV Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐTV Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Lê Xuân Trung**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/12/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001070001885, Ngày cấp: 20/7/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 - 1994	Cán bộ phòng Tín dụng Quốc doanh Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1994 - 1996	Cán bộ phòng Dự án lớn, Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1996 - 1998	Cán bộ phòng Tín dụng Nông nghiệp Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1998 - 2001	Cán bộ Tín dụng Doanh nghiệp Agribank
Từ 2001 - 2007	Cán bộ Ban Tín dụng Agribank
Từ 2007 - 2009	Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank
Từ 2009 - 2012	Phó Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị (nay là Ban Thư ký HĐTV) Agribank
Từ 2012 - 2014	Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp (sau là Ban Khách hàng doanh nghiệp) Agribank
Năm 2014	Quyền Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2014 - 2015	Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2016 - 2017	Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 2017 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 04/2018 - 06/2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 6/2021 - 3/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank, kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ
Từ 3/2022 - 5/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 01/12/2022 - nay	Thành viên HĐTV Agribank
Từ 01/6/2023 - nay	Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐTV Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Từ Thị Kim Thanh**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/11/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001172008280, Ngày cấp: 04/7/2016, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 5/1995 - 10/1998	Chuyên viên Vụ Quản lý các Tổ chức tín dụng hợp tác
Từ 10/1998 - 6/2005	Chuyên viên Văn phòng NHNN
Từ 6/2005 - 9/2008	Phó Trưởng phòng Tổng hợp – Văn phòng NHNN
Từ 9/2008 - 11/2011	Trưởng phòng Tổng hợp thuộc Văn phòng NHNN
Từ 11/2011 - 11/2022	Phó Chánh văn phòng NHNN
Từ ngày 01/12/2022 - nay	Thành viên HĐTV Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐTV Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Phạm Đức Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/7/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036069000002, Ngày cấp: 12/10/2012, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1992 – 1994	Cán bộ phòng Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 1994 – 1999	Cán bộ Sở kinh doanh hối đoái Agribank
Từ 1999 – 2004	Trưởng phòng SWIFT Sở giao dịch hối đoái (Sở giao dịch) Agribank
Từ 2004 - 2005	Trưởng phòng SWIFT Sở Quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ Agribank
Từ 2005 – 2007	Trưởng phòng Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ Agribank
Năm 2007	Cán bộ phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank.
Từ 2007 – 2008	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2008 – 2009	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2009 – 2013	Trưởng phòng, Trưởng ban Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2013 – 2015	Trưởng ban Kế hoạch nguồn vốn Agribank
Năm 2015	Trưởng ban Định chế tài chính Agribank
Từ 2015 - 2016	Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 2016 - 2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự

	Agribank
Từ 03/2017 – 05/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 12/2019 - 6/2024	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)
Từ 06/2020 – 12/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)
Từ 12/2022 – 08/2023	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 08/2023 - nay	Thành viên HĐTV Agribank
Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐTV Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

10.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Trần Trọng Dưỡng	Trưởng Ban kiểm soát
• Ông Nguyễn Xuân Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Phạm Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Lê Văn Đề	Thành viên Ban kiểm soát
• Bà Thái Thị An Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Lê Mạnh Thắng	Thành viên Ban kiểm soát

➢ **Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Trần Trọng Dưỡng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037064006839, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 – 1987	Cán bộ Kế hoạch Chi nhánh NHNN huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1988 – 1990	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1990 – 1992	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1993 – 1995	Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Khu vực Bình Minh, Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Năm 1996	Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng phục vụ người nghèo Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải
Năm 1997	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 1997 – 2001	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2001 – 2008	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2008 – 2011	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 2011 – 2012	Phó Giám đốc Phụ trách Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 2012 – 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 10/2015 – 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2017 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Trưởng Ban Kiểm soát Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Xuân Hùng**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 11/10/1974
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024074000385, Ngày cấp: 24/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nơi sinh: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/1998 - 2001	Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2001 - 2003	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2005 - 10/2006	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 10/2006 - 9/2015	Cán bộ Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ
Từ 10/2015 - 7/2017	Cán bộ Ban thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo xử lý nợ Agribank
Từ 8/2017 - 11/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 11/2019 - 3/2020	Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 3/2020 - 11/2022	Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 01/12/2022 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Phạm Văn Minh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/5/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001074005535, Ngày cấp: 25/04/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 12/1995 - 02/1996	Học nghề tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Từ 02/1996 - 8/1999	Nhân viên Phòng Bảo lãnh Hội sở chính BIDV
Từ 8/1999 - 4/2004	Nhân viên khai thác bảo hiểm Công ty liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc
Từ 4/2004 - 8/2004	Nhân viên phòng Tín dụng 3, Ban tín dụng Hội sở chính BIDV
Từ 8/2004 - 11/2005	Nhân viên phòng phát triển sản phẩm, Ban Dịch vụ Hội sở chính BIDV, được bổ nhiệm làm Phó Trưởng phòng tháng 01/2005
Từ 11/2005 - 01/2006	Thành viên tổ công tác của BIDV đàm phán mua lại phần góp vốn của Tập đoàn bảo hiểm và tái bảo hiểm QBE trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc
Từ 01/2006 - 11/2006	Trưởng phòng giải quyết khiếu nại Công ty Bảo hiểm BIDV
Từ 11/2006 - 9/2009	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Hội sở chính NH Liên doanh Việt Nga
Từ 9/2009 - 10/2015	Phó giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch Ngân hàng Liên doanh Việt Nga

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/2015 - 8/2016	Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch Ngân hàng Liên doanh Việt Nga
Từ 8/2016 - 8/2018	Phó Trưởng ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank nay là Ban Kế hoạch chiến lược
Từ 8/2018 - 10/2019	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách
Từ 10/2019 - 6/2020	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách được trưng tập tham gia lãnh đạo Ban Thư ký Hội đồng thành viên
Từ 6/2020 - 10/2024	Trưởng ban Thư ký Hội đồng thành viên, Bí thư Chi bộ Ban Thư ký Hội đồng thành viên
Từ 10/2024 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Lê Văn Đề**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/3/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 010066002937, Ngày cấp: 22/02/2025, Nơi cấp: Bộ Công an

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Lào Cai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 8/1992 - 2/1997	Chuyên viên Phòng Tiền tệ - Kho quỹ và Quản lý ngoại hối Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 3/1997 - 2/1999	Chuyên viên phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 3/1999 - 12/2002	Chuyên viên Thanh tra NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 01/2003 - 01/2006	Phó Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 02/2006 - 9/2008	Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 10/2008 - 10/2017	Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 10/2017 - 8/2022	Phó giám đốc NHNN
Từ 9/2022 - 02/2025	Phó Vụ trưởng Kiểm toán nội bộ NHNN
Từ 3/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Thái Thị An Hoa**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001172045716, Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát và quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 5/1996 - 11/1999	Chuyên viên phòng Thanh tra các Tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh
Từ 12/1999 - 2/2001	Thanh tra viên phòng Thanh tra các Tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh
Từ 3/2001 - 01/2008	Thanh tra viên Văn phòng Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)
Từ 02/2008 - 01/2009	Phó Chánh Văn phòng Thanh tra NHNN
Từ 02/2009 - 8/2009	Phó Trưởng phòng tổng hợp và điều tra thống kê, Vụ Dự báo thống kê tiền tệ NHNN
Từ 8/2009 - 02/2012	Trưởng phòng Tổng hợp và điều tra thống kê, Vụ Dự báo thống kê tiền tệ NHNN
Từ 3/2012 - 11/2015	Trưởng phòng Tổng hợp Vụ Dự báo, thống kê NHNN
Từ 12/2015 - 4/2025	Phó Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê NHNN
Từ 4/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Lê Mạnh Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/10/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019076000331 , Ngày cấp: 26/05/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 9/1998 - 01/2002	Nhân viên, Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty Kiểm toán Việt Nam
Từ 3/2002 - 6/2003	Cán bộ phân tích dự án Công ty Dragon Capital - VP Hà Nội
Từ 12/2003 - 5/2005	Chuyên gia Tư vấn tài chính dự án, Công ty Chứng khoán Mekong
Từ 12/2005 - 12/2006	Chuyên gia Tư vấn quản lý dự án, Trung tâm Truyền máu khu vực - Bộ Y tế và Ngân hàng Thế giới
Từ 12/2006 - 8/2010	Chuyên gia Tư vấn, kiểm toán độc lập, Công ty TNHH Tư vấn Chuyên nghiệp
Từ 8/2010 - 7/2015	Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
Từ 7/2015 - 4/2025	Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu
Từ 4/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

10.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Phạm Toàn Vượng	Tổng Giám đốc
• Ông Vương Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Hoàng Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Lê Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
• Bà Phùng Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Đoàn Ngọc Lưu	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Đỗ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Phạm Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán trưởng

➢ **Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Đã trình bày tại Khoản 10.1 Mục IV.

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Vương Hồng Lĩnh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/05/1973

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040073019999, Ngày cấp: 29/9/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
09/2001 -03/2002	Cán bộ kế toán Agribank Chi nhánh Thống Nhất trực thuộc Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk
03/2002 - 09/2002	Cán bộ tín dụng Phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk
10/2002 - 02/2004	Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, Đắk Lắk
02/2004 - 06/2004	Kiểm tra viên, Phòng Kiểm tra, Kiểm toán - Nội bộ Agribank Tỉnh Đắk Lắk
06/2004 - 09/2004	Cán bộ tín dụng Phòng tín dụng Thanh toán Quốc tế Agribank Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk
09/2004 - 02/2005	Cán bộ tín dụng Agribank chi nhánh Hòa Thuận, tỉnh Đắk Lắk
03/2005 - 03/2006	Tổ Trưởng tín dụng Agribank chi nhánh Hòa Thuận, tỉnh Đắk Lắk
04/2006 - 08/2008	Giám đốc chi nhánh Cấp 3 Agribank chi nhánh EaRal, EaH'Leo, Đắk Lắk
09/2008 - 08/2009	Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank chi nhánh EaRal, Đắk Lắk
08/2009 - 06/2013	Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank chi nhánh EaKPam, Đắk Lắk
06/2013 - 06/2016	Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank chi nhánh huyện Cư M'Gar, Đắk Lắk
06/2016 - 12/2016	Giám đốc Agribank chi nhánh 6 phụ thuộc Agribank CN Hùng Vương, Tp. Hồ Chí Minh
01/2017 - 05/2017	Phó Giám đốc Agribank chi nhánh Bắc Đắk Lắk
06/2017 - 06/2017	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
Từ 7/2017 - 8/2024	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
Từ 8/2024 - 11/2024	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
Từ 8/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt

Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Hoàng Minh Ngọc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/04/1977.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042077000267, ngày cấp: 17/8/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH.

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 01/2001 – 02/2004	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai
Từ 02/2004 – 5/2005	Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2005 – 4/2008	Trưởng phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2008 – 10/2010	Giám đốc Phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 10/2010 – 4/2013	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2013 – 4/2014	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2014 – 6/2014	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 6/2014 – 4/2023	Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 4/2023 - 11/2023	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 11/2023 – 6/2024	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 11/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Lê Hồng Phúc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1976.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030076006999, ngày cấp: 12/4/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH.

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Hải Dương.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ.

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 11/1998 – 12/1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 01/1999 – 10/2001	Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 10/2001 – 4/2003	Phó Trưởng phòng Tín dụng thuộc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 5/2003 – 4/2005	Giám đốc Phòng giao dịch Ngũ Hành thuộc Agribank Chi nhánh Thanh Miện Hải Dương
Từ 4/2005 – 02/2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 02/2008 – 11/2009	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 12/2009 – 3/2010	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương
Từ 4/2010 – 10/2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương
Từ 11/2015 – 9/2017	Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/2017 – 12/2018	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hải Dương II
Từ 01/2019 – 4/2023	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Hải Dương
Từ 4/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phùng Thị Bình**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/03/1977.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036177011959, ngày cấp: 29/7/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Nam Định.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ.

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 12/1998 – 3/2000	Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Nam Sài Gòn
Từ 3/2000 – 6/2005	Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 6/2005 – 3/2013	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 3/2013 – 10/2014	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 10/2014 – 12/2015	Phó Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 01/2016 – 01/2016	Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 02/2016 – 02/2017	Phó Trưởng ban Tín dụng Agribank
Từ 3/2017 – 8/2017	Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 8/2017 – 02/2018	Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 3/2018 – 9/2019	Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 10/2019 – 8/2021	Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro Agribank
Từ 8/2021 – 4/2023	Trưởng ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng Agribank
Từ 4/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Văn Dự**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001064012222, Ngày cấp: 21/08/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 - 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Mỹ Đức, Hà Tây
Từ 1992 - 1994	Cán bộ Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1994 - 1994	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1994 - 1998	Trưởng phòng Điện toán Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1998 - 2003	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 02/2004 - 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 08/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Quang Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1967

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027067011597, Ngày cấp: 01/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 – 1988	Cán bộ NHNN Chi nhánh huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc
Từ 1988 – 1991	Nhập ngũ tham gia quân đội tại E445 – Quân khu I
Từ 1991 – 1993	Cán bộ Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Từ 1993 – 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chinh nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Từ 1996 – 1997	Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Năm 1997	Cán bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 1997 – 2003	Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 07/2003 – 09/2010	Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 10/2010 – 12/2013	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 01/2014 – 08/2022	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 09/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 09/2022 – 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Ninh
Từ 02/2023 – 02/2025	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đoàn Ngọc Lưu**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/8/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076009576, Ngày cấp: 23/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
09/1998 - 04/2004	Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính - Công ty TNHH kiểm toán Việt Nam VACO (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam)
04/2004 - 04/2008	Giảng viên Khoa kế toán - Học viện Tài chính
05/2008 - 05/2009	Phó Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
06/2009 - 09/2013	Thành viên Ban kiểm soát PVFC, Trưởng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
10/2013 - 06/2016	Trưởng kiểm toán nội bộ PvcomBank
07/2016 - 06/2017	Phó Trưởng kiểm toán nội bộ, Agribank
12/2016 - 06/2017	Tham gia Lãnh đạo Ban Kế hoạch - Nguồn vốn, Agribank
06/2017 - 05/2018	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định
06/2018 - 05/2020	Trưởng Ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank
06/2020 - 02/2022	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thăng Long
03/2022 - 01/2024	Phó Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ, Ngân hàng Nhà nước
02/2024 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng

đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đỗ Đức Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/12/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001078043291, Ngày cấp: 06/08/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 11/2001 - 5/2004	Cán bộ tín dụng, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây
Từ 6/2004 - 6/2006	Cán bộ thẩm định, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây
Từ 7/2006 - 6/2007	Tổ phó phụ trách Tổ nghiệp vụ Thẻ, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây
Từ 7/2007 - 01/2008	Tổ phó Tổ nghiệp vụ Thẻ, Agribank tỉnh Hà Tây
Từ 02/2008 - 02/2009	Phó Trưởng phòng Dịch vụ và Marketing Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 3/2009 - 12/2010	Phó Trưởng phòng Tín dụng, Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 01/2011 - 9/2011	Phó giám đốc NHNo Loại 3 Xuân Mai Hà Tây
Từ 10/2011 - 8/2012	Phó Trưởng phòng Tín dụng, phụ trách bộ phận Thẩm định Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 12/2012 - 4/2014	Trưởng phòng Thẩm định, Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 5/2014 - 8/2017	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 8/2017 - 11/2017	Phó giám đốc phụ trách điều hành Agribank Chi nhánh Hà Tây

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 11/2017 - 5/2020	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 01/6/2020 - 10/2024	Trưởng Ban Tổ chức nhân sự
Từ 10/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Ban Tổ chức nhân sự

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Tổ chức nhân sự
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➢ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Chí Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1985

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034085011999, Ngày cấp: 26/06/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 8/2008 - 10/2010	Kỹ sư xây dựng làm doanh nghiệp tư nhân
Từ 01/2011 - 9/2016	Nhân viên ban Xây dựng và Quản lý tài sản Agribank (Ban

	Quản lý đầu tư nội ngành)
Từ 10/2016 - 11/2017	Phó Trưởng ban Xây dựng và Quản lý tài sản Agribank
Từ 11/2017 - 5/2020	Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Agribank Bí thư Chi bộ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Agribank
Từ 6/2020 - 10/2024	Chánh Văn phòng TSC Bí thư Chi bộ Văn phòng TSC
Từ 11/2023 - 10/2024	Kiêm Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TSC
Từ 10/2024 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

10.3.1. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Phùng Văn Hưng Quang**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/02/1965

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026065003963, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 - 1992	Nhân viên Agribank Chi nhánh Đoan Hùng, Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1992 - 1993	Nhân viên phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1993 - 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 - 2000	Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc
Từ 2001 - 2002	Trưởng phòng Kế toán Sở giao dịch Agribank
Từ 2002 - 2005	Phó ban Tài chính Kế toán Agribank
Từ 2005 - 2007	Phó ban Tín dụng doanh nghiệp Nhỏ và vừa Agribank
Từ 2007 - 2009	Trưởng ban Quản lý dự án cổ phần hóa Agribank
Từ 2009 - 2014	Trưởng ban Thống kê và dự báo kinh tế Agribank
Năm 2014	Trưởng ban Tài chính kế toán và ngân quỹ Agribank
Từ 10/2014 - 04/2021	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán Agribank
Từ 04/2021 - Nay	Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Kế toán trưởng Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

Do là ngân hàng có 100% vốn của Nhà nước nên chính sách lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank được quyết định bởi NHNN. Agribank hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên nên không có chính sách trả cổ tức.

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trái Phiếu do Agribank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2022 đến năm 2024) và đến thời điểm hiện tại đều đã được Agribank thanh toán đầy đủ và đúng hạn trả gốc và lãi Trái Phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các Trái Phiếu.

Tình hình thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
Dư nợ gốc đầu kỳ	**28.553.877**	**40.984.877**	**50.928.877**	**54.791.204**
Phát hành thêm trong kỳ	12.431.000	10.000.000	10.000.000	-
Trả gốc trong kỳ	-	56.000	6.137.673	-
Dư nợ cuối kỳ	**40.984.877**	**50.928.877**	**54.791.204**	**54.791.204**
Trả lãi trong kỳ	1.883.346	3.298.562	3.045.569	74.547

(Nguồn: Agribank)

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái Phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến hết ngày 31/03/2025, tổng số dư giá trị Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 54.791.204 triệu đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái Phiếu phát hành ra công chúng: 40.349.004 triệu đồng, chiếm 73,641% tổng số dư giá trị Trái Phiếu đã phát hành;
- Trái Phiếu phát hành riêng lẻ: 14.442.200 triệu đồng, chiếm 26,359 % tổng số dư giá trị Trái Phiếu đã phát hành.

Đối với các Trái Phiếu khác chưa đáo hạn ngoài Trái Phiếu trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

13.2. Hình thức thuê và sử dụng đất

Agribank hiện có 2.223 chi nhánh và phòng giao dịch tại 63 tỉnh thành trên cả nước. Địa điểm giao dịch của các chi nhánh/phòng giao dịch là đất thuê hoặc đất được Nhà nước giao sở hữu.

Đối với địa điểm đặt Chi nhánh tại Campuchia, Agribank thực hiện thuê trụ sở để làm việc với thời hạn thuê là 3 năm, tiền thuê được chi nhánh trả 6 tháng/lần.

Trụ sở chính của Agribank đặt tại số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội và một số địa điểm khác trên địa bàn TP. Hà Nội được sử dụng làm văn phòng làm việc của một số Phòng, Ban là đất thuê trả tiền hàng năm.

Ngoài ra, Agribank còn thuê đất và/hoặc được giao đất để phục vụ nghỉ dưỡng/đào tạo cho cán bộ bao gồm: 15 Nhà nghỉ điều dưỡng; 01 Trung tâm đào tạo; 05 Nhà khách nội bộ kết hợp đào tạo, hội nghị.

Đối với phần đất thuê, Agribank thực hiện thanh toán tiền thuê đất theo quy định tại các Hợp đồng thuê đất và pháp luật có liên quan.

Giá trị quyền sử dụng đất của Agribank tính đến thời điểm 31/03/2025 như sau:

	Quyền sử dụng đất (Triệu đồng)	
	Công ty mẹ	Hợp nhất
Nguyên giá	**2.121**	**2.439**
Hao mòn lũy kế	259	317
Giá trị còn lại	**1.862**	**2.122**

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng Quý I/2025)

13.3. Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 31/03/2025 của Agribank như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục *Đơn vị: Tỷ đồng*	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2023 (*)	31/12/2024	31/03/2025	31/12/2023 (*)	31/12/2024	31/03/2025
Bảo lãnh vay vốn	31	132	125	31	132	125
Cam kết giao dịch hối đoái	257.037	386.575	474.892	257.037	386.575	474.892
- Cam kết mua ngoại tệ	*337*	*133*	*439*	*337*	*133*	*439*
- Cam kết bán ngoại tệ	*306*	*344*	*451*	*306*	*544*	*451*
- Cam kết giao dịch hoán đổi	*256.394*	*385.898*	*474.002*	*256.394*	*385.898*	*474.002*
Cam kết trong nghiệp vụ LC	3.467	2.837	3.833	3.467	2.837	3.833
Bảo lãnh khác	23.348	21.867	24.975	23.350	21.870	24.975
Cam kết khác	772	170	170	772	170	170
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	19.891	19.687	18.687	20.095	19.672	18.013

Khoản mục *Đơn vị: Tỷ đồng*	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2023 (*)	31/12/2024	31/03/2025	31/12/2023 (*)	31/12/2024	31/03/2025
Nợ khó đòi đã xử lý	205.226	235.402	251.334	203.196	233.672	249.707
Tài sản và chứng từ khác	5.946	4.496	1.864	1.798	1.966	1.864

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất và riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng, liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại Khoản 13 Mục IV nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản cáo bạch này, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	Năm 2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
Tổng tài sản	2.044.706	2.234.854	9,300%	2.294.451
Vốn chủ sở hữu	100.361	124.068	23,622%	129.429
Thu nhập lãi thuần	55.788	66.554	19,298%	17.999
Tổng thu nhập hoạt động	75.967	176.497	132,334%	22.296
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	45.040	54.233	20,411%	14.760
Lợi nhuận trước thuế	25.641	27.575	7,543%	8.818
Lợi nhuận sau thuế	20.521	22.067	7,534%	7.054
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	155	132	(14,839%)	47
Lợi nhuận thuần trong năm	20.366	21.935	7,704%	7.007
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	N/A	N/A	N/A	N/A

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	Năm 2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
Tổng tài sản	2.042.755	2.231.961	9,262%	2.292.050
Vốn chủ sở hữu	97.754	121.466	24,256%	126.713
Thu nhập lãi thuần	55.433	66.183	19,393%	17.922
Tổng thu nhập hoạt động	74.867	16.878	(77,456%)	22.004

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	Năm 2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	44.736	53.980	20,663%	14.606
Lợi nhuận trước thuế	25.305	27.307	7,911%	8.662
Lợi nhuận sau thuế	20.291	21.884	7,851%	6.930

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Theo BCTC hợp nhất, tổng tài sản năm 2024 tăng trưởng 9,300% so với năm 2023, đạt 2.234.854 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần trong năm 2024 đạt 21.935 tỷ đồng, tăng 1.569 tỷ đồng tương đương 7,704% so với năm 2023.

Kết thúc 3 tháng đầu năm 2025, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.294.451 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 7.007 tỷ đồng.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Cơ cấu Thu nhập lãi và các khoản tương tự

Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi tiền gửi	6.189	4,033%	6.334	4,516%	1.508	4,160%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	139.015	90,590%	126.696	90,322%	32.297	89,085%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	7.915	5,158%	6.916	4,930%	2.362	6,515%
Thu nhập từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	0,145	0,0001%	0,171	0,0001%	0,042	0,0001%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	331	0,216%	324	0,231%	86	0,237%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	4	0,003%	1	0,001%	1	0,003%
Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	**153.455**	**100%**	**140.271**	**100%**	**36.254**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Công ty mẹ)

Đơn vị : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi tiền gửi	6.123	3,996%	6.283	4,486%	1.506	4,160%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	138.876	90,623%	126.530	90,337%	32.255	89,095%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	7.915	5,165%	6.916	4,938%	2.355	6,505%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	331	0,216%	325	0,232%	86	0,238%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1	0,001%	10	0,007%	1	0,003%
Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	**153.246**	**100%**	**140.064**	**100%**	**36.203**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

b) Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	55.788	73,437%	66.554	76,945%	17.999	80,729%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.566	6,011%	5.026	5,811%	1.345	6,033%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.007	2,642%	4.538	5,246%	1.200	5,382%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	5	0,007%	15	0,017%	11	0,049%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.977	3,919%	(93)	(0,108%)	3	0,013%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi thuần từ hoạt động khác	10.534	13,867%	10.454	12,086%	1.737	7,791%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	90	0,118%	2	0,002%	1	0,003%
Tổng cộng	**75.967**	**100%**	**86.496**	**100%**	**22.296**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	55.433	74,042%	66.184	77,538%	17.922	81,449%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.727	4,978%	4.225	4,950%	1.148	5,217%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.007	2,681%	4.538	5,316%	1.200	5,454%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.965	3,960%	(134)	(0,157%)	-	-
Lãi thuần từ hoạt động khác	10.509	14,037%	10.342	12,116%	1.734	7,880%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	226	0,302%	202	0,237%	-	-
Tổng cộng	**74.867**	**100%**	**85.357**	**100%**	**22.004**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

c) **Cơ cấu Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	198	0,640%	229	0,710%	28	0,372%
Chi phí cho nhân viên	17.729	57,325%	18.581	57,592%	4.714	62,553%
Chi về tài sản	3.989	12,898%	4.316	13,378%	819	10,868%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	6.017	19,455%	5.758	17,847%	1.213	16,096%
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	2.088	6,751%	2.332	7,228%	597	7,922%
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(9)	(0,029%)	37	0,115%	0,043	0,001%
Chi phí hoạt động khác	915	2,959%	1.010	3,131%	165	2,189%
Tổng cộng	**30.927**	**100%**	**32.263**	**100%**	**7.536**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	156	0,518%	184	0,586%	17	0,230%
Chi phí cho nhân viên	17.331	57,517%	18.199	58,003%	4.624	62,503%
Chi về tài sản	3.970	13,175%	4.250	13,545%	800	10,814%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.649	18,748%	5.357	17,074%	1.170	15,815%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	2.109	6,999%	2.327	7,416%	597	8,070%
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	1	0,003%	49	0,156%	-	-
Chi phí hoạt động khác	916	3,040%	1.010	3,219%	190	2,568%
Tổng cộng	**30.132**	**100%**	**31.376**	**100%**	**7.398**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý 1/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

d) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn của TCTD	41.847	41,696%	52.217	42,087%	52.296	40,405%
- Vốn điều lệ	*41.269*	*41,121%*	*51.639*	*41,622%*	*51.639*	39,898%
- Vốn khác	*578*	*0,576%*	*578*	*0,466%*	*657*	0,508%
Quỹ của TCTD	42.872	42,718%	42.877	34,559%	42.735	33,018%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(5)	(0,004%)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	223	0,222%	223	0,180%	223	0,172%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14,071	14,020%	27.406	22,089%	32.780	25,327%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.348	1,343%	1.345	1,084%	1.400	1,082%
Tổng cộng	**100.361**	**100%**	**124.068**	**100%**	**129.429**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý 1/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn của TCTD	41.474	42,427%	51.844	42,682%	51.844	40,915%
- Vốn điều lệ	*41.269*	*42,217%*	*51.639*	*42,513%*	*51.639*	40,753%
- Vốn khác	*205*	*0,210%*	*205*	*0,169%*	*205*	0,162%
Quỹ của TCTD	42.401	43,375%	42.401	34,908%	42.401	33,462%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(5)	(0,004%)
Lợi nhuận chưa phân phối	13.879	14,198%	27.220	22,410%	32.473	25,627%
Tổng cộng	**97.754**	**100%**	**121.465**	**100%**	**126.713**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý I/ 2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

1.1.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với kết quả kinh doanh: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức phát hành

1.2.1. Những nhân tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Năm 2023, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, lạm phát ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, nợ công tăng mạnh, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; hoạt động xuất, nhập khẩu bị thu hẹp; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng gia tăng. Kinh tế - xã hội trong nước chịu tác động của các yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm; khả năng cạnh tranh, sức chống chịu của các doanh nghiệp còn hạn chế và bị bào mòn; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành Ngân hàng cũng như hoạt động kinh doanh của Agribank. Agribank đã phát huy sức mạnh toàn hệ thống, đoàn kết, nỗ lực tối đa, vượt qua khó khăn, tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt trong giai đoạn nửa cuối năm 2023. Đến 31/12/2023, vốn huy động (không gồm KBNN) đạt 1.885.384 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm năm 2022 và hoàn thành 145% so với kế hoạch đặt ra. Dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 1.550.333 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2022 đảm mức tăng tối đa 7,5% theo thông báo điều chỉnh của NHNN.

Sang năm 2024, Ngân hàng Nhà nước khá thành công trong kiểm soát lạm phát và tỷ giá. Tăng trưởng tín dụng và công tác điều hành tín dụng ngân hàng trong năm 2024 diễn ra trong bối

cảnh thuận lợi và thách thức đan xen. Các yếu tố tích cực đến từ xu hướng phục hồi của nền kinh tế với các động lực tăng trưởng chính như sản xuất công nghiệp, thu hút và giải ngân FDI, xuất khẩu, du lịch… đạt kết quả khá quan, lạm phát được kiểm soát phù hợp với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, Việt Nam có độ mở lớn nên gặp nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chưa bền vững, rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu, lãi suất USD giảm nhưng vẫn ở mức cao, đồng USD vẫn diễn biến phức tạp... Những khó khăn, thách thức này cộng hưởng với khó khăn, thách thức do thiên tai, bão lũ và các vấn đề còn tồn tại trước đó có tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng tới khả năng hấp thụ vốn tín dụng ngân hàng. Cuối năm 2024, vốn huy động đạt 2.030.067 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm năm 2023 và hoàn thành 144% so với kế hoạch đặt ra. Dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 1.721.209 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2023 đảm bảo mức tăng tối đa là 12%.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Nền kinh tế nước ta năm 2025 được dự báo duy trì đà tăng trưởng tích cực, có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm. Tình hình kinh tế trong nước và hoạt động ngân hàng thời gian tới dự báo còn nhiều khó khăn do sự bất định từ chính sách thuế quan của Mỹ, xung đột thương mại giữa các nước ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng tăng trưởng kinh tế. Ngày 10/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2025 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương. Theo đó, Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng cao gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; chủ động, linh hoạt, phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả với những vấn đề phát sinh, kiên định mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 từ 8% trở lên.

Đối với ngành Ngân hàng, Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương theo dõi chặt chẽ tình hình quốc tế, khu vực, việc thay đổi và điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn để điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; điều hành tỷ giá phù hợp với điều kiện thị trường, sẵn sàng can thiệp khi cần thiết nhằm ổn định thị trường ngoại tệ; tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các giải pháp phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với chi phí hợp lý, giá vốn rẻ; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng; đẩy mạnh cho vay ngắn hạn để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do chính sách thuế quan của Mỹ; nghiên cứu xây dựng gói tín dụng ưu đãi cho người dưới 35 tuổi mua nhà, gói tín dụng ưu đãi khoảng 500 nghìn tỷ đồng cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, công nghệ số vay dài hạn…

Năm 2025, Agribank quyết tâm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh doanh được NHNN giao, các chỉ tiêu, mục tiêu của Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Agribank lần thứ X, nhiệm kỳ 2020-2025 và Đề án

chiến lược phát triển Agribank đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ngay trong quý I/2025, toàn hệ thống đã kịp thời triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả. Agribank đang tiếp tục cung cấp đầy đủ các sản phẩm tín dụng tới tất cả đối tượng khách hàng. Thực hiện hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN, Agribank đã ban hành các cơ chế, chính sách, triển khai sớm 10 chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất với tổng quy mô khoảng 350.000 tỷ đồng nhằm tăng trưởng tín dụng ngay từ những tháng đầu, quý đầu. Bên cạnh đó, Agribank cũng luôn chú trọng công tác phát triển khách hàng, triển khai quyết liệt nhiều giải pháp về cơ cấu lại hoạt động như: sắp xếp tổ chức bộ máy, mạng lưới; xử lý, thu hồi nợ xấu; công tác tài chính; thúc đẩy chuyển đổi số...

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

a) Tình hình các tài sản có khác

Hiện nay, Agribank còn một số các khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư, cung cấp dịch vụ bảo hiểm, nộp thừa thuế thu nhập doanh nghiệp..., cụ thể như sau:

Các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
Các khoản phải thu	8.293	7.650	(7,754%)	10.826
Các khoản lãi, phí phải thu	13.500	12.938	(4,163%)	15.121
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2	3	25,000%	-
Tài sản Có khác	3.523	2.320	(34,147%)	2.716
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.756)	(815)	(53,588%)	(815)
Tổng cộng	**23.562**	**22.096**	**(6,224%)**	**27.848**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý I/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
Các khoản phải thu	7.622	6.887	(9,643%)	10.082
Các khoản lãi, phí phải thu	13.414	12.856	(4,160%)	15.021

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
Tài sản có khác	3.002	1.743	(41,939%)	2.137
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.296)	(371)	(71,373%)	(370)
Tổng cộng	**22.742**	**21.115**	**(7,154%)**	**26.870**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 & BCTC riêng Quý 1/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

b) Tình hình công nợ

Agribank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
Các khoản lãi, phí phải trả	39.837	30.269	(24,018%)	29.480
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả	6	3	(0,500)	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.286	15.606	(9,719%)	13.450
Tổng cộng	**57.129**	**45.878**	**(19,694%)**	**42.930**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 & BCTC hợp nhất Quý 1/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
Các khoản lãi, phí phải trả	39.869	30.100	(24,503%)	29.306
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2	4	0,80	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	14.768	12.831	(13,114%)	10.814
Tổng cộng	**54.639**	**42.935**	**(21,421%)**	**40.120**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý 1/2025)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

c) Trái Phiếu chưa đáo hạn

Tính đến hết ngày 31/05/2025, tổng dư nợ Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 54.791.204 triệu đồng theo mệnh giá, bao gồm cả Trái Phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành của Agribank đều là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

TT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu (%/năm)	Điều kiện quan trọng khác
I	**Trái Phiếu phát hành ra công chúng**							
1.	Agribank182801	25/12/2018	10 năm	1.000.000	3.961.937	Trái Phiếu tăng vốn	LSTC + 1,1%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 05 năm kể từ Ngày Phát Hành
2.	Agribank202703	24/12/2020	07 năm	1.000.000	4.617.921	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,5%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
3.	VBA121033	31/12/2021	07 năm	1.000.000	1.769.146	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,0% 02 năm sau: LSTC +1,2%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
4.	VBA122001	30/12/2022	08 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,6% 03 năm sau: LSTC + 3,1%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 03 năm kể từ Ngày Phát Hành
5.	VBA123036	05/12/2023	08 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn	LSTC + 2,0%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 03 năm kể từ Ngày Phát Hành
6.	VBA124019	14/08/2024	10 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC +2,0%, 05 năm sau: LSTC +3,0%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 05 năm kể từ Ngày Phát Hành
Tổng cộng					**40.349.004**			
II	**Trái Phiếu phát hành riêng lẻ**							

TT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu (%/năm)	Điều kiện quan trọng khác
1.	AGRIBANK BOND-15	02/12/2015	10 năm	1.000.000.000	4.350.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: 7,4% 05 năm sau: 7,9%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 05 năm kể từ Ngày Phát Hành. Theo NQ HĐTV số 02 ngày 05/01/2024, Agribank dự kiến mua lại theo thỏa thuận
2.	Agribank20270212	24/09/2020	07 năm	1.000.000.000	2.000.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,5%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
3.	Agribank2027021	30/10/2020	07 năm	500.000.000	76.500	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,5%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
4.	Agribank2027022	30/10/2020	07 năm	1.000.000.000	387.000	Trái Phiếu tăng vốn		
5.	Agribank2027041	15/12/2020	07 năm	500.000.000	117.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,5%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
6.	Agribank2027042	15/12/2020	07 năm	1.000.000.000	630.000	Trái Phiếu tăng vốn		
7.	VBA12101	04/08/2021	07 năm	500.000.000	300.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,5%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
8.	VBA12102	04/08/2021	07 năm	1.000.000.000	1.489.000	Trái Phiếu tăng vốn		
9.	VBA12127	30/08/2021	10 năm	100.000.000	1.200.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,0% 05 năm sau: LSTC + 1,2%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 05 năm kể từ Ngày Phát Hành
10.	VBA12103	28/10/2021	07 năm	100.000.000	1.000.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,0% 02 năm sau: LSTC + 1,2%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm trên 02 năm kể từ Ngày Phát Hành

TT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm loại Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu (%/năm)	Điều kiện quan trọng khác
11.	VBA12104	30/11/2021	07 năm	100.000.000	1.057.700	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,1% 02 năm sau: LSTC + 1,3%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
12.	VBA12105	22/12/2021	07 năm	100.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,1% 02 năm sau: LSTC + 1,3%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
13.	VBA12207	30/06/2022	10 năm	1.000.000.000	200.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,3% 05 năm sau: LSTC + 3,8%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành
14.	VBA12208	10/08/2022	10 năm	1.000.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,6% 05 năm sau: LSTC + 3,8%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành
15.	VBA12209	16/09/2022	10 năm	1.000.000.000	435.000	Trái Phiếu tăng vốn	05 năm đầu: LSTC + 1,6% 05 năm sau: LSTC + 3,8%	Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành
Tổng cộng					**14.442.200**			

(Nguồn: Agribank)

Đối với Trái Phiếu chưa đáo hạn nói trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được Agribank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số đã nộp trong kỳ		
	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
Thuế GTGT đầu ra	609	717	17,734%
Thuế TNDN hiện hành	3.082	6.628	115,055%
Các loại thuế khác	1.222	1.519	24,304%
Tổng cộng	**4.913**	**8.864**	**80,419%**

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024)

e) Trích lập các quỹ

Agribank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Agribank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2023) (*)	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2024)
Số dư đầu năm	**19.456**	**14.071**
Tăng trong năm	**20.366**	**21.935**
Lợi nhuận thuần trong năm	20.541	21.935
Điều chỉnh quỹ trong năm	(175)	-
Tăng khác	-	
Giảm trong năm	**(25.751)**	**(8.600)**
Công ty con tăng vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	(110)	-
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(11.748)	-
Trích quỹ của các công ty con	-	(4)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.530)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty con	-	(57)
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	(5)	(1)
Thoái vốn công ty con	-	-
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-
Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm	-	(7.092)

Chỉ tiêu	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2023) (*)	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2024)
Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm	(7.370)	-
Quyết toán khoản tạm chuyển lợi nhuận về NSNN năm trước	-	(1.411)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm của công ty con	-	4
Biến động khác	12	(40)
Số dư cuối năm	**14.071**	**27.406**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

f) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Triển vọng thị trường tài chính Việt Nam năm 2025 vẫn tích cực, song cũng đi kèm với không ít thách thức, đặc biệt là từ môi trường quốc tế nhiều bất định. Các chính sách mới về thương mại, thuế quan, đầu tư quốc tế và quan hệ đối ngoại từ chính quyền mới có thể tác động mạnh tới kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Riêng vấn đề thuế quan đối ứng giữa Việt Nam và Mỹ được xem là nhân tố then chốt ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế năm 2025. Các dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 mang lại cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam. Nhìn chung trong năm 2025, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định nhưng dưới mức trung bình dài hạn, lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, thương mại toàn cầu phục hồi, đồng USD có xu hướng tăng giá, thị trường chứng khoán toàn cầu hồi phục và xu hướng chính sách của các quốc gia có nhiều thay đổi. Việc điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ với chính sách vĩ mô khác, theo dõi sát diễn biến kinh tế, tài chính thế giới sẽ giúp Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội; đồng thời, ứng phó kịp thời với những biến động từ môi trường kinh tế quốc tế, bảo đảm phát triển và ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo đó, thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2025. Tại chỉ thị, Thống đốc NHNN yêu cầu các đơn vị thuộc NHNN và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nghiêm túc các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2025, góp phần ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Năm 2025, NHNN dự kiến tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát với mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16%.

Trong thời gian qua, Agribank đã chủ động, linh hoạt cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tập trung cho 3 động lực tăng trưởng chính là tiêu dùng, xuất khẩu, đầu tư và ưu tiên 5 lĩnh vực mũi nhọn bao gồm xuất khẩu, nông nghiệp, công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ.

Ngay từ những ngày đầu năm 2025, Agribank đã tung ra gói tín dụng ưu đãi khủng trị giá 110.000 tỷ đồng nhằm hỗ trợ khách hàng cá nhân. Bên cạnh chương trình vay ngắn hạn, Agribank còn dành 20.000 tỷ đồng cho các khoản vay trung và dài hạn, nhằm hỗ trợ khách hàng cá nhân thực hiện các kế hoạch đầu tư lớn hoặc mở rộng hoạt động kinh doanh lâu dài. Với mức lãi suất ưu đãi chỉ từ 6,0%/năm trong 6-12 tháng đầu, chương trình này giúp giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay cho khách hàng trong những giai đoạn đầu triển khai dự án. Với vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Agribank đã dành riêng 10.000 tỷ đồng triển khai chương trình cho vay "Tín dụng xanh" ưu đãi dành cho khách hàng cá nhân với sàn lãi suất cho vay chỉ từ 3,5%/năm. Chương trình khuyến khích và hỗ trợ khách hàng cá nhân thực hiện các dự án xanh và thân thiện môi trường như sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, công nghệ sạch. Đến ngày 31/3/2025, các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu của Agribank đạt kết quả tích cực. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế đạt gần 1,78 triệu tỷ đồng. Đây là năm có mức tăng trưởng dư nợ đột phá của Agribank so với cùng kỳ các năm gần đây. Tổng nợ xấu nội bảng giảm 1.107 tỷ đồng (tương đương 3,79%) so với đầu năm, 69/162 chi nhánh giảm nợ xấu, thu nợ sau xử lý rủi ro cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
1. Vốn tự có						
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	41.269	51.639	51.639	41.269	51.639	51.639
Vốn tự có (tỷ đồng)	147.002	174.088	179.627	144.355	171.273	176.829
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	9,2%	11,35%	11,29%	9,06%	11,19%	11,14%
2. Chất lượng tài sản						
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,98%	3,38%	3,36%	3,94%	4,62%	4,62%
Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng (Dư nợ cho vay khách hàng)	1,90%	1,69%	1,57%	1,90%	1,69%	1,57%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + Các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản	75,95%	77,11%	77,64%	75,93%	77,12%	77,62%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	97,55%	97,58%	97,49%	97,53%	97,56%	97,47%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh						

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	27,37%	24,57%	6,96%	27,77%	24,91%	6,98%
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	5,26%	5,83%	5,83%	4,04%	4,54%	4,54%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	17,81%	5,83%	5,83%	14,73%	15,47%	13,25%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	1,31%	1,29%	0,39%	1,29%	1,28%	0,38%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,90%	3,15%	0,80%	2,88%	3,14%	0,80%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,05%	1,03%	0,31%	1,04%	1,02%	0,31%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	21,91%	19,67%	5,57%	22,27%	19,97%	5,58%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
4. Khả năng thanh toán						
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân (*)	N/A	N/A	N/A	15,88%	15,8%	14,01%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (**)	N/A	N/A	N/A	16,35%	15,67%	14,78%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (**)	N/A	N/A	N/A	23,11%	21,37%	22,39%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (**)	N/A	N/A	N/A	82,38%	83,45%	83,93%

(*) Chỉ tiêu này được tính toán theo quy định của Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này chỉ tính toán dựa trên số liệu tài chính riêng, không tính toán dựa trên số liệu tài chính hợp nhất.

(**) Các chỉ tiêu được tính toán theo quy định của Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các chỉ tiêu này chỉ tính toán dựa trên số liệu tài chính riêng, không tính toán dựa trên số liệu tài chính hợp nhất.

(Nguồn: Agribank)

2.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có

3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023

3.1.1. Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023

Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023 số tham chiếu 23-02-00175-24-7 ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

3.1.2. Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2023

Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2023 số tham chiếu 23-02-00175-24-5 ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động riêng hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ riêng hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

3.2. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024

3.2.1. Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2024

Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2024 số tham chiếu 23-02-00175-25-16 ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

3.2.2. Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2024

Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2024 số tham chiếu 23-02-00175-25-15 ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"*.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Agribank đã có kết quả xếp hạng tín nhiệm.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

5.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

- Tổng tài sản: Tăng 7% - 10%, phù hợp với tăng trưởng huy động vốn.
- Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư: Tăng từ 7% - 10%, điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng tín dụng.
- Dư nợ tín dụng: Tăng tối đa 12,95% và thực hiện theo thông báo của NHNN (nếu có).
- Tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn: phấn đấu khoảng 65%.
- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng nợ: < 1,5%.
- Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn: < 1,3%.
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng: 20.836 tỷ đồng.
- Thu dịch vụ (không bao gồm thu ròng kinh doanh ngoại tệ của Trung tâm kinh doanh Vốn và tiền tệ): tối thiểu 9.000 tỷ đồng.
- Thu nợ đã xử lý rủi ro: tối thiểu 12.000 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 28.688 tỷ đồng và được điều chỉnh theo ý kiến của NHNN sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tối thiểu 18%.
- Tổng thu nhập: tối thiểu 160.000 tỷ đồng.

- Nâng cao thu nhập người lao động phù hợp với quy định của NHNN.
- Các tỷ lệ an toàn hoạt động: đảm bảo theo quy định.

Chỉ tiêu kế hoạch nêu trên được phê duyệt tại nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 06/01/2024 của HĐTV Agribank về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2025 và Văn bản số 3008/NHNN-TCKT ngày 22/4/2025 của Ngân hàng Nhà nước về kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Agribank.

5.2. Các giải pháp chủ yếu

Để thực hiện hiệu quả định hướng và kế hoạch kinh doanh, Agribank chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, trọng đó tập trung vào 10 giải pháp trọng tâm, bao gồm:

a) Tập trung cơ cấu lại hoạt động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu của Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.

b) Điều hành cân đối vốn an toàn, hiệu quả, thúc đẩy hoạt động kinh doanh trên cơ sở điều hành Bảng cân đối tài sản mục tiêu, giao và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, các công cụ về lãi suất, FTP.

c) Tăng trưởng quy mô tín dụng bền vững; cơ cấu lại danh mục tín dụng, phát triển khách hàng tiềm năng gắn với đặc thù kinh tế - xã hội từng địa phương.

d) Tập trung kiểm soát chất lượng tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu nội bảng, thu hồi nợ xấu, nợ đã XLRR.

e) Nhất quán phương châm "lấy khách hàng làm trung tâm", phát triển đa dạng, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tối ưu hóa chi phí, thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm khách hàng, bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ.

f) Tiếp tục hoàn thiện phương thức quản trị điều hành , mô hình, công cụ quản trị rủi ro theo hướng hiện đại, tiên tiến, từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng các chuẩn mực theo Basel II và tiến tới triển khai Basel III.

g) Tăng tốc triển khai các giải pháp phát triển CNTT, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.

h) Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu Agribank đến năm 2030 gắn với văn hóa doanh nghiệp; Triển khai áp dụng toàn diện Bộ tiêu chuẩn ESG, định hướng phát triển bền vững.

i) Triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động, tạo dư địa giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN.

j) Tập trung cơ cấu, sắp xếp lại mạng lưới hoạt động theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; Nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

5.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025 của Tổ Chức Phát Hành

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được dựa trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của Agribank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu được từ phát hành Trái Phiếu ra công chúng, nguồn vốn tích lũy của Agribank, nguồn vốn huy động khác, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Agribank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của Agribank.

6. Kế hoạch chào bán Trái Phiếu trong vòng 03 năm tiếp theo

Hội đồng thành viên đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐTV ngày 14/02/2025 thông qua kế hoạch vốn giai đoạn 2025-2027 (bao gồm phương án tăng vốn từ nguồn phát hành trái phiếu): "Giai đoạn 2025-2027, căn cứ nhu cầu vốn tự có đảm bảo vốn mục tiêu, khả năng

cân đối vốn cho mục tiêu tăng trưởng tín dụng phục vụ phát triển kinh tế từng thời kỳ, Agribank tiếp tục xây dựng phương án phát hành trái phiếu đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2 và bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế, từ nay đến 2027 phát hành từ 31.000-32.000 tỷ đồng (tương ứng với khả năng phát hành trái phiếu thực tế của Agribank trong giai đoạn 2022-2024). Thời gian, lộ trình cụ thể: phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan quản lý về việc phát hành trái phiếu, dự kiến mỗi năm phát hành là 10.000-11.000 tỷ đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 16/4/2025 họp Hội đồng thành viên lần thứ 6 năm 2025 Phần về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025; Nghị quyết số 60/NQ-HĐTV ngày 16/4/2025 họp Hội đồng thành viên lần thứ 6 năm 2025 Phần về phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025; Nghị quyết số 62/NQ-HĐTV ngày 16/4/2025 họp Hội đồng thành viên lần thứ 6 năm 2025 Phần về phương án phát hành trái phiếu thông thường năm 2025 của Agribank; Nghị quyết số 63/NQ-HĐTV ngày 16/4/2025 họp Hội đồng thành viên lần thứ 6 năm 2025 Phần về phương án phát hành trái phiếu cho mục đích tín dụng xanh năm 2025 của Agribank.

Nghị quyết số 87/NQ-HĐTV ngày 06/06/2025 của Hội đồng thành viên về việc triển khai phương án phát hành và cam kết của Agribank khi thực hiện chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025.

Ngoài kế hoạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng và riêng lẻ năm 2025 đã được HĐTV Agribank thông qua tại các Nghị quyết nêu trên, trong 03 năm tới Agribank chưa có kế hoạch chào bán Trái Phiếu nào khác. Các đợt chào bán Trái Phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐTV thông qua theo từng năm.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Nội dung được trình bày tại Mục VI "***Thông tin về đợt chào bán***" này là Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được phát hành.

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán

- Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội

đưng về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu trong nước của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank;
- Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 16/4/2025 họp Hội đồng thành viên lần thứ 6 năm 2025 Phần về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025;
- Nghị quyết số 87/NQ-HĐTV ngày 06/06/2025 của Hội đồng thành viên về việc triển khai phương án phát hành và cam kết của Agribank khi thực hiện chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025.
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Định nghĩa và nguyên tắc diễn giải

2.1. Các định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Bản Cáo Bạch này sẽ có ý nghĩa như bên dưới:

"Tổ Chức Phát Hành" là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, gọi tắt là **"Agribank"**.

"Trái Phiếu" là Trái Phiếu do Agribank phát hành, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, có đặc điểm thỏa mãn Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu trong Bản Cáo Bạch này.

"Chuyển Quyền Sở Hữu" là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

"Người Sở Hữu Trái Phiếu" là tổ chức hoặc cá nhân trong nước hoặc nước ngoài mua hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và (i) đã được đăng ký và có tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC hoặc (ii) có tên trong danh sách người sở hữu Trái Phiếu do VSDC quản lý và cung cấp tại từng thời điểm sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC.

"Năm Tài Chính" là thời gian được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

"Ngày Phát Hành Trái Phiếu" là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Agribank đối với Trái Phiếu.

"Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại" là thời điểm tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành.

"Ngày Đáo Hạn" là ngày tròn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành.

"Ngày Làm Việc" là bất kỳ ngày nào trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, Tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

"Nợ Phải Trả" là tất cả các khoản nợ phải trả hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của Tổ Chức Phát Hành được lập theo Các chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần của Tổ Chức Kiểm Toán nhưng nếu Tổ Chức Phát Hành đang bị đặt trong tình trạng phá sản hay giải thể thì báo cáo tài chính có thể được Tổ Chức Kiểm Toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận.

"Nợ Thứ Cấp" là khoản nợ mà trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản hay giải thể, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các yêu cầu thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác của Tổ Chức Phát Hành). Các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh.

"Tài sản" là tổng tài sản hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của Tổ Chức Phát Hành được lập theo Các chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần của Tổ Chức Kiểm Toán nhưng nếu Tổ Chức Phát Hành đang bị đặt trong tình trạng phá sản hoặc giải thể thì báo cáo tài chính có thể được Tổ Chức Kiểm Toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận.

"Quyền Mua Lại" hay **"Quyền Mua Lại Trước Hạn"** là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại tối đa 100% khối lượng Trái Phiếu đã phát hành vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại nếu việc mua lại trước thời gian đáo hạn đó thực hiện trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, phù hợp với quy định tại Khoản 18 Mục VI dưới đây.

"Ngày Đăng Ký Cuối Cùng" hoặc **"Ngày Chốt Danh Sách"** là ngày chốt danh sách những Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tại Ngày Chốt Danh Sách, nếu có tên trong danh sách, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được nhận các quyền liên quan đến Trái Phiếu. Ngày Chốt Danh Sách được xác định như sau:

(i) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Ngày Chốt Danh Sách là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày được nhận các quyền lợi khác liên quan đến Trái Phiếu.

(ii) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: Ngày Chốt Danh sách là ngày được ấn định theo quy định của pháp luật và VSDC để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu

được nhận quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó hoặc được nhận các quyền lợi khác liên quan đến Trái Phiếu.

"Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu" là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.

"Trái Phiếu đang lưu hành" là Trái Phiếu đã được phát hành nhưng chưa được hoàn trả tiền gốc hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành mua/mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

"Tổ Chức Kiểm Toán" là đơn vị kiểm toán độc lập do Tổ Chức Phát Hành chỉ định.

"Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký": Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank ("Agriseco") là **"Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký"**

"Trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu" là trang thông tin đăng tải thông tin chính thức về lãi suất và các thông tin khác của (04) bốn ngân hàng thương mại Việt Nam được sử dụng làm Ngân Hàng Tham Chiếu như quy định tại tại Khoản 11 Mục VI dưới đây, cụ thể:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: http://www.vietinbank.vn
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: http://www.bidv.com.vn
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: http://www.vietcombank.com.vn
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: https://www.agribank.com.vn

"Việt Nam Đồng" hoặc **"VNĐ"** là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

"Vốn cấp 2" là vốn cấp 2 xác định theo các quy định của pháp luật (kể cả quy định và hướng dẫn của NHNN) áp dụng đối với việc tính vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Tổ chức tín dụng.

Ngoài ra, những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.2. Nguyên tắc diễn giải

- Các cụm từ "Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu" và "Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này" sẽ có nghĩa là đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- Các tiêu đề của bất kỳ Điều kiện nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Kiện đó.

3. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025.

4. Mã Trái Phiếu trước khi niêm yết

AGRIBANK253501.

5. Loại Trái Phiếu

Loại hình trái phiếu là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Hình thức Trái Phiếu

Hình thức Trái Phiếu là: Bút toán ghi sổ.

7. Mệnh giá Trái Phiếu

Mệnh giá Trái Phiếu là: **100.000 VNĐ/Trái Phiếu** ***(Một trăm nghìn đồng/1 Trái Phiếu).***

8. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là : **100.000.000 Trái Phiếu** ***(Một trăm triệu Trái Phiếu)***

9. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là: **10.000.000.000.000 VNĐ** ***(Mười nghìn tỷ đồng).***

10. Kỳ hạn Trái Phiếu

Kỳ hạn Trái Phiếu là **10 năm** ***(Mười năm)*** *(ngày đáo hạn là ngày tròn 10 năm kể từ Ngày Phát Hành).*

11. Lãi suất

Lãi suất của Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025 ("Lãi Suất") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất Trái Phiếu = LSTC + Biên độ

Trong đó:

- Biên độ: **1,8%/năm**
- Nếu Agribank không mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, biên độ = **3,0%/năm** áp dụng trong 05 năm cuối
- **LSTC:** là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank (mỗi ngân

hàng này được gọi là **"Ngân Hàng Tham Chiếu"**) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, lãi suất trái phiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. **Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu theo các quy định sau:**

- Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên.

- Trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của cả 04 Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền bằng văn bản. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên;

- Trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền không lấy được lãi suất mà lý do không phải xuất phát từ phía Ngân Hàng Tham Chiếu thì Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh TP Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch);

- Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam của kỳ hạn tính bằng ngày gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có 02 (hai) mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương

đương của kỳ hạn ngắn hơn;

- Tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền xác định lãi suất sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi suất cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi;
- Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

- **"Ngày Xác Định Lãi Suất"**: là ngày Agribank ban hành Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đối với kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Nếu tại Ngày Xác Định Lãi suất của bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào mà có quy định của pháp luật về mức lãi suất trần và quy định đó có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu khi xác định lãi suất như vậy thì Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức trên (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần đó (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

12. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

12.1. Kỳ tính lãi và Kỳ thanh toán lãi

- **"Kỳ Tính Lãi/Kỳ Xác Định Lãi Suất"**: định kỳ 01 năm/lần kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- **"Ngày Bắt Đầu Tính Lãi"**: là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- **"Kỳ Thanh Toán Lãi"**: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào **"Ngày Thanh Toán Lãi"** là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành, riêng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

12.2. Tiền lãi

(a) Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng trọn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn trọn Kỳ Thanh Toán Lãi} = \text{Tổng giá trị Trái Phiếu theo Mệnh giá Trái Phiếu Nắm Giữ} \times \text{Lãi suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}$$

(b) Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn không trọn Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới 01 (một) năm), tiền lãi được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng cho một thời gian không trọn Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới 01 (một) năm)} = \text{Tổng giá trị Trái Phiếu theo Mệnh giá Trái Phiếu Nắm Giữ} \times \text{Lãi Suất áp dụng trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó} \times \frac{\text{Số ngày thực tế nắm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi}}{\text{365 ngày}}$$

(c) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo Lãi Suất áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc của Trái Phiếu đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ Ngày Đáo Hạn, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(d) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại Khoản 12.3 Mục VI dưới đây) không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo mức Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản lãi không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó cho đến nhưng không bao gồm ngày số tiền lãi đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(e) Lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán theo quy định tại Khoản 12.2(c), (d) Mục VI nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm phối hợp ngay lập tức với Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền để rà soát và đưa ra biện pháp xử lý khắc phục tình trạng đó.

(f) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ

Chức Phát Hành hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền giữ hộ và không được hưởng lãi. Trong trường hợp này, chậm nhất vào Ngày Làm Việc kế tiếp tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền làm đầu mối phối hợp với Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu để thống nhất các biện pháp xử lý.

(g) Trường hợp Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC, phí chuyển khoản thanh toán tiền lãi/gốc Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành chịu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản thanh toán tiền lãi/gốc tại Tổ Chức Phát Hành. Phí chuyển khoản thanh toán tiền lãi/gốc Trái Phiếu sẽ do Người Sở Hữu Trái Phiếu chịu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản thanh toán tiền lãi/ gốc tại Tổ chức Tín dụng khác và được khấu trừ vào số tiền Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận trước khi chuyển khoản. Trường hợp Trái Phiếu đã lưu ký tại VSDC, việc thanh toán tiền gốc/lãi Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của VSDC.

12.3. Ngừng thanh toán tiền lãi

Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ (**"Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán"**). Việc Tổ Chức Phát Hành chậm trả lãi theo quy định tại câu trên sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là **"Kỳ Tạm Ngừng"** thanh toán tiền lãi đó.

Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày tạm ngừng trả lãi cho đến và không bao gồm ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi suất của Kỳ Tạm Ngừng Thanh Toán đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

12.4. Kỳ hạn trả gốc

- Nếu không được mua lại trước hạn, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả tiền gốc bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn.
- Nếu Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo các quy định tại Bản Cáo Bạch này thì tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại tương ứng.

12.5. Thanh toán vào Ngày Làm Việc

Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực

hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Để tránh hiểu lầm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi liên quan đến việc thanh toán chậm do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.

13. Giá chào bán

Giá chào bán là **100.000 VNĐ/Trái Phiếu** ***(Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu).***

14. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong mọi trường hợp, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là các chủ Nợ Thứ Cấp). Tại mọi thời điểm, các Trái Phiếu phát hành theo Các Điều Khoản và Điều Kiện quy định tại Bản Cáo Bạch này có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

15. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và có quyền nhận tất cả các khoản tiền thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu đó.

15.1. Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (**"Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký"**) lập và duy trì sổ đăng ký (**"Sổ Đăng Ký"**) ghi tên của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2025 (sau đây gọi là **"Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký"**)
- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (**"Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu"**) theo quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký.
- Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi các bên hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quy định và hoàn tất việc đăng ký thông

tin về Bên nhận chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đảm bảo chuyển giao cho Bên nhận chuyển nhượng một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận khoản tiền gốc của Trái Phiếu được nhận chuyển nhượng, xác nhận tên và quyền sở hữu của Bên nhận chuyển nhượng Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu và Bên nhận chuyển nhượng nộp đầy đủ hồ sơ về việc chuyển nhượng đó.

- Để tránh nhầm lẫn, Bên nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận chuyển nhượng ngay khi: (i) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nhận được đầy đủ hồ sơ về việc chuyển nhượng và các loại phí, thuế liên quan từ Bên nhận chuyển nhượng và Bên chuyển nhượng; (ii) Quyền sở hữu của Bên nhận chuyển nhượng đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc Bên nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa.
- Các chi phí hành chính liên quan đến chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ấn định trong từng thời kỳ và áp dụng khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu, phù hợp với pháp luật Việt Nam và thực tiễn thị trường, và phải được các bên có liên quan thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu.
- Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu khi bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe; việc thay đổi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

(b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- *Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại VSDC:* Việc quản lý, lưu giữ thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện thông qua VSDC và tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của VSDC và SGDCK (khi Trái Phiếu được niêm yết).
- *Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC:* Để thực hiện các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện lưu ký Trái Phiếu theo quy định của VSDC và pháp luật Việt Nam. Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và thay đổi thông tin cho những Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC sẽ thực hiện theo quy định của Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền thực hiện.

15.2. Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu đối với Trái Phiếu do mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký tại Ngày Chốt Danh Sách sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền thanh toán các khoản gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho tới Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu không được yêu cầu Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và bất kỳ khoản thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu.

(b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong danh sách những Người Sở Hữu Trái Phiếu của VSDC tại Ngày Chốt Danh Sách sẽ được thanh toán các khoản tiền gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) theo các quy định sau đây:.
  - Với các Trái Phiếu đã được lưu ký tại VSDC: việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của VSDC và các quy định pháp luật có liên quan.
  - Với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSDC: việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Phát hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Việc thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán sẽ được công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán và VSDC.

15.3. Quyền giao dịch Trái Phiếu

(a) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.

(b) Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của tổ chức tín dụng đó.

(c) Không ảnh hưởng đến quy định tại Khoản 15.3(b) Mục VI nêu trên, Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành, trừ trường hợp mua lại trước hạn quy định tại Khoản 18 Mục VI.

(d) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu được thực hiện tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

(e) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ thực hiện theo các quy định của VSDC, các quy định của pháp luật có liên quan khác.

(f) Nhằm mục đích đăng ký Trái Phiếu tại VSDC của Tổ Chức Phát Hành, việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ bị tạm ngừng trong một khoảng thời gian nhất định kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho đến ngày giao dịch đầu tiên của Trái Phiếu theo thông báo của VSDC.

15.4. Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định tại Khoản 16 Mục VI dưới đây.

15.5. Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Khoản 26 Mục VI dưới đây.

15.6. Quyền có tổ chức đại diện

Vì mục đích đăng ký và lưu ký tập trung Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào, sẽ công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

15.7. Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành

Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây gọi là một **"Sự Kiện Vi Phạm"**:

(a) *Không thanh toán:* Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Khoản 12.3 Mục VI).

(b) *Mất khả năng thanh toán:* Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào

tình trạng khác làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc chưa được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc.

Thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền thực hiện bất kỳ quyền nào dưới đây:

(a) Quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán (chỉ áp dụng đối với Sự Kiện Vi Phạm *"Không thanh toán"*) nêu trên; hoặc

(b) Quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép).

Ngoài ra, nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không, và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả theo công thức tại Khoản 12.2 Mục VI.

15.8. Nghĩa vụ

Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập liên quan đến Trái Phiếu. Ngoài ra, trong thời gian sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải tuân thủ các quy định của Tổ Chức Phát Hành, các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, quy định tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, quy định của VSDC (trường hợp Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC), SGDCK (trường hợp Trái Phiếu được niêm yết), các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có) và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

15.9. Các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

15.10. Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Khoản 16 Mục VI hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

16. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

16.1. Tên Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ	:	Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại	:	(84) 24 38181888
Số fax	:	(84) 24.38181688

16.2. Chỉ định Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị định 155/2020/NĐ-CP"). Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đồng ý làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo chỉ định của Tổ Chức Phát Hành tại Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, theo các Văn Kiện Trái Phiếu, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), sẽ công nhận và đồng ý không hủy ngang (i) việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định tại nội dung trên và (ii) các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu.

Trong thời gian Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu có hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định đối với Trái Phiếu. Quyền lợi và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu sẽ có hiệu lực kể từ khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu cho đến khi đáo hạn Trái Phiếu và/hoặc không còn bất kỳ Trái Phiếu nào được lưu hành.

Việc lựa chọn một pháp nhân kế vị để thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu ("Đại Diện Thay Thế") được thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu.

16.3. Trách nhiệm cơ bản của người Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng Số: 01/2025/HĐĐDNSHTP/AGRIBANK-SHS ngày 22 tháng 05 năm 2025 với Tổ Chức Phát Hành

(a) Giám sát việc tuân thủ và thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu;

(b) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu với Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức có liên quan khác;

(c) Thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho Tổ Chức Phát Hành văn bản thông báo và bằng chứng về hành vi vi phạm trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhưng không nhận được văn bản giải thích thỏa đáng của Tổ Chức Phát Hành về phát hiện vi phạm đó;

(d) Thực hiện trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu (nếu có);

(e) Gửi cho Tổ chức phát hành Thông báo về lãi suất của kỳ tính lãi/gốc trái phiếu kèm bảo thông báo lãi suất của các ngân hàng liên quan;

(f) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(g) Nhận và thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của các thông báo, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(h) Nhận và gửi cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được các thông báo, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

(i) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật hiện hành;

(j) Hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu;

(k) Các công việc và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu.

17. Cam kết về bảo đảm

Không có, vì Trái Phiếu chào bán của Tổ Chức Phát Hành là Trái Phiếu không có tài sản bảo đảm.

18. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn

18.1. Mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

(a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan (trừ khi việc hoàn trả gốc Trái Phiếu phải thực hiện theo quy định tại Khoản 15.7 Mục VI), Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn 100% khối lượng Trái Phiếu đã phát hành tại thời điểm tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, giá mua lại bằng mệnh giá của Trái Phiếu.

(b) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại Trái Phiếu theo thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành với giá bán lại bằng mệnh giá.

(c) Trường hợp các quy định pháp luật hiện hành không quy định khác, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc thực hiện quyền mua lại tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

18.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến Khoản 18.1 Mục VI nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất kỳ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu.

19. Hủy bỏ Trái Phiếu

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn trả/mua lại trước hạn đầy đủ cả gốc và lãi sẽ được hủy bỏ ngay và không được phát hành lại hoặc bán lại. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không được hủy bỏ Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.

Các Trái Phiếu đã hủy bỏ sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định các vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

20. Phương thức phân phối

Trái Phiếu được bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các chi nhánh/Phòng giao dịch của Agribank trên phạm vi toàn quốc và Phân phối thông qua Đại lý Phát Hành là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco).

Trách nhiệm của Đại lý phát hành:

- Agriseco với vai trò Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành sẽ hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết trước khi chào bán Trái Phiếu ra công chúng và hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành trong việc phân phối Trái Phiếu.
- Agriseco sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu cho các nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu hợp lệ thông qua chào bán trực tiếp hoặc một hình thức phù hợp khác theo thông báo cụ thể của Agriseco.
- Công bố đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành Trái Phiếu đã được phê duyệt và chỉ bán Trái Phiếu cho các nhà đầu tư đủ điều kiện mua Trái Phiếu theo quy định của Pháp luật.
- Cập nhật định kỳ, đột xuất các thông tin về tiến độ và kết quả chào bán Trái Phiếu của các nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành.
- Thực hiện các dịch vụ khác theo quy định tại Hợp đồng đã ký với Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và đảm bảo thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho Nhà Đầu Tư là 20 (hai mươi) ngày.

21. Đăng ký mua Trái Phiếu

(i) ***Thời hạn:*** Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát hành theo quy định và sẽ thông báo thời gian và địa điểm đăng ký mua Trái Phiếu. Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày.

(ii) ***Số lượng:*** Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu.

(iii) ***Đối tượng được đăng ký mua:*** Các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

(iv) ***Phương thức đăng ký mua và thanh toán:***

- Thời gian muộn nhất để nhà đầu tư thực hiện thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành;
- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Trường hợp tại ngày kết thúc đăng ký mua, tổng số lượng đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng

ký mua. Để tránh hiểu lầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Khoản 23 Mục VI. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị và nhà đầu tư không được ưu tiên mua.

- Địa điểm đăng ký mua và thanh toán:
  - Thông qua Tổ Chức Phát Hành: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD đăng tải tại https://www.agribank.com.vn/.
  - Thông qua Đại Lý Phát Hành: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD đăng tải tại https://agriseco.com.vn/.

(v) ***Thời hạn cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu:*** Chậm nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Nhà đầu tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại địa điểm mà nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu.

(vi) ***Quyền lợi người mua Trái Phiếu:*** Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán thành công tiền mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, được Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định trên đây và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu.

(vii) ***Nghĩa vụ của người mua Trái Phiếu:*** Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy hoặc sửa đổi đăng ký mua Trái Phiếu.

(viii) ***Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu:*** 01 (một) Trái Phiếu, tương đương 100.000 (một trăm nghìn) đồng tính theo mệnh giá. Để tránh hiểu lầm, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 01 (một) Trái Phiếu.

(ix) ***Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu:*** trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng khối lượng đăng ký đặt mua Trái Phiếu vượt quá khối lượng Trái Phiếu chào bán:

✓ Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài khoản phong tỏa được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc Đợt Phát Hành).

✓ Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu ghi tại Phiếu đăng ký mua Trái Phiếu hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà người đặt mua Trái Phiếu đăng ký và nộp tiền mua.

22. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu. Thời gian phân phối của Đợt Phát Hành tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày, giá trị Trái Phiếu phát hành dự kiến là 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng). Cụ thể:

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng	T
2	Nhà Đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu tại Đại lý phát hành	T đến T+20
3	Báo cáo kết quả chào bán	T+21
4	Xác nhận kết quả chào bán Trái Phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	T+24
5	Làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu cho Nhà đầu tư	T+24 đến T+54
6	Hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu	T+54

***Ghi chú**: Ngày T là ngày Tổ Chức Phát Hành thông báo về việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng (sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước). Thời gian phân phối trái phiếu cụ thể sẽ thực hiện theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành. Thời gian phân phối cụ thể có thể thay đổi nhưng vẫn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và nhu cầu của Agribank.*

23. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
- Tên tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
- Số tài khoản: 1220983668

24. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 15/4/2021, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định 649/QĐ-NHNN về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN.

Ngày 31/03/2021, NHNN đã ban hành Thông tư 01/2021/TT-NHNN *(có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021)* quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thay thế Thông tư 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 và Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013, trong đó; Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN đã bãi bỏ quy định *"Phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng của*

TCTD phải được NHNN chấp thuận". Theo quy định của Thông tư 01/2021/TT-NHNN việc phát hành Trái Phiếu trong nước của TCTD phải tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định trong Thông tư 01 này.

Như vậy, áp dụng Thông tư 01/2021/TT-NHNN, kể từ ngày 17/05/2021, TCTD nói chung và Agribank nói riêng không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng.

25. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại Ngày Phát Hành, không phải là những phân tích có tính toán diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

25.1. Thuế thu nhập cá nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, Thu nhập từ lãi Trái Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu

Căn cứ Khoản 9, 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% (không phẩy một phần trăm) trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 Thông tư số 68/VBHN-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu chịu mức thuế suất 10% (mười phần trăm) thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

25.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 78/2014/TT-BTC, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014:

(a) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi Trái Phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên lãi nhận được.

(b) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 0,1% (không phẩy một phần trăm) trên tổng giá trị Trái Phiếu bán ra.

25.3. Thuế Giá trị gia tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế Giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

25.4. Khấu trừ Thuế Thu Nhập Cá Nhân

(a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi Trái Phiếu trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC.

26. Thông báo, địa chỉ đăng ký

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của bên gửi, VSDC hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu niêm yết), hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/qua đường thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức) đến địa chỉ và/hoặc số

fax quy định tại Sổ Đăng Ký, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSDC (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

27. Thông tin về các cam kết

(a) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán trên 30 tỷ đồng, tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được HĐTV của Tổ Chức Phát Hành thông qua;
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu và các điều kiện khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng;
- Có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật hiện hành
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của các đợt chào bán, phù hợp với quy định của pháp luật.

(b) Cam kết về thực hiện niêm yết Trái Phiếu tại SGDCK

- Tổ Chức Phát Hành có văn bản cam kết của HĐTV về việc triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán ra công chúng.
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

(c) Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Ngoài các cam kết nêu trên, Agribank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu/Nhà đầu tư về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích và theo Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã nêu tại Bản Cáo Bạch này;

- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ và điều kiện khác theo quy định Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

28. Luật điều chỉnh

Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025 để:

- Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định.
- Tăng quy mô vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế.

2. Phương án khả thi

Tổ Chức Phát Hành chào bán Trái Phiếu không phải nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện các dự án.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Agribank sử dụng với mục đích: tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, tăng quy mô vốn hoạt động, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành trái phiếu), đặc biệt là các dự án trung dài hạn trong các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về các TCTD và quy định nội bộ của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Lĩnh vực	Giá trị phát hành	Giá trị giải ngân	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
1	Năng lượng, điện	10.000	1.000	Quý II/2025 đến Quý I/2026
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo		1.000	
3	Nông, lâm, thủy sản		5.500	
4	Ngành khác		2.500	
Tổng cộng		**10.000**	**10.000**	

Agribank dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên với thứ tự ưu tiên: (i) Năng lượng, điện; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo; (iii) Nông, lâm, thủy sản; (iv) Ngành khác. Mức độ sử dụng vốn cụ thể sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực, nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Trường hợp không huy động đủ số tiền phát hành như dự kiến, phần thiếu hụt nguồn vốn dự kiến phát hành, Agribank sẽ sử dụng nguồn vốn cho vay thông thường (từ nguồn vốn huy động thông thường) để bù đắp.

2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư

- **Thời gian thanh toán tiền lãi Trái Phiếu:** Lãi Trái Phiếu được thanh toán trả sau, định kỳ 01 năm/lần vào ngày thanh toán lãi, là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn Trái Phiếu (trừ trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn).
- **Thời gian thanh toán tiền gốc Trái Phiếu:** Gốc Trái Phiếu được trả 01 (một) lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn.
- **Nguồn vốn để trả nợ gốc và lãi trái phiếu từ các nguồn sau:** (i) Nguồn thu nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu; (ii) Nguồn vốn tích lũy của Agribank; (iii) Nguồn vốn huy động khác và (iv) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Agribank.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

1.1. Tổ Chức Kiểm Toán báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại : 024. 3946 1600

Số fax : 024. 3946 1601

1.2. Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : 024. 6276 2666

Số fax : 024. 6276 5666

1.3. Đại diện người sở hữu trái phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ : Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại : (84) 24 38181888

Số fax : (84) 24.38181688

2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành về đợt chào bán

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐTV Agribank thông qua, và những nhận định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho đợt phát hành Trái Phiếu, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank nhận định kế hoạch chào bán của Tổ Chức Phát Hành là hợp lý và khả thi, với giả định không có những biến động bất thường và bất khả kháng nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế và các thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu. Ý kiến này chỉ mang tính chất tham khảo.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, Agribank đã ký hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco). Theo đó, Agriseco – với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành – thực hiện cung cấp dịch vụ cho đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng với Agribank. Do vậy, Agribank không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào cho đợt chào bán này.

X. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024 & Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/05/2021 của NHNN đính kèm Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Phụ lục 2:

- Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 16/4/2025 họp Hội đồng thành viên lần thứ 6 năm 2025 Phần về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025.
- Nghị quyết số 87/NQ-HĐTV ngày 6/6/2025 của Hội đồng thành viên về phê duyệt triển khai Phương án phát hành và cam kết của Agribank khi thực hiện chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025.
- Nghị quyết số 88/NQ-HĐTV ngày 6/6/2025 của Hội đồng thành viên về phê duyệt hồ sơ chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025.

3. Phụ lục 3: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số 1200/ĐL-HĐTV/PC ngày 10/10/2024 của Hội đồng thành viên.

4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính kiểm toán (riêng và hợp nhất) năm 2023, 2024 và Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) Quý I/2025.

5. Phụ lục 5:

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư số 7536/NHNo-KDVTT ngày 06/06/2025.
- Cam kết đáp ứng quy định chào bán số 7560/NHNo-KDVTT ngày 06/06/2025.
- Cam kết triển khai thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 296^/HĐTV-KDVTT ngày 06/06/2025.

6. Phụ lục 6: Hợp đồng Đại diện người sở hữu trái phiếu số 01/2025/HĐĐDNSHTP/AGRIBANK-SHS ngày 22/05/2025 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, DÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TÔ HUY VŨ

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
PHẠM TOÀN VƯƠNG	PHÙNG VĂN HƯNG QUANG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ SƠN TÙNG